

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

DÙNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TS. ĐỒNG XUÂN QUÁCH (Chủ biên)

TRẦN BÁ DIÊN AN - TRẦN CHÍNH - ĐỖ VĂN HIỆN -
VŨ ĐỨC HUẤN - DƯƠNG MẠNH HÙNG - LÊ DOãn THUẬT

GIÁO TRÌNH
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Dùng cho sinh viên các Trường đại học, cao đẳng

Tập một

(Tái bản lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

4.00
1.958.9

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Chịu trách nhiệm về nội dung :

CỤC DÂN QUẢN TƯ VỆ - BỘ QUỐC PHÒNG
VỤ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên tập nội dung :

PHẠM VĨNH THÔNG

Trình bày bìa :

TÀO THU HƯƠNG

Biên tập kỹ thuật :

CAO LAN PHƯƠNG

Sửa bản in :

PHẠM VĨNH THÔNG

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

19-2006/CXB/318 - 2056/GD

Mã số: 7X382T6

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Qua đó tạo điều kiện cho thế hệ trẻ có điều kiện tu dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện năng lực thực tế để sẵn sàng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược : Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Môn học Giáo dục quốc phòng đã được xác định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và gần đây nhất, Bộ Chính trị đã có chỉ thị số 62/ CT/TW ngày 12-2-2001 về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới, Chính phủ cũng có Nghị định số 15/2001/NĐ-CP ngày 1-5-2001 về giáo dục quốc phòng.

*Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục quốc phòng nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của mục tiêu giáo dục và thực tiễn, Bộ Quốc phòng đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các ban ngành, nghiên cứu chỉnh lí, biên soạn bộ sách **Giáo trình Giáo dục quốc phòng** dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng gồm hai tập. Bộ sách này đã được Hội đồng thẩm định liên Bộ Quốc phòng – Giáo dục và Đào tạo -- Lao động, Thương binh và Xã hội nghiệm thu. Nội dung sách đã cập nhật được những vấn*

để mới phù hợp với chương trình mới theo Quyết định số 12/2000/QĐ – BGD & ĐT ngày 9-5-2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà xuất bản Giáo dục tổ chức xuất bản và giới thiệu bộ sách Giáo trình Giáo dục quốc phòng với bạn đọc. Hi vọng bộ sách này sẽ giúp ích được nhiều cho giáo viên và nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những sơ xuất nhất định. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của các đồng chí giáo viên, cán bộ chỉ đạo để bộ sách ngày càng hoàn thiện. Các ý kiến đóng góp xin gửi về Nhà xuất bản Giáo dục 81 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Xin chân thành cảm ơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bài mở đầu

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG CHO SINH VIÊN TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Nhằm bồi dưỡng cho sinh viên hiểu được giáo dục quốc phòng (GDQP) trong các nhà trường là một nội dung quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện.

– Nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung chương trình và phương pháp nghiên cứu môn học.

– Xác định trách nhiệm, thái độ đúng trong học tập môn học GDQP, tích cực tham gia công cuộc xây dựng và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B – NỘI DUNG

I – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG LÀ MỘT NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG MỤC TIÊU GIÁO DỤC TOÀN DIỆN CỦA CÁC NHÀ TRƯỜNG

1. Giáo dục quốc phòng gắn kết quá trình giáo dục – đào tạo với quốc phòng – an ninh

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước. Đó là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam trong mấy ngàn năm lịch sử. Khi có giặc ngoại xâm cũng như khi đất nước hoà bình thịnh trị, ông cha ta luôn chăm lo kế sách dài lâu, "sâu rễ bền gốc" luyện binh lúc thư nhàn :

"thái bình nên gắng sức, non nước ấy ngàn thu"⁽¹⁾. Hay quân ở trong dân "ngụ binh ư nông"⁽²⁾ sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta được phát huy cao độ trong chiến lược phát triển đất nước : xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (XHCN) là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Sự gắn bó cố tính lịch sử, biện chứng tất yếu này khẳng định quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta luôn luôn gắn liền hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, GDQP toàn dân, trong đó GDQP cho học sinh, sinh viên là một nội dung quan trọng của nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân.

Tình hình quốc tế và khu vực trong thời gian qua cho thấy rằng, trong những thập niên đầu của thế kỉ XXI, đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra một cách gay gắt. Những năm tới, ít có khả năng diễn ra các cuộc chiến tranh quy mô lớn và chiến tranh thế giới nhưng các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, biên giới vẫn xảy ra liên tục ở nhiều khu vực. Các thế lực thù địch có thể núp dưới chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" để phát động các cuộc chiến tranh nhằm áp đặt ý đồ của chúng lên các dân tộc khác, thôn tính, lật đổ chế độ, ép các nước phải đi theo quỹ đạo của chúng.

Mặt khác, thế giới đang đứng trước những vấn đề có tính toàn cầu, bản thân mỗi nước không thể tự giải quyết được mà phải có sự phối hợp đa phương như : bảo vệ hoà bình ; ngăn chặn các căn bệnh hiểm nghèo ; bảo vệ môi trường ; chống tội phạm quốc tế... đã đặt ra những vấn đề mới về bảo vệ Tổ quốc.

(1) Nhân vật lịch sử Việt Nam. NXB KHXH, 1992, Tr.882.

(2) Lịch triều Hiến chương loại chí NXBKHXH, 1992, tập 3, Tr.31.

Xu hướng toàn cầu hoá về kinh tế đang là một xu thế khách quan. Toàn cầu hoá về kinh tế, dù nhiều, dù ít, các nước đều có sự phụ thuộc lẫn nhau ; quan hệ "đối tượng", "đối tác" trở nên không rõ ràng, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Các nước phát triển đang lợi dụng ưu thế về vốn, trình độ khoa học – kĩ thuật và công nghệ hiện đại để ép các nước kém phát triển. Mặt khác do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – kĩ thuật và công nghệ tiên tiến làm cho vũ khí, trang bị quân sự liên tục đổi mới và phát triển với những vũ khí, trang bị hiện đại, độ chính xác cao, tinh khôn, tàng hình, uy lực sát thương lớn ; nguyên lí sát thương phá hoại khác với vũ khí thông thường... điều đó không những làm thay đổi biên chế, tổ chức quân đội các nước, mà còn làm thay đổi phương thức tiến hành chiến tranh, phương thức bảo vệ Tổ quốc và nghệ thuật quân sự. Tình hình đó làm cho nhiệm vụ quốc phòng ngày nay đã có nhiều thay đổi cả về nội dung, phương thức và đối tượng. Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX về quốc phòng – an ninh đã chỉ rõ những yêu cầu mới về bảo vệ Tổ quốc: "Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ ; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc".

Yêu cầu mới về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác quốc phòng bảo đảm cho đất nước nói chung và từng khu vực tỉnh, thành phố phải luôn chủ động, sẵn sàng, không để bị bất ngờ trước mọi tình huống xảy ra ; giữ vững ổn định, ngăn ngừa, đẩy lùi mọi nguy cơ chiến tranh, để tập trung xây dựng đất nước. Điều đó đặt ra yêu cầu quan trọng là phải tăng cường GDQP toàn dân. Phải gắn kết chặt chẽ quá trình giáo dục – đào tạo với việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh, nhằm tăng cường tính hiệu quả trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Thực hiện tốt các mặt công tác quốc phòng,

111
112

trong đó có nhiệm vụ GDQP cho sinh viên là thiết thực góp phần ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sự nghiệp giáo dục – đào tạo. GDQP góp phần nâng cao dân trí, tăng cường tiềm lực về tri thức phòng thủ đất nước. Con đường hiệu quả nhất để đưa đường lối chủ trương của Đảng về quốc phòng – an ninh vào cuộc sống phải bằng con đường giáo dục – đào tạo. Chỉ có giáo dục – đào tạo mới làm cho mỗi người nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nhiệm vụ bảo vệ đất nước. GDQP làm cho thế hệ trẻ sinh viên nhận thức được giá trị độc lập, tự do, sự hi sinh lớn lao của các thế hệ ông cha để bảo vệ đất nước. Trong mỗi giai đoạn cách mạng và đổi mới giáo dục – đào tạo chương trình môn học GDQP, từ tên gọi đến nội dung đều được đổi mới kịp thời, đáp ứng những vấn đề cơ bản về đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân của Đảng.

Từ năm 1961, thực hiện Nghị định 219/CP của Hội đồng Chính phủ, việc *huấn luyện quân sự phổ thông* đã được chính thức đưa vào các nhà trường.

Năm 1966, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp quyết định ban hành chương trình huấn luyện quân sự thống nhất trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Năm 1983, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 749/QP về việc ban hành chương trình huấn luyện quân sự phổ thông bậc 1 và bậc 2 cho các trường học.

Cùng với GDQP từ những năm 70, công tác đào tạo sĩ quan dự bị từ sinh viên tốt nghiệp đại học đã được triển khai ở nhiều trường đại học trong cả nước. Đã có hàng vạn sĩ quan dự bị được đào tạo từ sinh viên tốt nghiệp đại học. Đây là nguồn cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý kinh tế đáng kể cho nhiệm vụ dự bị động viên, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Hàng ngàn sĩ quan dự bị đã tình nguyện vào phục vụ lâu dài trong quân đội, nhiều người

đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng và đã có nhiều đóng góp cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trước tình hình đổi mới của đất nước và đổi mới giáo dục – đào tạo, cuối năm 1991 chương trình huấn luyện quân sự phổ thông được đổi thành *chương trình môn học GDQP* với mục tiêu rõ ràng hơn, rộng lớn hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển của giáo dục – đào tạo và nhiệm vụ bảo vệ đất nước trong thời bình. GDQP không chỉ trang bị các kĩ năng quân sự cần thiết, mà quan trọng hơn là trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về đường lối quốc phòng và quân sự của Đảng, ý thức và kiến thức quốc phòng để người cán bộ khoa học kĩ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và quản lí kinh tế biết kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, quốc phòng với an ninh và đối ngoại ngay trên từng cương vị công tác.

Môn học GDQP tạo điều kiện cho sinh viên có thể học tập theo năng lực của mình, tích lũy kiến thức theo học phần, chứng chỉ. Sinh viên khi đã tích lũy đủ học phần, chứng chỉ được dự thi lấy chứng chỉ môn học GDQP theo Nghị định của Chính phủ, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kế tục và phát huy những kết quả thực hiện chương trình môn học GDQP những năm qua, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới và phù hợp với quy chế quản lí giáo dục – đào tạo bậc đại học, năm 2000 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình môn học GDQP đổi mới, thay thế cho chương trình môn học GDQP ban hành năm 1991.

Như vậy, trong từng giai đoạn cách mạng, chương trình môn học GDQP đều có những đổi mới phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước và công tác quốc phòng trong từng thời kì, gắn kết chặt chẽ các mục tiêu của giáo dục – đào tạo với quốc phòng – an ninh.

GDQP cho sinh viên không riêng ở Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, quy mô quốc gia, trình độ kinh tế, khoa học – kĩ thuật và công nghệ đều được quan tâm và đưa vào chương trình chính khoá trong các nhà trường.

Xin-ga-po có chương trình *Phòng thủ tổng lực*. Cục trưởng Cục Giáo dục quốc gia nằm trong Bộ Quốc phòng.

Ô-xtrây-li-a thực hiện chính sách phổ cập huấn luyện quân sự cho thanh niên khi còn học ở các trường trung học, dạy nghề và đại học toàn liên bang.

Trung Quốc, các cán bộ khoa học kĩ thuật, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo theo mô hình "*nhân tài lưỡng dụng*" để phục vụ cho xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng.

CHLB Đức, Nhà nước giao cho hệ thống giáo dục đại học và dạy nghề chuyên môn kĩ thuật, nghiệp vụ kế hoạch động viên cho nhu cầu quốc phòng.

Cộng hoà Liên bang Nga, sau gần một thập kỉ khủng hoảng kinh tế – chính trị, từ cuối năm 2000, Nhà nước đã phải chi một khoản ngân sách lớn cho công tác GDQP học sinh, sinh viên...

2. Giáo dục quốc phòng góp phần giáo dục toàn diện con người mới xã hội chủ nghĩa

GDQP là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kĩ thuật quân sự. Là môn học được thể hiện trong đường lối giáo dục của Đảng và thể chế hoá bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước, nhằm góp phần đào tạo ra những con người có đủ phẩm chất và năng lực làm tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Luật Giáo dục 1998 đã xác định : "*Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri*

thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH ; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Thế hệ trẻ học sinh, sinh viên là chủ nhân của đất nước và đặc biệt là trong thế kỉ XXI – thế kỉ của nền kinh tế tri thức, phải có những phẩm chất toàn diện về tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp ; trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH. GDQP, giáo dục công dân, giáo dục thể chất, thẩm mỹ cùng nhiều môn học khác góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng các mục tiêu đào tạo nhân trí, nhân lực, nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Trong những năm đất nước có chiến tranh, nhờ có chương trình huấn luyện quân sự trong các nhà trường, thanh niên trước khi nhập ngũ đã có kiến thức quân sự phổ thông, rút ngắn được thời gian huấn luyện chiến sĩ mới, tham gia tích cực trong cuộc kháng chiến chống Mĩ và chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc. Nhiều tấm gương cao đẹp là học sinh, sinh viên đã xuất hiện khi còn ngồi trên ghế nhà trường, đã trở thành anh hùng, dũng sĩ trong chiến đấu và lao động xây dựng đất nước. Lớp lớp sinh viên tình nguyện đến những nơi khó khăn, gian khổ cùng sát vai với bộ đội và nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị – xã hội của đất nước. Ngoài việc nâng cao dân trí về quốc phòng, GDQP góp phần giáo dục ý thức trách nhiệm của mỗi công dân đối với Tổ quốc, giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, coi trọng nếp sống tập thể, mình vì mọi người, chống thói ích kỉ ; cùng với các hoạt động khác đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội.

3. Giáo dục quốc phòng là môn học được luật pháp quy định

GDQP là môn học có Chỉ thị của Bộ Chính trị chỉ đạo, môn học duy nhất được luật pháp quy định. Điều 17 chương III *Luật Nghĩa vụ quân sự* 1991 quy định : *Việc huấn luyện quân sự phổ thông (nay là GDQP) cho học sinh ở trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng và trường đại học thuộc chương trình chính khoá.*

Từ năm 1961, khi cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, chương trình huấn luyện quân sự phổ thông đã được Chính phủ quy định tại Nghị định 219/CP là môn học chính trong nhà trường. Đến năm 1991 sau khi công bố *Luật Nghĩa vụ quân sự*, môn học huấn luyện quân sự phổ thông được đổi thành GDQP và đưa vào đào tạo chính khoá theo Chỉ thị 420/CT ngày 30/12/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Thực hiện Chỉ thị số 62/CT của Bộ Chính trị TW Đảng, ngày 01/5/2001 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/NĐ-CP về GDQP tiếp tục khẳng định : *GDQP thuộc nội dung của nền giáo dục quốc gia, là nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới XHCN. GDQP là môn học chính khoá trong các trường, lớp đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung học phổ thông, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ; các trường chính trị, hành chính và đoàn thể.*

Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan quy định nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu GDQP phù hợp với từng đối tượng, từng bậc học, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và công tác quốc phòng trong từng thời kì. Bộ

Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo quản lý... ban hành chương trình, phát hành giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu... và tổ chức thực hiện công tác GDQP ở các cơ sở thuộc ngành.⁽¹⁾

Hệ thống các văn bản chỉ đạo của Đảng, các văn bản pháp quy của Nhà nước về môn học GDQP trong hệ thống giáo dục quốc dân và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể ngày càng hoàn thiện, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc giáo dục thế hệ trẻ học sinh, sinh viên – những chủ nhân tương lai của đất nước, có vị trí cực kì quan trọng trong chiến lược giáo dục – đào tạo của Đảng ta. Vì vậy, học tập tốt môn GDQP vừa là quyền lợi được học tập đồng thời là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi sinh viên.

II – GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC

1. Đặc điểm môn học

GDQP nằm trong nhóm các môn học có tỉ lệ lí thuyết chiếm trên 60% chương trình môn học, nhằm tăng cường lí luận cơ bản về đường

(1) Những văn bản mới ban hành của Đảng và Nhà nước chỉ đạo môn học GDQP gồm :

– Bộ Chính trị : Chỉ thị số 62–CT/TW ngày 12/02/2001 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác GDQP toàn dân trước tình hình mới.

– Chính phủ : Nghị định số 15/2001/NĐ–CP, ngày 01/5/2001 của Chính phủ về GDQP.

– Thông tư liên tịch số 4086/TTLT – BQP – BGD&ĐT – BLĐT&XH – BTC, ngày 24/12/2001, hướng dẫn thực hiện Nghị định 15/NĐ–CP, ngày 01/5/2001 của Chính phủ về GDQP.

– Chỉ thị số 25/2001/CT–BGD&ĐT ngày 03/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về các biện pháp tăng cường công tác GDQP ở các cơ sở thuộc ngành trong tình hình mới.

Đ. B. S. T.
Đ. B. S. T.
Đ. B. S. T.

lối quốc phòng của Đảng và những hiểu biết về nội dung công tác quốc phòng hiện nay cho sinh viên ; giúp cho sinh viên sau khi ra trường nhanh chóng làm quen với các nhiệm vụ quốc phòng nơi mình công tác.

Môn học GDQP có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác, như : Toán, Lí, Hoá, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Thể chất, Lịch sử... Đặc biệt hai học phần : *một số nội dung cơ bản của công tác quốc phòng và quân, binh chủng*, có liên quan đến hầu hết các chuyên ngành đào tạo trong các nhà trường.

GDQP là cầu nối để người cán bộ khoa học kĩ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và quản lí kinh tế vận dụng, kết hợp các kiến thức được đào tạo trong nhà trường phục vụ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng. Môn học không những trang bị những vấn đề cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, tư duy quốc phòng và kiến thức quân sự cần thiết, mà còn góp phần rèn luyện, bồi dưỡng nhân cách, nếp sống con người mới XHCN.

Trang bị, phương tiện dạy học quốc phòng phải có chế độ sử dụng, bảo quản đặc biệt theo một quy chế riêng, không để mất an toàn ; không để thất lạc, mất mát. Các trường phải có sân tập, bảo đảm đủ mô hình học cụ và trang bị dạy học do các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng sản xuất. Các trường lớn và trung tâm GDQP, cần xây dựng thao trường, bãi tập, phòng học chuyên dùng đáp ứng yêu cầu của môn học. Vũ khí sử dụng luyện tập do cơ quan quân sự địa phương bảo đảm theo thông tư liên Bộ và chỉ thị của Bộ Quốc phòng.

Đội ngũ giảng viên gồm nhiều nguồn : giảng viên là sĩ quan biệt phái của Bộ Quốc phòng, giảng viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm trong biên chế cơ hữu của trường, giảng viên hợp đồng, thỉnh giảng...

Hình thức tổ chức đào tạo đa dạng : ở trung tâm GDQP, tại trường ; liên kết đào tạo giữa các trường, giữa các trường với các đơn vị, nhà trường quân đội.

2. Chương trình môn học

Chương trình môn học GDQP cho học sinh, sinh viên được ban hành theo Quyết định số : 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09 tháng 5 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình môn học GDQP cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng gồm những học phần bắt buộc, mỗi học phần là những khối kiến thức tương đối độc lập, tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kết cấu chương trình gồm hai phần chính :

- Phần 1 : Vị trí, mục tiêu và yêu cầu môn học.
- Phần 2 : Nội dung chương trình môn học.

Đối với sinh viên đại học chương trình gồm 3 học phần, 165 tiết. Với các trường có ngành nghề gắn với quốc phòng, các trường TĐTT, ĐHSP thêm học phần IV, 45 tiết.

Cụ thể :

Học phần I : Một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, 45 tiết.

Học phần II : Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, 45 tiết.

Học phần III : Một số nội dung kỹ thuật và chiến thuật bộ binh, 75 tiết.

Học phần IVA : Quân binh chủng và chuyên ngành, 45 tiết ; giành cho các trường có ngành nghề đào tạo gắn với quốc phòng.

Học phần IVB : Tổ chức và phương pháp giảng dạy GDQP trong các trường trung học phổ thông, 45 tiết ; giành cho các trường đại học TĐTT, ĐHSP.

Đối với sinh viên cao đẳng, trên cơ sở nội dung 3 học phần (I, II, III) của đại học chỉ giảm bớt nội dung và rút ngắn thời lượng cho phù hợp với quỹ thời gian đào tạo toàn khoá, gồm 135 tiết.

III – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phương pháp nghiên cứu

Từ những đặc điểm và kết cấu chương trình môn học GDQP nêu trên, khi nghiên cứu những bài lí luận về đường lối và nghệ thuật quân sự của Đảng phải đặt trong mối liên hệ tổng thể của các học phần và các môn khoa học xã hội khác. Các giảng viên giảng dạy học phần đường lối phải có sức thuyết phục người học, định hướng cho người học suy nghĩ tìm tòi. Sử dụng các phương pháp thuyết trình khéo gợi, nêu vấn đề, phát huy dân chủ trong dạy và học, thực hiện đối thoại, tọa đàm. Lí luận phải gắn với thực tế, làm cho bài giảng sinh động, tránh khô cứng, một chiều. Sử dụng các hình thức khác ngoài lên lớp như thảo luận, tham quan thực tế, viết thu hoạch, viết tiểu luận... Đánh giá kết quả theo quy chế, bằng hình thức kiểm tra, thi viết, thi trắc nghiệm, hỏi đáp...

Đối với các bài kĩ thuật và chiến thuật, học đến đâu, thực hành đến đó, xen kẽ giữa lí thuyết và thực hành, cuối cùng là bài tập tổng hợp. Giảng viên làm mẫu theo 2 bước (làm chậm, làm tổng hợp) để giới thiệu động tác thực hành. Các bài chiến thuật *từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự*, phải xác định tình huống địch, ta rõ ràng, sát với thực tế chiến đấu và điều kiện địa hình cho phép. Những bài giảng mang tính đặc thù về khoa học, công nghệ, về chuyên ngành quân, binh chủng nên thỉnh giảng cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy của các học viện, nhà trường quân đội.

Căn cứ vào chương trình giáo trình GDQP của Bộ ban hành, các khoa, bộ môn, trung tâm GDQP cần cụ thể, chi tiết thành kế hoạch giảng dạy, biên soạn tài liệu, giáo trình, bài giảng cho các đối tượng đào tạo của mình. Hạn chế tình trạng dạy chay, học chay. Tăng cường các buổi thông tin chuyên đề, tham quan các viện Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Quân đội, bảo tàng quân, binh chủng, tham quan học

tập các đơn vị quân đội và các trang thiết bị quân sự hiện đại phục vụ nội dung học tập.

Sinh viên khi nghiên cứu môn học, đặc biệt là học phần lí luận cần phải có thái độ học tập đúng, như Bác Hồ đã dạy : *"Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kĩ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi vì sao ? Đều phải suy nghĩ kĩ càng xem có hợp với thực tế không, có thật là đúng lí không, tuyệt đối không nên nhầm lẫn tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Phải suy nghĩ chín chắn"*.⁽¹⁾

Với các bài thực hành sinh viên cần chuẩn bị tinh thần, thái độ học tập không ngại khó. Thực hiện tốt phương pháp vừa nghe giảng vừa tích cực thực hành, thuần thục động tác, rèn luyện thành kĩ năng, kĩ xảo.

2. Tổ chức thực hiện

Về hình thức tổ chức học tập tùy theo điều kiện của từng trường mà vận dụng các hình thức sau :

- Học rải nội dung lí luận, học tập trung nội dung thực hành.
- Học tập trung theo từng giai đoạn, theo từng học phần, xoay vòng.
- Học tập trung thành một đợt (như các trung tâm GDQP).
- Kết hợp học rải và học tập trung.

Không nên bố trí vào năm cuối cùng của khoá học. Các lớp học lí thuyết không nên bố trí quá 150 sinh viên/lớp. Khi học thực hành cần

(1) Hồ Chí Minh tuyển tập, NXB ST, 1980, Tập 2, Tr. 77.

chia thành nhóm nhỏ có giáo viên và người hướng dẫn thực hành.
Mỗi lớp học thực hành không quá 50 sinh viên/lớp.

GDQP là môn học đặt dưới sự chỉ đạo, bảo đảm của nhiều Bộ, ngành nhưng chủ yếu là Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo, khi tổ chức thực hiện cần hết sức chú trọng công tác tổ chức, phối hợp, tranh thủ sự giúp đỡ của cơ quan quân sự địa phương, các đơn vị nhà trường, quân đội và các cơ quan ngành khác. Ngay trong một trường cũng cần sự hợp đồng chặt chẽ giữa các khoa, bộ môn, các phòng, ban dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu, Đảng ủy nhà trường.

Sử dụng tốt phương tiện dạy học và trang bị hiện có. Tích cực đầu tư nghiên cứu, cải tiến phương pháp dạy học ; mô hình hoá các nội dung bài giảng, môn học. Nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo các hình thức đào tạo truyền thống (niên chế) hoặc học chế, tín chỉ. Tổ chức, hướng dẫn sinh viên tham gia tích cực các hoạt động ngoại khoá về quốc phòng, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục của môn học.

Cần chú ý động viên thi đua, kịp thời biểu dương cá nhân và tập thể đạt kết quả học tập tốt ; nhắc nhở những sinh viên có biểu hiện ý thức tổ chức kỉ luật kém. Kết hợp giữa động viên, tự giác học tập với đánh giá kết quả bằng điểm thi, kiểm tra.

GDQP là một môn học có nội dung phong phú, thiết thực, có tác dụng bổ trợ cho các môn học khác. GDQP góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học ngay khi sinh viên đang học tập trong nhà trường và khi ra công tác. Giảng dạy và học tập có chất lượng môn học GDQP là góp phần đào tạo cho đất nước một thế hệ cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý kinh tế có khả năng hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Đây là bài mở đầu, nhập môn GDQP cần sử dụng phương pháp thuyết trình giới thiệu tổng quát về môn học. Diễn giải làm sáng tỏ ý nghĩa của GDQP trong hệ thống giáo dục quốc dân, vị trí môn học trong chương trình giáo dục – đào tạo của nhà trường. Giới thiệu cho sinh viên phương pháp nghiên cứu chung của môn học đã đề cập trong mục III Phần B của bài giảng.

D – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình GDQP dùng trong các trường CĐ và ĐH, NXB. QĐND, 1992.
- Nghị quyết Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Nhân vật lịch sử Việt Nam. NXB KHXH, 1992.
- Lịch triều Hiến chương loại chí, NXB KHXH, 1992.
- Hệ thống văn bản về GDQP của Đảng và Nhà nước từ năm 1961 đến nay.

Bài 1

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên nắm được một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức được Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trung thành vận dụng, phát triển sáng tạo lí luận về chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc vào cụ thể Việt Nam.

– Trên cơ sở nhận thức đúng đắn đó, đề cao trách nhiệm của tuổi trẻ tích cực đấu tranh phê phán những tư tưởng, quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

B – NỘI DUNG

I – QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH VÀ QUÂN ĐỘI

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

a) Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về chiến tranh

– Chiến tranh là một hiện tượng lịch sử – xã hội

Các Mác, Ăng-ghe-n đã chứng minh, chiến tranh là một hiện tượng chính trị – xã hội có tính lịch sử. Quá trình phát triển xã hội loài

người đã có giai đoạn chưa từng có chiến tranh. Trước Các Mác, Ăng-ghe-n, nhiều nhà lí luận, do bị hạn chế bởi lập trường giai cấp và tri thức khoa học, nên chưa đưa ra được lời giải đáp đúng đắn về nguồn gốc, bản chất, quy luật... của chiến tranh.

Đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, dựa trên các luận cứ khoa học của thực tiễn. Các Mác, Ăng-ghe-n đã phân tích chế độ công xã nguyên thủy và chỉ ra rằng, thời kì công xã nguyên thủy kéo dài hàng vạn năm, con người chưa hề biết chiến tranh. Đặc trưng của chế độ này là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hết sức thấp kém, tổ chức xã hội còn sơ khai, con người sống hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên. Động lực cơ bản của sự phát triển xã hội công xã nguyên thủy là cuộc đấu tranh giữa con người với tự nhiên. Trong xã hội đó, các mâu thuẫn và xung đột giữa các bộ lạc, kể cả xung đột vũ trang chỉ là thứ yếu, không mang tính xã hội. Những cuộc tranh giành đất đai, các khu vực săn bắn, hái lượm, các bãi chăn thả, các hang động chỉ là đấu tranh để sinh tồn. Trong các cuộc xung đột ấy đã có yếu tố của bạo lực vũ trang, tuy nhiên yếu tố bạo lực vũ trang chỉ có ý nghĩa để thoả mãn các nhu cầu kinh tế trực tiếp của các bộ lạc. Vì vậy, Các Mác, Ăng-ghe-n coi đây như là một hình thức lao động nguyên thủy. Các xung đột ở xã hội công xã nguyên thủy không phải là chiến tranh, đó là những cuộc xung đột mang tính tự phát ngẫu nhiên.

Bất chấp thực tế đó, các học giả tư sản cho rằng, chiến tranh đã có ngay từ đầu khi xuất hiện xã hội loài người và không thể nào loại trừ được. Mục đích của họ là che đậy cho chiến tranh xâm lược do giai cấp tư sản phát động.

– Chiến tranh bắt nguồn từ sự xuất hiện chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước

Các Mác, Ăng-ghe-n khẳng định, bạo lực chỉ là kết quả của việc chiếm đoạt thành quả của người khác, là kết quả của việc xuất hiện chế độ tư hữu. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, đến một giai đoạn lịch sử nhất định, trong xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu

4.0
1.529

sản xuất, từ đó dẫn đến sự phân chia giai cấp. Để giành, giữ và sử dụng quyền lực chính trị vì những lợi ích kinh tế, các giai cấp cầm quyền đã dùng chiến tranh như một phương tiện, công cụ để củng cố địa vị thống trị của mình.

Tiếp tục phát triển những luận điểm của Các Mác, Ăng-ghe-n về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, Lê-nin chỉ rõ : Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, chiến tranh bắt nguồn từ chính bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc, còn chủ nghĩa đế quốc thì còn chiến tranh, muốn xoá bỏ chiến tranh phải tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và có áp bức, bóc lột. Chiến tranh không phải bắt nguồn từ bản năng sinh vật của con người, không phải là định mệnh và cũng không phải là hiện tượng tồn tại vĩnh viễn. Muốn xoá bỏ chiến tranh phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

— Bản chất chiến tranh là kế tục chính trị bằng thủ đoạn bạo lực

Các Mác, Ăng-ghe-n đã chỉ ra, bản chất của chiến tranh là sự kế tục chính trị của một giai cấp, một nhà nước nhất định bằng thủ đoạn bạo lực. Chiến tranh là phương tiện, là thủ đoạn phục vụ cho mục đích chính trị của các giai cấp, các nhà nước nhất định. Không có chính trị "siêu giai cấp", các cuộc chiến tranh đều mang mục đích chính trị và giai cấp. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ, chiến tranh phục vụ cho mục đích chính trị, chính trị chi phối toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, quyết định đường lối chiến lược, tổ chức lực lượng và củng cố hậu phương... của chiến tranh.

Lê-nin chỉ rõ "mọi cuộc chiến tranh đều gắn liền với chế độ chính trị sinh ra nó"⁽¹⁾, chính trị chi phối chiến tranh từ đầu đến cuối.

(1) Lê-nin. Toàn tập, Tập 31 Tr. 101 bản tiếng Việt. NXB Tiến bộ. Mátxcova 1978.

Lê-nin trực tiếp lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Mười Nga (1917), tiến hành khởi nghĩa vũ trang, tận dụng thời cơ biến chiến tranh giữa các đế quốc với đế quốc thành nội chiến cách mạng, lãnh đạo chỉ đạo chiến tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN Xô Viết. Qua đó đã phát triển, bổ sung nhiều vấn đề lí luận chiến tranh trong điều kiện giai cấp vô sản nắm chính quyền.

– Tính chất của chiến tranh :

Xuất phát từ địa vị lịch sử của các giai cấp đối với sự phát triển của xã hội, từ mục đích chính trị của chiến tranh, Các Mác, Ăng-ghe-n đã phân chia, chiến tranh tiến bộ và chiến tranh phản động. Chiến tranh tiến bộ bao gồm, những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, chống lại bọn thực dân xâm lược và những cuộc nội chiến của giai cấp bị áp bức, chống lại giai cấp thống trị phản động áp bức bóc lột. Chiến tranh phản động là những cuộc chiến tranh đi xâm lược đất đai, nô dịch các dân tộc khác. Từ đó, các ông xác định thái độ ủng hộ những cuộc chiến tranh tiến bộ, chính nghĩa và phản đối những cuộc chiến tranh phản động, phi nghĩa.

Lê-nin phân loại chiến tranh trên cơ sở dựa vào 4 mâu thuẫn cơ bản của thời đại mới, có chiến tranh cách mạng, chiến tranh phản cách mạng, chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh phi nghĩa. Người xác định thái độ cho giai cấp vô sản, cần lên án các cuộc chiến tranh phản cách mạng, phi nghĩa, ủng hộ các cuộc chiến tranh cách mạng, tự vệ, chính nghĩa.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

– Phân biệt rõ sự đối lập mục đích chính trị của chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược :

Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về bản chất của chiến tranh là sự kế tục chính trị bằng thủ đoạn bạo lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân biệt rõ sự đối lập giữa mục đích chính trị của chiến tranh xâm lược là cướp nước, thống trị các dân tộc với cuộc chiến

tranh chống xâm lược là bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định : "Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ"⁽¹⁾. Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược, cướp nước ta, bắt dân ta làm nô lệ. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân dân ta, chống thực dân Pháp xâm lược là nhằm giữ gìn non sông đất nước, bảo vệ chủ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc.

-- Xác định tính chất xã hội của chiến tranh, khẳng định phải dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền và giữ chính quyền :

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, nhằm giúp nhân dân ta có thái độ ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Thấm nhuần tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lê-nin về cách mạng bạo lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng, sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định "chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực", độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải "dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền"⁽²⁾.

Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo thành bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 5, NXB CTQG, H. 1995, Tr.150.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB CTQG, H. 1995, Tr.304.

-Tiến hành chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng

Khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi con người là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của chiến tranh. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi "dân là gốc" để "xây lâu thắng lợi". Xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) theo quan điểm "người trước súng sau", "vũ khí cần nhưng quan trọng hơn là người cầm vũ khí". Vì vậy, nét đặc sắc và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh là, tiến hành chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, "vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân"⁽¹⁾. Khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp (ngày 19/12/1946) Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi : "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc"⁽²⁾. Để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định "Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kì già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sĩ anh dũng Mĩ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng"⁽³⁾. Với niềm tin sắt đá vào sức mạnh của nhân dân, trong chiến tranh, khi so sánh lực lượng giữa ta và địch, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết :

"Chúng nhiều là mấy vạn
Mình mấy triệu đồng bào"

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có LLVT làm nòng cốt. LLVT được tổ chức, hướng

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 3, NXB CTQG, H. 1995, Tr.507.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB CTQG, H.1995, Tr.480.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB CTQG, H. 1996, Tr.323.

đầu, làm chỗ dựa về mặt quân sự để nhân dân sát cánh cùng LLVT đánh giặc, do đó phải hết sức coi trọng xây dựng LLVT hùng mạnh.

Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận : Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá...

Đấu tranh quân sự là hình thức chủ yếu của chiến tranh, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh "quân sự là việc chủ chốt trong kháng chiến"⁽¹⁾. Nhưng phải phối hợp chặt chẽ với các hình thức khác, "thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi cho chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn". Đấu tranh ngoại giao là mặt trận có ý nghĩa chiến lược trong chiến tranh, Người chủ trương vừa "dánh" vừa "đàm" để giành thắng lợi, đồng thời chú trọng tuyên truyền đối ngoại để vạch mặt, cô lập kẻ thù và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế. Kinh tế là mặt trận quan trọng trong chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ "ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ", "tay cày tay súng, tay búa tay súng", ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định : văn hoá là một mặt trận và yêu cầu mỗi văn nghệ sĩ phải là một chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngăn chặn được chiến tranh là thượng sách, Người cố gắng dùng các phương thức ít phải đổ máu để giành và giữ chính quyền. Khi đã phải dùng chiến tranh thì sự hi sinh mất mát là không tránh khỏi, do đó, Người thường xuyên nhắc nhở các cấp, các ngành, toàn dân phải ghi ơn những người đã ngã xuống cho độc lập tự do của Tổ quốc, chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ và đối xử khoan hồng với tù, hàng binh địch. Tư tưởng nhân văn trong quân sự của Hồ Chí Minh được kết tinh trong truyền thống "Đại - Nghĩa - Trí - Nhân", "mở đường hiếu sinh" cho kẻ thù của truyền

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 6, NXB CTQG, H. 1995, Tr.163.

thống Việt Nam, nó đối lập hoàn toàn với tư tưởng hiếu chiến, tàn ác của thực dân, đế quốc xâm lược.

Trong lĩnh vực nghệ thuật quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn lấy tư tưởng chiến lược tiến công, giành thế chủ động, đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng, hình thức, quy mô và mọi lúc mọi nơi. Khéo léo kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố : Thiên thời, địa lợi, nhân hoà với : Chí, dũng, lực, thế, thời, mưu để đánh và đánh thắng địch một cách có lợi nhất, tổn thất ít nhất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện của Việt Nam đã phát triển đến đỉnh cao.

- Kháng chiến lâu dài dựa vào sức mình là chính

Xuất phát từ hoàn cảnh nước ta là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, vừa giành được độc lập lại phải đương đầu với thực dân, đế quốc có tiềm lực kinh tế quân sự lớn hơn mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương "vừa kháng chiến vừa kiến quốc" để xây dựng và phát triển lực lượng ta, càng đánh càng trường thành. Người chỉ đạo : phải trường kì kháng chiến, tự lực cánh sinh, "trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi". Trường kì là đánh lâu dài, lấy thời gian làm lực lượng để chuyển hoá so sánh dần dần thế và lực của ta, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Tự lực cánh sinh là dựa vào sức mình, không ỷ lại, "phải đem sức ta mà giải phóng cho ta", nhưng đồng thời phải hết sức tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn hơn địch để đánh và thắng chúng.

Tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và là nguồn gốc thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của nhân dân ta. Ngày nay những tư tưởng đó còn nguyên giá trị, định hướng của Đảng ta

trong việc đề ra những quan điểm cơ bản tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

a) Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về quân đội

Theo Ăng-ghe-n, "quân đội là một tập đoàn người có vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng-ngự"⁽¹⁾.

Cùng với việc nghiên cứu về chiến tranh, Các Mác, Ăng-ghe-n đã vạch rõ : Quân đội là công cụ chủ yếu để tiến hành chiến tranh.

Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin nhấn mạnh, *chức năng cơ bản* của quân đội đế quốc là *phương tiện quân sự* để đạt mục tiêu chính trị đối ngoại và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

Về nguồn gốc ra đời của quân đội, Ăng-ghe-n chỉ rõ : Quân đội ra đời gắn liền với sự hình thành, phát triển của chế độ tư hữu, có giai cấp, nhà nước và chiến tranh. Trong chế độ xã hội công xã nguyên thủy, không có chiến tranh nên quân đội không tồn tại.

– Bản chất giai cấp của quân đội

Các Mác, Ăng-ghe-n lí giải sâu sắc bản chất của quân đội, quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, một nhà nước nhất định. Bản chất giai cấp của quân đội là bản chất của giai cấp của nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng nó.

(1) Ăng-ghe-n, Tuyển tập luận văn quân sự, Tập 2, NXB QĐND, H.1978, Tr .9.

Các giai cấp bóc lột cũng như những nhà tư tưởng của họ tìm mọi cách che dấu bản chất giai cấp của quân đội, che dấu thực chất quân đội là công cụ bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị đã sinh ra nó. Họ gán cho quân đội là lực lượng "siêu giai cấp" "trung lập về chính trị" hoặc là lực lượng bảo vệ lợi ích cho mọi tầng lớp trong xã hội.

Lê-nin đã kịch liệt phê phán luận điểm "trung lập hoá quân đội" của các thế lực phản động, khẳng định bản chất giai cấp vô sản của Hồng quân. Luận điệu "phi chính trị hoá quân đội" của giai cấp tư sản thực chất là muốn phủ định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với quân đội, hòng vô hiệu hoá quân đội của giai cấp vô sản.

- Sức mạnh chiến đấu của quân đội

Các Mác, Ăng-ghe-n đã khái quát tính quy luật của quá trình nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội. Ông nhấn mạnh mối liên hệ trong nội bộ quân đội với mối liên hệ của quân đội với các mặt đời sống xã hội, khẳng định sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố như : con người, các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự và phương thức sản xuất. Các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo cán bộ chính trị quân sự, đánh giá nhận xét về tài năng của nhiều nhà quân sự nổi tiếng trong lịch sử, đồng thời phê phán sự yếu kém của nhiều tướng lĩnh quân sự.

Bảo vệ và phát triển lí luận của Các Mác, Ăng-ghe-n về quân đội, Lê-nin chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó khẳng định, vai trò quyết định của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh, Người nói : "trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào trạng thái chính trị tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường quyết định".⁽¹⁾

(1) Lê-nin, Toàn tập, Tập 31, bản tiếng Việt, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980, Tr.165.

4.000
8.500.50

- Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của Lê-nin

Lê-nin đã kế tục, bảo vệ và phát triển lí luận của Các Mác, Ăng-ghe-n về quân đội và vận dụng thành công xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản ở nước Nga Xô viết.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá nước Nga Xô viết. Để bảo vệ thành quả cách mạng, Lê-nin yêu cầu phải giải tán ngay quân đội cũ, nhanh chóng thành lập quân đội kiểu mới (Hong quân) của giai cấp vô sản. Lê-nin đã xác định những nguyên tắc cơ bản xây dựng Hong quân, Đảng Cộng sản lãnh đạo Hong quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân ; đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân ; trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản ; xây dựng chính quy ; không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức ; phát triển hài hoà các quân chủng, binh chủng ; sẵn sàng chiến đấu. Trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hong quân.

Ngày nay, những nguyên tắc về xây dựng quân đội kiểu mới của Lê-nin vẫn giữ nguyên giá trị. Đó là cơ sở lí luận cho các Đảng Cộng sản đề ra phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định tính tất yếu phải dùng bạo lực cách mạng để giành và giữ chính quyền. Theo Người, tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc nhưng phải lấy lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND) làm nòng cốt. Vì vậy, ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định phải "tổ chức quân đội công nông" chuẩn bị lực lượng cho tổng khởi nghĩa. Xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

– *Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc :*

Bản chất giai cấp công nhân của quân đội được biểu hiện trong các mối quan hệ với Đảng, chính quyền Nhà nước, nhân dân, trong nội bộ quân đội và bạn bè quốc tế. Bản chất đó được khái quát sâu sắc trong lời tuyên dương của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì CNXH. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"⁽¹⁾.

Sinh ra và trưởng thành trong cao trào cách mạng của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta bao gồm những con em của nhân dân lao động các dân tộc Việt Nam. Quan hệ mật thiết giữa quân đội với nhân dân đã trở thành bản chất, truyền thống tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ", Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Quân đội ta là quân đội nhân dân, do nhân dân xây dựng, vì nhân dân mà chiến đấu". Người thường xuyên quan tâm xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa quân đội với nhân dân, coi đó là nguồn gốc tạo nên sức mạnh của quân đội, Người ví : "dân như nước, quân như cá"⁽²⁾ "quân và dân như cá với nước"⁽³⁾, nếu quân đội tách rời nhân dân thì không thể lập công. Lúc sinh thời Người thường căn dặn quân đội, phải đoàn kết cán bộ, chiến sĩ từ trên xuống dưới, phải "đồng cam cộng khổ". Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc là một thể thống nhất không thể tách rời.

– Tổ chức LLVTNDVN gồm 3 thứ quân : Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương hợp thành Quân đội nhân dân Việt Nam.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 11, NXB CTQG, H.1996, Tr. 350.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 6, NXB CTQG, H.1995, Tr. 207.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 11, NXB CTQG, H.1995, Tr. 350.

35559.95
2.098
35559.95

Xây dựng LLVT, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh phải trên cơ sở xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Về tổ chức, phải lựa chọn cán bộ, chiến sĩ từ các đội du kích, các đội tự vệ để xây dựng quân đội chính quy, khi xây dựng quân đội chính quy, vẫn duy trì dân quân du kích và LLVT địa phương. Đó chính là hình thức tổ chức LLVTNDVN gồm 3 thứ quân : Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương hợp thành Quân đội nhân dân.

– Sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam là sức mạnh tổng hợp, trong đó yếu tố con người, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh Quân đội nhân dân Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố : chính trị tinh thần, kỉ luật, tổ chức, chỉ huy, vũ khí trang bị, trình độ kĩ chiến thuật, công tác bảo đảm... trong đó yếu tố con người với trình độ chính trị cao giữ vai trò quyết định. Trong mối quan hệ quân sự – chính trị, bao giờ Người cũng nhấn mạnh nguyên tắc xây dựng quân đội về chính trị. Đó là vấn đề có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho quân đội ta mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, một quân đội của dân, do dân, vì dân, Người nói "quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng mà lại có hại"⁽¹⁾. Cùng với xây dựng về chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời nhấn mạnh chăm lo xây dựng quân đội về mọi mặt, để quân đội có đủ sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù, hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Để phát huy nhân tố con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần của bộ đội, khuyến răn, động viên và biểu dương kịp thời những gương "người tốt, việc tốt". Xác định "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", Người nói :

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 6, NXB CTQG, H.1995, Tr.318.

"tướng là kẻ giúp nước, tướng giỏi thì nước mạnh, tướng xoàng thì nước hèn" do đó, phải chăm lo xây dựng cán bộ có đủ đức, đủ tài, Người đòi hỏi mỗi cán bộ phải có đủ tư cách : Trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung.

– Chức năng cơ bản của quân đội là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất.

Quân đội ta là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu của Đảng và Nhà nước, chức năng cơ bản là sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở, phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hoà bình, bảo vệ đất nước.

Quân đội ta là Quân đội nhân dân cách mạng, quân đội của dân, do dân, vì dân. Đó là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Tên Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự", do đó chức năng quân đội ta "nó là đội quân tuyên truyền", đội quân công tác, tích cực vận động quần chúng nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời tham gia thực hiện các nhiệm vụ khác.

Quân đội ta còn có chức năng là đội quân lao động sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở bộ đội phải sản xuất, tự túc một phần và thực hành tiết kiệm. Sau khi miền Bắc được giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định "hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng CNXH"⁽¹⁾. Ba chức năng cơ bản đó thể hiện bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập. Tập 9, NXB CTQG, H.1986, Tr.143.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện quân đội ta. Quán triệt tư tưởng của Người, ngày nay Đảng ta chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

II – QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Nhận định về khả năng giành thắng lợi của cách mạng vô sản, Các Mác, Ăng-ghe-nơ cho rằng "cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những sẽ có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mĩ, Pháp và Đức"⁽¹⁾. Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời Các Mác, Ăng-ghe-nơ sống, vấn đề bảo vệ Tổ quốc XHCN chưa đặt ra một cách trực tiếp. Bài học kinh nghiệm của cộng xã Paris có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền nhưng mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN là một cống hiến mới của Lê-nin vào kho tàng chủ nghĩa Mác, đáp ứng trực tiếp nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN ở nước Nga.

a) Bảo vệ Tổ quốc XHCN là một tất yếu, khách quan

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, chủ nghĩa đế quốc tìm cách tiêu diệt nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới. Lê-nin đã chứng minh tính tất yếu khách quan phải bảo vệ thành quả của cách mạng vô sản chống lại sự tấn công vũ trang của nhà nước

(1) Mác- Ăng-ghe-nơ, Tuyển tập, Tập 1, NXB ST, H. 1980, Tr.458.

tư bản, đế quốc. Bởi vì bản chất của chủ nghĩa đế quốc là xâm lược, phải ngăn chặn mưu đồ của chúng. Lê-nin viết "Kể từ ngày 25 tháng Mười 1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành "bảo vệ Tổ quốc", nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới, là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN"⁽¹⁾. Cống hiến quan trọng của Lê-nin ở chỗ lần đầu tiên làm sáng tỏ mục tiêu bảo vệ Tổ quốc XHCN ; bảo vệ Tổ quốc bao giờ cũng gắn với bảo vệ chế độ, "bảo vệ CNXH với tính cách là Tổ quốc".⁽²⁾

Lê-nin nhấn mạnh, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN phải tiến hành ngay khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, kéo dài đến hết thời kì quá độ cho đến khi nào không còn sự phản kháng của giai cấp tư sản.

b) Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân, nông dân và nhân dân lao động

Trong những năm đầu của chính quyền Xô viết, Lê-nin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự can thiệp của các nước đế quốc, tư bản và tiến hành nội chiến cách mạng. Đó là những năm tháng cực kì gian khổ, khó khăn, Người chỉ rõ : bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước ; nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN. Người nhắc nhở mọi người phải cảnh giác, đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không được chủ quan, "phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng". Người luôn lạc quan tin tưởng ở sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người nói "Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền

(1), (2) Lê-nin, Toàn tập, Tập 36, bản tiếng Việt, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1978, Tr.102.

của mình, Chính quyền Xô viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ, cũng như cho con cái họ, có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hoá, mọi thành quả lao động của con người."⁽¹⁾

c) Bảo vệ Tổ quốc XHCN, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN của Lê-nin đã khẳng định : bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết. Lê-nin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như : củng cố chính quyền Xô viết các cấp ; bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hoá, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù ; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. Lê-nin cùng Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hoà bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc XHCN.

d) Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

Lê-nin chỉ ra rằng : Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu, hi sinh. Trong quân đội, chế độ chính uỷ được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ những đại biểu ưu tú của công nông, thực chất đó là người đại diện của Đảng, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể

(1) Lê-nin, Toàn tập, Tập 38, bản tiếng Việt, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1978, Tr. 378.

nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự vận dụng sáng tạo học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN của Lê-nin vào tình hình cụ thể của Việt Nam.

a) Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tất yếu khách quan, thể hiện ý chí quyết tâm của nhân dân ta

Tính tất yếu khách quan bảo vệ Tổ quốc được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"⁽¹⁾, ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc, kiên quyết. Trong lời kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" ngày 19/12/1946 Người nói : "Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

"... Hỡi đồng bào !

Chúng ta phải đứng lên !

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta !"⁽²⁾. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động các loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta đã đề ra nhiều biện pháp thiết thực cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

(1) Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, Tập 5 (1951 - 1954), NXBCTQG, H. 1995, Tr.553.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXBCTQG, H. 2000, Tr. 480.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Không có gì quý hơn độc lập tự do"⁽¹⁾, "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi". Trong bản Di chúc, Người căn dặn : "Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn".

Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập dân tộc và CNXH, là nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, bảo vệ Tổ quốc là sự gắn bó chặt chẽ giữa mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, là sự thống nhất giữa nội dung dân tộc, nội dung giai cấp và nội dung thời đại.

Xác định bảo vệ Tổ quốc XHCN là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bản Tuyên ngôn độc lập đã tuyên bố : "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy". Khi Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi "hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc".

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới thống nhất nước nhà.

c) Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm : phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp,

(1) Hồ Chí Minh với lực lượng vũ trang, NXBQĐND, H. 1975, Tr.524.

các ngành, từ trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện tại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Khi nói về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc, đồng bào ta, Người khẳng định : "Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành bức tường đồng xung quanh Tổ quốc, dù địch hung hãn, xảo quyệt đến mức nào đụng đầu vào bức tường đó, chúng đều thất bại".

So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược, trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Người phân tích : Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước XHCN anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng. Để bảo vệ Tổ quốc XHCN, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân (QPTD), an ninh nhân dân (ANND), xây dựng quân đội nhân dân coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn : "Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hoà bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH.

d) Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN phải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên CNXH, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình, góp phần bảo vệ công cuộc hoà bình ở Á Đông và trên thế giới"⁽¹⁾ và Người khẳng định "Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ, với sự đoàn kết nhất trí, lòng tin tưởng vững chắc và tinh thần tự lực cánh sinh của mình, với sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới nhất là nhân dân các

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 8, NXB CTQG, H.1996, Tr. 483.

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Lên lớp lí thuyết, trao đổi, thảo luận ở tổ, lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

– Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

– Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tài liệu tham khảo

– Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 3 (Tr. 507), Tập 5 (Tr. 150), Tập 6 (Tr. 163, 207, 318), NXB CTQG, H. 1995.

– Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 8 (Tr. 489), Tập 11 (Tr. 22, 350), Tập 12 (Tr. 108, 304, 323), NXB CTQG, H. 1996.

– Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4 (Tr. 480), NXBCTQG, H. 2000.

– Ăng-ghe-n, Tuyển tập luận văn quân sự, Tập 2 (Tr. 9), NXB QĐND, H.1978.

– Mác – Ăng-ghe-n, Tuyển tập, Tập 1, Tr. 458, NXB ST, H. 1980.

– Lê-nin, Toàn tập, Tập 31 (Tr. 165), Tập 36 (Tr. 102), Tập 38 (Tr. 378).

Bài 2

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN VỮNG MẠNH BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bồi dưỡng cho sinh viên nắm được mục đích, tính chất, quan điểm và những nội dung cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD).
- Trên cơ sở nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực góp phần tham gia xây dựng nền QPTD vững mạnh.

B – NỘI DUNG

I – MỤC ĐÍCH, TÍNH CHẤT VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

1. Khái niệm về quốc phòng

Quốc phòng là công cuộc giữ nước của một quốc gia gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học... của nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện, cân đối, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, nhằm giữ vững hoà bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

2. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Xây dựng nền QPTD nhằm mục đích : bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ an

ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc ; đánh bại mọi âm mưu và hành động "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Chủ động ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động gây chiến của kẻ thù, giữ vững hoà bình, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước, phát triển kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời góp phần bảo vệ hoà bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới.

3. Tính chất của nền quốc phòng toàn dân

Bất cứ quốc gia nào cũng phải xây dựng nền quốc phòng. Nhưng do chế độ xã hội khác nhau nên bản chất nền quốc phòng cũng khác nhau. Bản chất nền QPTD của chế độ XHCN ở nước ta được biểu hiện các tính chất : Toàn dân, toàn diện và hiện đại.

a) Toàn dân

Đó là nền quốc phòng của dân, do dân, vì dân với ý nghĩa đầy đủ nhất. Tính chất toàn dân của nền quốc phòng một mặt phản ánh quy luật lịch sử về vai trò quần chúng nhân dân đối với sự phát triển của xã hội, mặt khác phản ánh truyền thống dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã chỉ ra hai bài học lớn : Quán triệt tư tưởng "dân là gốc" phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Mọi chủ trương chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng. Thực hiện "toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc" ; " toàn dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước".

Ngày nay, sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN đang đặt ra những yêu cầu mới cao hơn. Vì vậy, việc tổ

chức và động viên toàn dân tham gia xây dựng và củng cố quốc phòng là vấn đề chiến lược. Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định : "Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân"⁽¹⁾. Xây dựng nền QPTD vững mạnh là cơ sở vững chắc để nhân dân ta được sống trong độc lập tự do, hoà bình, xây dựng và phát triển đất nước.

b) Toàn diện

Gắn với toàn dân là tính chất toàn diện, phát huy được sức mạnh toàn dân tất yếu sẽ phát huy được sức mạnh toàn diện các nhân tố, các lực lượng trên mọi lĩnh vực trong nhân dân, trong cả nước và chế độ để xây dựng và củng cố quốc phòng. Đó là nền quốc phòng được tạo lập bằng sức mạnh mọi mặt, bao gồm : chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ, quân sự, an ninh, ngoại giao... cả tiềm lực quốc phòng và thế trận quốc phòng.

Đây là đặc trưng phản ánh nội dung, phương pháp xây dựng nền QPTD ở nước ta. Xây dựng quốc phòng trên cơ sở xây dựng mọi mặt của đất nước.

Quán triệt tính chất toàn diện của nền quốc phòng, các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, mỗi tổ chức và từng cá nhân phải ý thức đầy đủ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chủ động tích cực vận dụng ngay vào lĩnh vực hoạt động cụ thể của mình, góp phần xây dựng nền quốc phòng vững mạnh toàn diện.

c) Hiện đại

Trong thời đại ngày nay, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển mạnh mẽ. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 117.

trong quá trình phát triển của lực lượng sản xuất. Các nước, tùy theo khả năng kinh tế và khoa học công nghệ của mình, đều xây dựng quốc phòng, quân sự... theo hướng ngày càng hiện đại. Các cuộc chiến tranh từ khi có chủ nghĩa đế quốc đến nay và sau này đều mang tính chất hiện đại. Xây dựng nền QPTD hiện đại, vừa phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, vừa đáp ứng yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc XHCN trong điều kiện kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Tính chất hiện đại của nền QPTD ở nước ta đòi hỏi phải : Xây dựng quân đội nhân dân từng bước hiện đại, chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng và từng bước hiện đại hoá vũ khí, trang bị quân sự phù hợp với tổ chức LLVT. Gắn xây dựng quốc phòng hiện đại với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tính chất hiện đại của nền quốc phòng còn là sự kết hợp giữa con người có giác ngộ chính trị, bản lĩnh trí tuệ, trình độ tác chiến, kĩ thuật chuyên môn cao với trình độ hiện đại hoá vũ khí, phương tiện chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Quá trình hiện đại hoá nền QPTD của ta không thể tách rời khả năng hiện đại hoá nền kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ của nước nhà. Vì vậy, Đảng và Nhà nước phải căn cứ vào tình hình thực tiễn, có giải pháp và bước đi phù hợp, bảo đảm cho nền quốc phòng ngày càng hiện đại.

4. Những quan điểm cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân

a) Xây dựng CNXH phải kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Tổ quốc XHCN

Đây là quan điểm cơ bản của Đảng trong xây dựng và củng cố nền QPTD. Quan điểm này phản ánh quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử : "Đựng nước đi đôi với giữ

nước", đó cũng là quy luật phổ biến của cách mạng XHCN trong thời đại ngày nay.

Trong tình hình quốc tế, khu vực có những biến đổi to lớn, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN của nhân dân ta, bên cạnh thời cơ, vận hội, chúng ta đang phải đương đầu với nhiều thách thức, nguy cơ. Đáng chú ý là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn tiếp tục chống phá cách mạng nước ta. Kết hợp chặt chẽ xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc XHCN là vấn đề tất yếu, phù hợp với quy luật, phản ánh yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay. Đại hội Đảng lần thứ VIII xác định: "Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng CNXH chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc".⁽¹⁾

Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ, mật thiết, là cơ sở và điều kiện của nhau. Hiện nay, xây dựng và bảo vệ phải gắn kết khăng khít: xây dựng là gốc của bảo vệ và bảo vệ là bộ phận hợp thành của xây dựng. Xây dựng đất nước vững mạnh tự nó đã có sức mạnh bảo vệ và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng ngày nay, không chỉ đơn thuần là để ngăn ngừa, chống lại kẻ thù, mà xây dựng đạt kết quả tốt cũng chính là một phương thức tích cực, chủ động để tự bảo vệ. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp, bảo đảm cho Tổ quốc và chế độ ngày càng bền vững và phát triển. Cần khắc phục những nhận thức và hành động không đúng như: xem nhẹ một trong hai nhiệm vụ, tách rời hoặc đối lập hai nhiệm vụ đó.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, NXB CTQG, H. 1996, Tr. 39.

b) Độc lập tự chủ, tự lực tự cường trong xây dựng và củng cố nền QPTD

Quốc phòng, chiến tranh là hai việc hệ trọng của quốc gia, liên quan đến an nguy, thịnh suy của đất nước, vinh nhục của một dân tộc. Việc xây dựng và củng cố quốc phòng không thể trông chờ vào sự viện trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Vì vậy, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường của cả dân tộc trong xây dựng và củng cố quốc phòng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh : "Độc lập tự chủ, tự lực tự cường" đã trở thành quan điểm, tư tưởng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc đề ra chiến lược cách mạng : giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đó cũng là truyền thống dân tộc Việt Nam.

Trong tình hình mới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, khắc phục khó khăn, khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng mọi mặt của đất nước, đồng thời, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập, tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, từng bước tạo ra sức mạnh thực sự nền QPTD. Phải thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt, kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, làm giảm sức mạnh quốc phòng.

c) Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và củng cố nền QPTD

Phát huy sức mạnh tổng hợp là quan điểm cơ bản của Đảng trong đấu tranh cách mạng trước đây, cũng như trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Đó là sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp các ngành, cả hệ thống chính trị, từ trung ương đến cơ sở, trên từng địa phương và trong cả nước. Đó cũng là sức mạnh của các yếu tố, trên các lĩnh vực : chính trị, tinh thần, kinh tế, quân sự, văn hoá xã hội... cả lực lượng và thế trận, cả sức mạnh truyền thống và hiện tại, cả phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực, tạo thành nguồn

lực tổng hợp để xây dựng và củng cố nền QPTD vững mạnh, đủ sức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong mọi hoàn cảnh.

II – NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

1. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Trong thời kì mới, nền QPTD phải được xây dựng toàn diện. Nội dung gồm xây dựng tiềm lực quốc phòng và xây dựng thể trận quốc phòng.

a) Xây dựng tiềm lực quốc phòng

Tiềm lực quốc phòng là khả năng vật chất và tinh thần của một quốc gia có thể huy động để bảo vệ Tổ quốc. Đó là sức mạnh tổng hợp của quốc gia và chế độ. Trong thời bình, tiềm lực quốc phòng được thể hiện một phần ở lực lượng thường trực, trực tiếp và thường xuyên làm nhiệm vụ quân sự; còn một phần cực kì to lớn ở dạng tiềm tàng, nằm trong mọi mặt của đời sống xã hội, sẵn sàng được động viên theo yêu cầu của tình huống chiến lược.

Mọi hoạt động của đất nước để xây dựng tiềm lực quốc phòng được tạo ra trên các lĩnh vực :

– Xây dựng tiềm lực chính trị – tinh thần

Tiềm lực chính trị – tinh thần của nền QPTD là khả năng về chính trị – tinh thần có thể huy động nhằm tạo thành sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Tiềm lực chính trị – tinh thần được thể hiện ở : Hệ tư tưởng – chính trị, chế độ xã hội, hệ thống các chính sách đối nội, đối ngoại, trình độ nhận thức, niềm tin, ý chí quyết tâm, trạng thái tâm lí... của các thành viên trong xã hội đối với nhiệm vụ quốc phòng.

Tiềm lực chính trị – tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, có tác động to lớn đến hiệu quả sử dụng các tiềm lực

khác, phản ánh thái độ của nhân dân đối với quốc gia, dân tộc và chế độ. Đó chính là sức mạnh tiềm tàng của "trận địa lòng dân", là kết quả tích lũy trong nhiều năm, nhiều thế hệ mà có.

Xây dựng tiềm lực chính trị – tinh thần cần tập trung : Xây dựng tình cảm yêu mến đất nước, quê hương, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước, cũng như tiền đồ tương lai của dân tộc. Trên cơ sở đó, nâng cao giác ngộ chính trị, xây dựng ý chí quyết tâm, vững vàng, kiên định trước mọi khó khăn thử thách cảnh giác trước mọi âm mưu và hành động của kẻ thù. Thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, chấp hành và thực hiện tốt chính sách xã hội, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng nền dân chủ XHCN, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế XHCN. Xây dựng và củng cố các tổ chức : tổ chức Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị xã hội... vững mạnh về mọi mặt. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, chống mọi thủ đoạn chia rẽ của kẻ thù. Kiên quyết chống tham nhũng, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác. Chú trọng GDQP cho các tầng lớp nhân dân.

– Xây dựng tiềm lực kinh tế

Tiềm lực kinh tế của nền QPTD là khả năng về kinh tế có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng. Kinh tế là một trong những nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh của đất nước, là nguồn bảo đảm cơ sở vật chất cho quốc phòng. Kinh tế mạnh, là điều kiện cơ bản để xây dựng nền QPTD vững mạnh.

Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng phải trên cơ sở "đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa đất nước ta trở thành một nước công nghiệp"⁽¹⁾. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh. Sự

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 89.

kết hợp này phải được thể hiện trong kế hoạch, quy hoạch tổng thể của cả nước, từng vùng, địa phương, từng ngành, từng cấp... Mỗi bước phát triển kinh tế phải là một bước tăng cường củng cố quốc phòng và ngược lại, quốc phòng ngày càng vững chắc lại tạo thêm điều kiện thuận lợi cho kinh tế xã hội phát triển.

Phải gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá với từng bước xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật và phát triển khoa học quân sự của nền QPTD. Chú trọng kinh tế quân sự cũng như xây dựng nền công nghiệp quốc phòng hiện đại để vừa giải quyết vũ khí trang bị kĩ thuật cho LLVT, đáp ứng yêu cầu chiến tranh trong điều kiện hiện đại, vừa phục vụ nhu cầu xây dựng kinh tế đất nước. Phải gắn xây dựng cơ sở hạ tầng nền kinh tế với xây dựng cơ sở hạ tầng quốc phòng. Có kế hoạch chủ động chuyển sản xuất thời bình sang thời chiến và động viên nền kinh tế phục vụ quốc phòng khi tình hình đòi hỏi.

- Xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ

Xây dựng khoa học - công nghệ (KH-CN) ở nước ta hiện nay là quốc sách hàng đầu, là nền tảng, động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh, đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Xây dựng tiềm lực KH-CN của nền QPTD hiện nay cần "tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KH-CN trên một số lĩnh vực chủ yếu, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ đầu ngành; đổi mới và từng bước hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, phòng thí nghiệm tạo tiềm lực KH-CN đủ mạnh làm nòng cốt cùng với khoa học công nghệ của đất nước giải quyết các nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường trong lĩnh vực quân sự"⁽¹⁾.

(1) Chỉ thị của Thường vụ Đảng uỷ quân sự trung ương triển khai thực hiện Nghị quyết 02/NQHNTƯ (VIII) về khoa học công nghệ trong quân đội.

Phối hợp có kế hoạch giữa các ngành KH-CN trong và ngoài quân đội để nghiên cứu các vấn đề về : chiến lược quốc phòng – quân sự, chiến lược bảo vệ Tổ quốc, xây dựng LLVTND, phát triển công nghiệp quốc phòng, phát triển khoa học quân sự Việt Nam trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao. Ứng dụng, cải tiến bảo quản, thiết kế chế tạo các vũ khí phương tiện kỹ thuật quân sự theo hướng ngày càng hiện đại phù hợp với đối tượng tác chiến, địa hình, thời tiết và cách đánh của chiến tranh nhân dân Việt Nam, đồng thời nghiên cứu chống lại các thủ đoạn của địch dùng khoa học công nghệ phá hoại ta.

– Xây dựng tiềm lực quân sự

Tiềm lực quân sự là khả năng vật chất, tinh thần có thể huy động để tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự được xây dựng trên cơ sở tiềm lực chính trị – tinh thần, tiềm lực kinh tế và tiềm lực KH-CN. Là nhân tố cơ bản của tiềm lực quốc phòng, biểu hiện tập trung của sức mạnh quốc phòng, tiềm lực quân sự thể hiện ở sức mạnh quân sự của Nhà nước để bảo vệ Tổ quốc trong thời bình và sẵn sàng chuyển thành sức mạnh chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Sức mạnh tiềm lực quân sự được thể hiện ở khả năng duy trì, hoàn thiện năng lực chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các LLVT, ở cơ sở vật chất bảo đảm, khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự, nguồn dự trữ sức người, sức của phục vụ cho nhiệm vụ quân sự để giành thắng lợi trong mọi tình huống cả thời bình và thời chiến.

Xây dựng tiềm lực quân sự của nền QPTD cần tập trung :

Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các LLVTND, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở. Xây dựng quân đội nhân dân theo hướng : cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, lấy chất lượng là chính. Phát triển công nghiệp quốc phòng, xây dựng cơ

8.338.1
sở vật chất, kĩ thuật, bảo đảm vũ khí, trang bị cho LLVT hoạt động trong thời bình và thời chiến. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong LLVT có phẩm chất, năng lực tốt. Kết hợp chặt chẽ xây dựng thể trận QPTD và an ninh nhân dân. Xây dựng hậu phương chiến lược, chuẩn bị đất nước về mọi mặt sẵn sàng động viên thời chiến, đối phó và giành thắng lợi trong thời cơ tốt nhất. Tăng cường GDQP phù hợp với từng đối tượng và chấp hành nghiêm chỉnh *Luật Nghĩa vụ quân sự*.

b) Xây dựng thể trận quốc phòng

Xây dựng tiềm lực quốc phòng phải gắn với xây dựng thể trận quốc phòng, kết hợp "lực" với "thế". Thể trận quốc phòng là tổ chức, bố trí lực lượng mọi mặt của đất nước và toàn dân, trên toàn bộ lãnh thổ, theo ý định chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, xây dựng thể trận quốc phòng, trước hết phải xây dựng "thế trận lòng dân", toàn dân giữ nước, toàn dân đấu tranh, nhằm giữ vững hoà bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh. Thể trận đó sẽ được chuyển hoá, kết hợp chặt chẽ với "Lực", nhằm tạo nên sức mạnh lớn nhất, chủ động đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Xây dựng thể trận quốc phòng cần tập trung vào một số mặt :

– Phân vùng chiến lược gắn với xây dựng hậu phương chiến lược

Thể trận QPTD vững mạnh đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ phân vùng chiến lược quốc phòng – an ninh với phân vùng kinh tế – xã hội và xây dựng hậu phương chiến lược vững chắc, theo một ý định, xây dựng phải đi đôi với bảo vệ. Trong các quy hoạch, kế hoạch, phải căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội và nhiệm vụ quốc phòng an ninh cùng đặc điểm, điều kiện hoàn cảnh của từng địa phương để phân bố lao động, dân cư, phát triển ngành nghề. Kết hợp xây dựng kinh tế với xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, hậu phương chiến lược và

hậu cần tại chỗ, nhất là các địa bàn đặc biệt quan trọng. Có như vậy mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả nước và từng địa phương đối phó thắng lợi với mọi tình huống. Thời bình : đủ sức đánh bại chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, giữ gìn an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Thời chiến, với thế trận quốc phòng – an ninh và hậu phương tại chỗ của từng vùng chiến lược, đảm bảo cho quân và dân ta đối phó kịp thời, đánh trả, kìm giữ quân địch, tự lực, độc lập, tác chiến trong từng địa bàn, kể cả trong hoàn cảnh bị bao vây, chia cắt chiến lược, tạo điều kiện cho cả nước giành thắng lợi trong chiến tranh.

– Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trong khu vực phòng thủ chung của cả nước

Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) là một chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) là một tổ chức quốc phòng – an ninh địa phương theo địa bàn hành chính, là bộ phận hợp thành và là nền tảng của thế trận QPTD, thế trận an ninh nhân dân. Phải căn cứ vào đặc điểm, vị trí, yêu cầu của từng tỉnh (thành phố) để xác định nội dung xây dựng cụ thể nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp về quốc phòng – an ninh trên từng địa phương, đối phó có hiệu quả với mọi tình huống cả thời bình và thời chiến, bảo vệ tỉnh (thành phố), phối hợp cùng các địa phương khác trong cả nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) được xây dựng toàn diện "Vững mạnh về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng – an ninh, văn minh về văn hoá, xã hội" vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa bảo đảm cho nhiệm vụ cơ bản, lâu dài.

– Tổ chức phòng thủ dân sự, bảo đảm toàn dân đánh giặc và phòng tránh khắc phục hậu quả chiến tranh

Phòng thủ dân sự là một bộ phận trong thế trận phòng thủ chung của cả nước, là hệ thống các biện pháp nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và tiềm lực mọi mặt của đất nước, hạn chế đến mức

thấp nhất những thiệt hại do vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch gây nên. Được tiến hành trong thời bình và thời chiến, kế hoạch phòng thủ dân sự phải toàn diện, cụ thể, thiết thực phù hợp với yêu cầu kinh tế quốc phòng.

Tổ chức phòng thủ dân sự cần tập trung : Trước hết phải xây dựng có trọng điểm hệ thống công trình phòng thủ dân sự trong thời bình và hoàn thiện khi có chiến tranh. Cần có quy hoạch tổng thể, ở đâu có dân là ở đó có công trình phòng thủ dân sự, chú trọng các khu vực đông người (chợ, trường học, xí nghiệp, cơ quan...) và các mục tiêu trọng điểm. Yêu cầu cơ bản là phải bảo đảm an toàn cho dân và cơ sở vật chất quan trọng.

Cùng với xây dựng các công trình phòng thủ dân sự phải có tổ chức hệ thống chỉ đạo, điều hành từ trung ương đến cơ sở và thành lập các lực lượng chuyên trách, gắn liền với các cơ sở sản xuất, khu dân cư và đơn vị hành chính sự nghiệp. Có kế hoạch bồi dưỡng và luyện tập các nội dung cụ thể như : Thông báo, báo động, sơ tán, phòng tránh khắc phục hậu quả, chống sập, chống cháy nổ, cứu chữa người, cứu hộ cứu nạn... Đồng thời thường xuyên tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân để mọi người đều có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự.

- Kết hợp thể trận QPTD với thể trận an ninh nhân dân

Đặc điểm nổi bật của quá trình đấu tranh cách mạng ở nước ta là, kẻ thù bên ngoài và kẻ thù bên trong luôn luôn cấu kết với nhau. Để tạo ra và phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nền QPTD, thể trận QPTD tất yếu phải kết hợp với thể trận an ninh nhân dân.

Sự kết hợp này được biểu hiện trong các hoạt động xây dựng và đấu tranh quốc phòng - an ninh trên tất cả các lĩnh vực như : tổ chức triển khai, bố trí sử dụng lực lượng, cả vũ trang và phi vũ trang ; phối hợp hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vận động quần chúng, xây dựng cơ sở vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ phòng chống "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhất là chuẩn bị kế

hoạch phối hợp đối phó với tình huống, địch can thiệp vũ trang hoặc tiến hành chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

2. Một số biện pháp chủ yếu xây dựng nền quốc phòng toàn dân

a) Tăng cường GDQP

GDQP là một biện pháp cơ bản để thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD. GDQP là một bộ phận cấu thành nền giáo dục quốc gia, có tác động tích cực và trực tiếp đến trình độ giác ngộ của toàn dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung chủ yếu GDQP gồm những điểm sau : Quán triệt một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc ; tình hình nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quốc phòng – an ninh ; âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta ; quyền lợi và nghĩa vụ của công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ; truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, của Đảng, của nhân dân ta trong lịch sử ; kết hợp kinh tế với quốc phòng và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về quản lí quốc phòng, xây dựng nền QPTD, xây dựng các LLVTND... cùng những kiến thức quốc phòng – quân sự cần thiết khác.

Đối tượng GDQP là toàn dân, trước hết là cán bộ, đảng viên, những người trong các cơ quan đoàn thể, trường học... để từ đó làm nòng cốt trong việc tổ chức GDQP cho quần chúng nhân dân.

Các ngành chức năng cần nghiên cứu, hoàn thiện nội dung giáo dục cho phù hợp với từng đối tượng, từng cấp học, đồng thời phải có biện pháp, hình thức tổ chức học tập hợp lí, có chính sách đầu tư đúng đắn để công tác GDQP đi vào nề nếp và đạt hiệu quả ngày càng cao.

b) Thường xuyên chăm lo xây dựng các LLVTND vững mạnh toàn diện

"Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước của toàn dân. Trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt"⁽¹⁾. Trên cơ sở quan điểm động viên và tổ chức toàn dân tham gia xây dựng củng cố quốc phòng, lấy LLVTND làm nòng cốt, phải xây dựng ba thứ quân : Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ phải cân đối, có cơ cấu hài hoà về thành phần, có số lượng cần thiết hợp lí, chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại ; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lí tốt, đảm bảo khi cần thiết có thể động viên nhanh chóng theo kế hoạch ; xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, lấy chất lượng làm chính, trước hết là chất lượng chính trị.

Trong xây dựng Quân đội nhân dân, phải lấy xây dựng về chính trị, nâng cao trình độ và bản lĩnh chính trị làm cơ sở. Đây là một nguyên tắc, là yêu cầu khách quan do thực tiễn cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp đặt ra cho quân đội. Trên cơ sở xây dựng quân đội về chính trị, phấn đấu tạo ra sự chuyển biến toàn diện, vững chắc về chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của LLVT. Cần tiếp tục ổn định tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị, phù hợp với yêu cầu thời bình và sẵn sàng đối phó có hiệu quả với các tình huống. Nâng cao chất lượng huấn luyện, đào tạo với phương châm huấn luyện, đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ, sát thực tiễn, phù hợp với khả năng trang bị và cách đánh của ta. Tăng cường đảm bảo hậu cần, kĩ thuật. Đẩy

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 117.

manh xây dựng chính quy, xây dựng các đơn vị vững mạnh toàn diện và tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống chính sách đối với LLVTND, phù hợp với điều kiện mới của đất nước.

c) *Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lí của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD*

Đại hội Đảng IX chỉ rõ : "Tăng cường quản lí nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở⁽¹⁾. Quản lí nhà nước về quốc phòng do hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước (cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp) ở các cấp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao do pháp luật quy định.

Để nâng cao hiệu lực quản lí của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, cần có hệ thống pháp luật, chính sách đầy đủ, đồng bộ, có cơ chế điều hành, tổ chức thực hiện và phương pháp quản lí chặt chẽ phù hợp. Nội dung quản lí rất rộng, nhiều lĩnh vực, trong đó cần tập trung vào một số vấn đề chủ yếu : Hoàn thiện hệ thống pháp luật về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nghiên cứu và ban hành các luật về quốc phòng, thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền QPTD.

Bộ Quốc phòng phải làm tốt chức năng quản lí nhà nước về quốc phòng. Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành khác, cùng các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng của ngành mình, cấp mình, địa phương mình. Kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa xây dựng phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng. Nâng cao chất lượng GDQP cho cán bộ các cấp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể và sinh viên, học sinh. Thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng cơ quan và cán bộ chuyên trách về quốc phòng từ trung ương đến địa phương, cơ sở.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 118.

KẾT LUẬN

Những thành tựu to lớn và rất quan trọng của công cuộc đổi mới đã làm cho thế và lực đất nước ta mạnh lên rất nhiều, tạo tiền đề vật chất và tinh thần để nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phát triển trong tình hình thế giới có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp chứa đựng nhiều yếu tố khó lường, bên cạnh thời cơ thuận lợi, chúng ta còn nhiều thách thức, nguy cơ.

Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, yêu cầu khách quan là phải xây dựng nền QPTD vững mạnh. Đây là một chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời cũng là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân.

Sinh viên là lực lượng trí thức, cần nhận thức đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm, tích cực, tự giác tham gia vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng tiềm lực và thế trận QPTD, bảo đảm cho đất nước hoà bình, ổn định, vững bước đi tới tương lai, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

*

* *

C - TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Lên lớp lí thuyết, trao đổi, thảo luận ở tổ, lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Mục đích, tính chất và quan điểm xây dựng nền QPTD.
- Nội dung và biện pháp xây dựng nền QPTD.

2. Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB CTQG, H. 1996, Tr. 39.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 89, 117, 118.

Bài 3

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên hiểu được mục đích, tính chất, đặc điểm và những quan điểm cơ bản của Đảng về chiến tranh nhân dân (CTND) bảo vệ Tổ quốc.

– Xây dựng lòng tin, nâng cao lòng tự hào dân tộc, ý thức quốc phòng đúng đắn, làm cơ sở để vận dụng góp phần thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược "Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN" trong giai đoạn mới.

B – NỘI DUNG

I – MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

"CTND Việt Nam là cuộc chiến tranh do toàn dân Việt Nam tiến hành một cách toàn diện nhằm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc".

CTND Việt Nam xuất hiện từ lâu trong lịch sử dân tộc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của các vương triều phong kiến tiến bộ hoặc phát triển từ các cuộc khởi nghĩa của nông dân.

CTND Việt Nam kế thừa những tinh hoa quân sự của lịch sử nhân loại và phát triển sáng tạo thành những truyền thống quân sự độc đáo của dân tộc mà nổi bật là "cả nước một lòng chung sức đánh giặc", "lấy nhỏ thắng lớn", "lấy ít địch nhiều", "lấy yếu trị mạnh"...

Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp đúng đắn học thuyết Mác – Lê-nin về chiến tranh và quân đội với di sản, truyền thống quân sự của dân tộc đưa CTND Việt Nam phát triển lên một trình độ mới, một chất lượng mới cao hơn, trở thành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện.

1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân và những âm mưu thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù

a) Mục đích của CTND

CTND Việt Nam là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phòng – an ninh, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta. "Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc".⁽¹⁾

b) Đối tượng của CTND và âm mưu thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù

– Đối tượng CTND là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược, lật đổ cách mạng. Hiện nay chúng đang thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ để xoá bỏ CNXH ở nước ta. Đồng thời chúng sẵn sàng tạo điều kiện, thời cơ dùng hành động quân sự với quy mô, thời gian, mục đích khác nhau, tiến hành xâm lược.

– Thủ đoạn tiến hành chiến tranh xâm lược của địch thường dùng là : Thực hiện cách đánh nhanh, thắng nhanh. Kết hợp tiến công bằng quân sự từ bên ngoài vào với các hành động bạo loạn, lật đổ... bên

(1) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H.2001, Tr. 117.

trong của lực lượng phản cách mạng nội địa. Đồng thời kết hợp với các biện pháp phi vũ trang : chính trị, kinh tế, ngoại giao... để lừa bịp, dư luận quốc tế, tạo những cơ "hợp pháp giả" cho hành động xâm lược của chúng.

Tiến hành chiến tranh xâm lược, địch có thể sử dụng lực lượng (sinh lực và phương tiện chiến tranh) của một số quốc gia dưới nhiều danh nghĩa, mức độ khác nhau. Do đó chúng sẽ có lực lượng quân đông, vũ khí trang bị hiện đại của các quân, binh chủng để tiến công.

Giai đoạn mở đầu chiến tranh xâm lược, địch sẽ thực hiện bao vây, phong toả, cấm vận bằng mọi lực lượng, cả đường không, đường biển... Nhưng chúng vẫn phải thiết lập các căn cứ quân sự, các bàn đạp tập kết lực lượng, chuẩn bị cơ sở vật chất, kĩ thuật bảo đảm cho chiến tranh. Khi bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược, địch thường bất ngờ đánh phá ào ạt bằng hoả lực của hạm đội, không quân, tên lửa, pháo binh... nhằm tiêu diệt, làm tan rã ngay bộ phận quan trọng lực lượng quân sự ta, chủ yếu là các binh đoàn chủ lực, các cơ sở hạ tầng quốc phòng, làm tê liệt các cơ quan lãnh đạo, hệ thống thông tin liên lạc, làm rối loạn các trung tâm chỉ huy, điều hành, triệt phá các cơ sở kinh tế, trung tâm văn hoá chính trị quan trọng làm suy yếu tiềm lực chiến tranh của ta ngay từ đầu.

Sau giai đoạn đầu tiến công bằng hoả lực, địch sẽ thực hành chiến tranh xâm lược, thôn tính lãnh thổ và có thể đồng thời phối hợp, hỗ trợ cho các hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong của lực lượng phản cách mạng nội địa. Mặt khác chúng sẽ áp dụng các biện pháp : chính trị, ngoại giao để lừa bịp dư luận, hòng cô lập ta trên thế giới.

Tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, kẻ địch có những mặt mạnh, yếu như sau :

Mặt mạnh :

+ Chúng có tiềm lực quân sự, kinh tế, khoa học kỹ thuật lớn hơn ta nhiều lần.

+ Quân số đông, nhiều vũ khí trang bị hiện đại, vũ khí tinh khôn, vũ khí huỷ diệt sẽ tạo nên ưu thế ngay từ đầu, nhất là các khu vực trọng điểm, hướng chiến trường chính, có thể tiến công cùng một lúc vào hậu phương, vào các thành phố lớn và các khu quân sự, quốc phòng của ta.

+ Quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược, chúng sẽ cấu kết với lực lượng phản động nội địa, tiến hành bạo loạn lật đổ từ bên trong, thực hiện ngoài đánh vào, trong đánh ra.

Mặt yếu cơ bản :

+ Đây là cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, những hành động tàn bạo, vô nhân đạo nhằm thực hiện mưu đồ của tập đoàn cầm quyền "cai trị thế giới", nhất định sẽ bị nhân dân ta và đa số nhân dân thế giới phản đối, lên án. Mâu thuẫn nội bộ vốn có của các lực lượng tham chiến (đồng minh) rất dễ bùng nổ, nhất là sau khi cuộc chiến tranh bị sa lầy, thời gian kéo dài, có thương vong.

+ Chiến tranh xâm lược đất nước ta, kẻ địch phải đương đầu với một dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm kiên cường, bất khuất. Hiện nay chúng ta có tiềm lực, thế trận QP-TD mạnh, được chuẩn bị chắc chắn trên cả nước ; dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiềm lực đó được sử dụng trong cuộc CTND, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện, mà LLVT gồm 3 thứ quân làm nòng cốt nhất định sẽ gây nhiều khó khăn cho cách đánh nhanh, thắng nhanh của địch, làm cho chúng sa lầy, bị động.

+ Địa hình, thời tiết nước ta phức tạp, khó khăn cho việc triển khai sử dụng lực lượng, phương tiện, hạn chế nhiều đến uy lực, tác dụng của vũ khí trang bị và cách đánh hiện đại cũng như công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật, nhất là khi chiến tranh kéo dài.

15.000.000
B.9.92.95

2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

a) Tính chất của CTND

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, có những tính chất sau :

– Là cuộc chiến tranh chính nghĩa tự vệ, cách mạng, nhằm mục tiêu cơ bản, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN Việt Nam, chống lại âm mưu, thủ đoạn hành động xâm lược lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Góp phần bảo vệ hoà bình, độc lập dân tộc dân chủ, tiến bộ xã hội trong khu vực và trên thế giới.

– Là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện. Thực hiện toàn dân đánh giặc, LLVTND gồm 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ) làm nòng cốt. Đánh giặc toàn diện trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội, ngoại giao, quân sự – an ninh... Đánh bằng tất cả các phương tiện, vũ khí huy động được. Kết hợp chặt chẽ các lực lượng, các mặt trận, các phương tiện để đánh giặc. Đó là cuộc chiến tranh "của dân, do dân, vì dân".

– Là cuộc chiến tranh hiện đại. Trong cuộc chiến tranh này, quân dân ta sử dụng các loại vũ khí trang bị, kĩ thuật có trình độ hiện đại ngày càng cao, kết hợp với vũ khí tương đối hiện đại và thô sơ, chống lại quân xâm lược sử dụng nhiều vũ khí công nghệ cao là chủ yếu.

b) Đặc điểm của CTND

CTND bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN có những đặc điểm chủ yếu sau :

– Tình hình thế giới, khu vực diễn ra phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ngờ khó lường trước. Trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục theo đuổi mục tiêu xác lập "quyền lãnh đạo

thế giới", chúng thực thi chính sách cứng rắn, thô bạo hơn, sử dụng các ưu thế quân sự – kinh tế, khoa học – công nghệ để áp đặt các điều kiện trừng phạt kinh tế, đe dọa hoặc tiến hành can thiệp vào các nước khi có thời cơ, nhất là đối với các nước XHCN.

– Phải kiên quyết ngăn chặn, đánh trả địch ngay từ đầu, bảo vệ độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ XHCN Việt Nam. Tình huống diễn ra sẽ rất khẩn trương, phức tạp không phân biệt tiền tuyến, hậu phương. Chúng ta vừa phải chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào, vừa phải diệt trừ bạo loạn, tiêu hao tổn thất lớn, công tác hậu cần bảo đảm các mặt đòi hỏi rất cao, liên tục, kịp thời.

– Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận QPTD, an ninh nhân dân (ANND) và CTND được củng cố ngày càng vững chắc, có điều kiện phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của cả nước, chủ động đánh địch ngay từ đầu và có thể lâu dài.

II – NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

Nhân dân Việt Nam đã trải qua nhiều thập kỉ chiến tranh, chống quân xâm lược từ bên ngoài đến. Mong muốn cao nhất của nhân dân ta là hoà bình, xây dựng đất nước. "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁽¹⁾. Nhưng tình hình thế giới hiện nay có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, như Đảng ta nhận định: "Trong một vài thập kỉ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới, chiến tranh tổng lực dùng vũ khí hạt nhân và những vũ khí giết người hàng

(1) Sách đã dẫn, Tr. 119.

2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao, kinh tế... lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện, cả sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần của đất nước. Để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của CTND, đánh bại kẻ thù xâm lược, chúng ta phải tiến hành chiến tranh toàn diện, tiến công địch trên mặt trận quân sự; phải kết hợp chặt chẽ mặt trận quân sự với các mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế... Mặt trận nào cũng có vị trí quan trọng, song trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, mặt trận quân sự, thắng lợi trên chiến trường vẫn là yếu tố quyết định. Cho nên cả quá trình cuộc chiến tranh, chúng ta phải biết kết hợp chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng giữa các mặt trận để luôn hỗ trợ, tạo điều kiện cho mặt trận quân sự giành thắng lợi trên chiến trường, đồng thời cùng với mặt trận quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất để giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chế độ XHCN Việt Nam.

Kinh nghiệm trong các cuộc kháng chiến trước đây, chúng ta đã thông qua mặt trận đấu tranh ngoại giao để nhân dân thế giới, kể cả nhân dân nước đang xâm lược nước ta, hiểu rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược, thấy được tội ác mà kẻ thù gây ra cho nhân dân ta. Từ đó chúng ta đã dần dần được nhân dân thế giới, cả nhân dân, gia đình những người có con em đang tham gia cuộc chiến tranh xâm lược nước ta ủng hộ.

3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh, giành thắng lợi càng sớm càng tốt

Quan điểm này, thể hiện sự vận dụng quy luật "không gian và thời gian" trong chiến tranh. Quy luật đó phụ thuộc chủ yếu vào nỗ lực của các bên tham chiến, ngay từ khi chuẩn bị và quá trình tiến hành chiến tranh.

Kẻ địch thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược lật đổ, chúng dựa vào ưu thế quân tham chiến đông, vũ khí trang bị hiện đại, sẽ tập trung dồn sức tiến công áp đảo ngay từ đầu để nhanh chóng đạt mục đích triệt để thực hiện phương châm "đánh nhanh, thắng nhanh".

Đối phó với mưu đồ của địch, chúng ta không dàn trận đối đầu mà tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cả nước và từng khu vực đủ sức đánh độc lập, tương đối lâu dài. Cố gắng ngăn chặn địch mở rộng không gian chiến tranh, đồng thời phải chuẩn bị đánh thắng chúng trong điều kiện chiến tranh mở rộng. Quân địch thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược, phải chiếm được đất. Chúng ta sẽ thực hiện cách đánh của chiến tranh nhân dân, làm cho đội hình của địch bị dàn mỏng, quân giăng khắp nơi để đối phó, sẽ bị tiêu hao dần, không tránh khỏi sa lầy, lúng túng.

Do đó ngay từ thời bình (khi chiến tranh chưa xảy ra), chúng ta phải chuẩn bị tích cực, chủ động xây dựng khu vực phòng thủ và đất nước vững mạnh cả thể và lực, sẵn sàng đáp ứng mọi tình huống của chiến tranh.

4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa chiến đấu vừa sản xuất, thực hiện tiết kiệm, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nếu xảy ra sẽ rất ác liệt, tổn thất về người và tiêu hao khối lượng vật chất rất lớn. Nhu cầu bảo đảm hậu cần kỹ thuật cho chiến tranh đòi hỏi rất cao và khẩn trương. Việc bảo đảm ổn định đời sống nhân dân trong thời chiến vô cùng khó khăn, phức tạp.

Để duy trì được sức mạnh, đánh thắng địch, chúng ta phải chuẩn bị tốt các kế hoạch, kết hợp kinh tế với quốc phòng, kịp thời chuyển đất nước sang thời chiến, tổ chức tốt động viên thời chiến (như lực lượng dự bị động viên, nền kinh tế quốc dân...). Tổ chức tốt phòng

thủ dân sự, có kế hoạch sơ tán, phòng tránh bảo đảm an toàn cho nhân dân, hạn chế thương vong ở mức thấp nhất.

Khi chiến tranh xảy ra, phải có kế hoạch chặt chẽ, chu đáo giữa đánh địch và bảo vệ lực lượng ta, nhất là LLVT bảo vệ sản xuất trong thời chiến, thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, luôn đáp ứng nhu cầu vật chất cho chiến tranh và đời sống nhân dân, đồng thời tận thu của địch để đánh địch. Làm cho lực lượng ta luôn phát triển, càng đánh càng mạnh.

5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại, gây bạo loạn

Trước và trong quá trình cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, kẻ địch sẽ kết hợp với bạo loạn lật đổ ở một hoặc một số khu vực khi có điều kiện, lực lượng phản động trong nước sẽ tiến hành các hành động phá hoại làm rối loạn hậu phương ta. Cho nên LLVT vừa có nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu đánh bại kẻ thù xâm lược từ bên ngoài vào, vừa phải kết hợp chặt chẽ với các lực lượng khác kịp thời trấn áp mọi âm mưu, hành động phá hoại, gây bạo loạn lật đổ của lực lượng phản động trong nước, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Cùng với việc lập kế hoạch, xác định phương án chống xâm lược, chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch phòng chống bạo loạn lật đổ, chủ động và kiên quyết ngăn chặn, đập tan mọi lực lượng phản động gây bạo loạn.

6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới

Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ đồng tình ủng hộ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là truyền thống và bài học quý giá của dân tộc ta từ trước đến nay.

Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta nếu xảy ra, kẻ thù sẽ có hành động dã man, vô nhân đạo, vi phạm thô bạo luật lệ trong quan hệ quốc tế, nhất định sẽ gây bất bình dư luận thế giới, lương tri loài người. Chúng ta chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nhất định sẽ được dư luận và loài người tiến bộ đồng tình ủng hộ.

Trên cơ sở độc lập, tự chủ, chúng ta mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, "sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế", tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới kể cả nhân dân các nước có quân đang xâm lược nước ta.

III – MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

Thế trận của chiến tranh là sự tổ chức và bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

Thế trận CTND phụ thuộc rất lớn vào việc tổ chức, bố trí lực lượng lao động và dân cư trên từng địa bàn cụ thể ở khắp cả nước, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù xâm lược, bất cứ trong tình huống nào. Thế trận CTND Việt Nam bố trí rộng trên phạm vi cả nước, nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Thực hiện cả nước là một chiến trường, ở đâu cũng có người đánh giặc, đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí, làm cho lực lượng quân địch luôn phải phân tán, dần mỏng để đối phó, dẫn đến bị sa lầy, mất quyền chủ động tiến công. Chúng ta bố trí thế trận rộng khắp, nhưng không phải rải đều, phân tán mà bố trí có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung vào những hướng, mục tiêu chiến lược quan trọng, những "địa bàn trọng yếu" hoặc nơi dự kiến mà địch sẽ dồn lực lượng đánh đòn đầu tiên.

Tích cực xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) vững mạnh về mọi mặt, mạnh về quốc phòng – an ninh, ổn định về chính trị, giàu về kinh tế. Khu vực phòng thủ có khả năng độc lập tác chiến, phối kết hợp với lực lượng chủ lực, đơn vị bạn đánh địch liên tục dài ngày. Các khu vực phòng thủ liên kết hình thành hệ thống "thế trận làng nước", cả nước đánh giặc, có nhiều phương án đánh giặc ứng phó với mọi tình huống.

2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

Lực lượng CTND là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện, lấy LLVTND gồm 3 thứ quân làm nòng cốt. Như lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc".⁽¹⁾

Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự. Tuỳ theo diễn biến cụ thể của cuộc chiến tranh, tổ chức bố trí để sử dụng các lực lượng cho phù hợp, nhưng luôn kết hợp chặt chẽ các lực lượng nhằm phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân đánh giặc.

LLVTND được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào với bạo loạn lật đổ từ bên trong

Trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, kẻ thù sẽ phối hợp tiến công từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong, thực hiện đánh nhanh, giải quyết nhanh buộc ta phải khuất phục. Để

(1) Hồ Chí Minh với các LLVTND, NXBQĐND, H. 1975, Tr. 33.

chống lại âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, chúng ta phải giữ vững ổn định chính trị, chủ động kịp thời dập tắt bạo loạn. Không để thù trong, giặc ngoài cấu kết với nhau.

Các LLVT, các cấp, các ngành địa phương khi xác định quyết tâm chiến đấu, vạch kế hoạch, phương án tác chiến phải đồng thời có quyết tâm, kế hoạch, phương án chống bạo loạn lật đổ. Các nội dung đó luôn được quán triệt đến từng cấp, có sự phối kết hợp chặt chẽ, cụ thể.

KẾT LUẬN

Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta nếu xảy ra, kẻ thù sẽ sử dụng quân số đông, vũ khí kĩ thuật hiện đại và rất hiện đại. Chống lại cuộc chiến tranh đó, chúng ta vẫn tiến hành CTND, thực hiện toàn dân đánh giặc. Phát huy sức mạnh của dân tộc kết hợp sức mạnh của thời đại tiến công địch toàn diện, trên tất cả các mặt trận, bằng mọi phương tiện, vũ khí kĩ thuật, cả thô sơ cả hiện đại, đánh bại âm mưu chiến lược, từng thủ đoạn tác chiến, tiến tới đánh bại ý chí xâm lược lật đổ của kẻ thù, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN Việt Nam.

Để giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh đó, đất nước ta phải được chuẩn bị mọi mặt, có tiềm lực kinh tế, quốc phòng – an ninh vững chắc, chính trị ổn định, tăng cường cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hoà bình, ngăn ngừa khả năng chiến tranh có thể xảy ra.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ, trong tương lai là một trong những lực lượng nòng cốt xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần tích cực học tập, nghiên cứu, củng cố lòng tin, niềm tự hào dân tộc và tích cực đóng góp tài năng, trí tuệ, công sức của mình vào xây dựng nền QPTD, sẵn sàng tham gia đánh giặc khi có chiến tranh xảy ra.

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung ;
- Trao đổi sinh viên – sinh viên ;
- Thảo luận ở tổ hoặc lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Đặc điểm cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.
- Quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Quốc phòng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình giáo dục quốc phòng*, NXB QĐND, H. 1992.
- Bộ Quốc phòng, *Giáo trình giáo dục quốc phòng*, NXB QĐND, H. 1998.
- *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, NXB CTQG, H.2001.

Bài 4

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VỮNG MẠNH ĐỂ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bồi dưỡng cho sinh viên nắm được những đặc điểm, quan điểm, nguyên tắc và phương hướng xây dựng LLVTND.
- Trên cơ sở nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực góp phần tham gia xây dựng LLVT.

B – NỘI DUNG

I – ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG THỜI KÌ MỚI

1. Khái niệm

LLVTND Việt Nam là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí. Có nhiệm vụ : chiến đấu, giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ; bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN và những thành quả của cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước. Là lực lượng nòng cốt của QPTD, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân.

2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

a) Cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động chống phá ta quyết liệt

Với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới : giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất và đi lên CNXH. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Hai nhiệm vụ đó có mối quan hệ hữu cơ tác động, tạo điều kiện cho nhau, cùng nhau phát triển, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh". Trong khi đặt nhiệm vụ xây dựng CNXH lên hàng đầu, không được một chút sao nhãng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Để xây dựng thành công CNXH, phải nâng cao ý thức tự lực tự cường, phát huy truyền thống cần cù, anh dũng và tiềm năng mọi mặt của đất nước, kết hợp với mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tìm tòi hình thức, bước đi phù hợp với tình hình cụ thể của Việt Nam. Đồng thời luôn luôn nâng cao cảnh giác cách mạng, không một chút lơ là lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Với vị trí địa lí – chính trị, địa lí – kinh tế của khu vực và trên thế giới, Việt Nam đang là một nơi mà chiến lược an ninh quốc gia của nhiều nước quan tâm chi phối, các nước lớn đều có chính sách riêng đối với Việt Nam phục vụ cho lợi ích chiến lược của họ. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch với CNXH, vẫn coi Việt Nam là một trọng điểm để phá hoại. Bằng chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, kết hợp với răn đe quân sự và sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự, khi có điều kiện, thời cơ. Biện pháp chiến lược chủ yếu của chúng là : Phá ta toàn diện, làm chuyển hoá từ bên trong, tạo cơ hội can thiệp, gây sức ép từ mọi phía, tiến tới xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chế độ XHCN, lôi kéo ta đi theo quỹ đạo của CNTB. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải tranh thủ thời cơ thuận lợi

để xây dựng đất nước giàu mạnh, đồng thời tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, củng cố xây dựng các LLVT vững mạnh toàn diện, đủ sức đối phó thắng lợi với các tình huống nhất là tình huống phức tạp có thể xảy ra.

b) Điều kiện quốc tế đã thay đổi, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ tư tưởng của nhân dân ta, tiếp tục phát triển trong tình hình thế giới có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp chứa đựng những yếu tố khó lường, mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Nguy cơ chiến tranh thế giới có ít khả năng xảy ra, nhưng xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, dân tộc, tôn giáo, các hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

Khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương có khả năng phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Quan hệ quốc tế của nước ta với các nước khác đã có sự thay đổi căn bản. Chúng ta thực hiện chủ trương : chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, độc lập tự chủ rộng mở, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế ; Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

c) Sự nghiệp đổi mới của nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Đất nước ta đang bước sang thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Qua những năm đổi mới chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng : đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội ; cơ sở vật chất kĩ thuật của nền kinh tế được tăng cường ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện ; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng ; an ninh được giữ vững ; quan hệ đối ngoại

83
1985
2000
1558/958

không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt. Đảng Cộng sản Việt Nam có bản lĩnh vững vàng và có đường lối lãnh đạo đúng đắn.

Những thành tựu của sự nghiệp đổi mới đã tăng cường tiềm lực của đất nước, tạo thế và lực mới để chúng ta tiếp tục đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Cùng với sự đổi mới của đất nước, LLVTND đã có sự đổi mới toàn diện cả nhận thức và hoạt động thực tiễn. Tích cực tham gia xây dựng và đấu tranh trên mọi lĩnh vực nhằm bảo vệ thắng lợi sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN.

d) Thực trạng LLVT

Cùng với những thành tựu về quốc phòng an ninh, LLVTND đã đạt được những thành tựu : chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội không ngừng được tăng lên. Đã tập trung xây dựng quân đội về chính trị, làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp. Coi trọng xây dựng nâng cao chất lượng của lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lí Nhà nước đối với LLVTND tiếp tục được tăng cường. LLVTND thực sự làm nòng cốt cho toàn dân và tích cực tham gia vào việc thực hiện có kết quả nhiệm vụ phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình" bạo loạn lật đổ ; bảo vệ vùng biển đảo, thềm lục địa và biên giới, làm thất bại nhiều âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, đồng thời có những đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

LLVTND còn một số tồn tại cần tiếp tục giải quyết :

Chất lượng tổng hợp, khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu có mặt hạn chế. Trước những diễn biến phức tạp của tình

hình cùng những âm mưu và hoạt động chống phá cách mạng nước ta của các thế lực thù địch... nhận thức của một số cán bộ, chiến sĩ còn chưa đầy đủ sâu sắc. Lực lượng dân quân tự vệ cần được tiếp tục củng cố. Công tác động viên quân đội còn nhiều khó khăn. Trách nhiệm các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ xây dựng LLVTND có lúc, có nơi, chưa phát huy đầy đủ.

Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với LLVT, bản thân các tổ chức Đảng trong LLVT phải được xây dựng vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức. Coi trọng và nâng cao hiệu lực công tác Đảng, công tác chính trị trong LLVTND.

b) Tự lực tự cường xây dựng LLVT

Độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, đồng thời là quan điểm tư tưởng cơ bản của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, những thắng lợi mà nhân dân ta giành được, trước hết là do chúng ta biết phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường.

LLVTND ta nhờ tự lực tự cường nên đã từng bước trưởng thành ngày càng lớn mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ. Tuy nhiên, mỗi thời kì, mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, nội dung, hình thức, mức độ thể hiện tự lực tự cường khác nhau. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và những năm xây dựng CNXH, chúng ta đã nhận được sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả từ các nước XHCN anh em và bạn bè quốc tế. Sự giúp đỡ đó đã góp phần quan trọng đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đến thắng lợi. Chúng ta đã biết sử dụng sáng tạo sự viện trợ đó nên đã đạt hiệu quả cao. Xuất phát từ tình hình thực tế, hiện nay chúng ta xây dựng LLVT trên cơ sở nền kinh tế nước ta là chủ yếu. Phát huy được sức mạnh bên trong chính là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Quan triệt quan điểm phát huy nội lực, tự lực tự cường xây dựng LLVT, cần tập trung : Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện ; nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu của LLVTND ; từng bước hiện đại hoá vũ khí trang bị, quản lí khai thác, giữ tốt, dùng bền, sử dụng có hiệu quả phương tiện, cơ sở vật chất kĩ thuật, tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế và thực hành tiết kiệm. Đó là những yêu cầu, cũng là những

biện pháp để thực hiện quan điểm "tự lực tự cường", có ý nghĩa thiết thực trước mắt và cơ bản lâu dài xây dựng LLVT.

c) Xây dựng LLVTND lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở

Sức mạnh của LLVTND là sức mạnh tổng hợp của các yếu tố : chính trị, tư tưởng, tổ chức, chỉ huy, huấn luyện, vũ khí trang bị, công tác bảo đảm, khoa học quân sự... Vì vậy, xây dựng LLVTND phải xây dựng toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính.

Truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta là thường phải "lấy nhỏ đánh lớn", "lấy ít địch nhiều", "lấy chất lượng cao thắng số lượng đông". Đây cũng là một tư tưởng cơ bản trong nghệ thuật quân sự Việt Nam. Để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và chế độ giai đoạn mới, trong quá trình xây dựng LLVT phải nắm vững, giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Lấy nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Cần có cơ cấu hợp lý giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên.

Chất lượng LLVTND là chất lượng toàn diện, nhưng trước hết là chất lượng chính trị, phải chăm lo xây dựng LLVTND về mặt chính trị, lấy xây dựng về chính trị, nâng cao trình độ và bản lĩnh chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của LLVT.

Chất lượng chính trị của LLVTND không chỉ là cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, mà còn là sức mạnh chiến đấu trực tiếp, đấu tranh trên lĩnh vực lí luận, chính trị tư tưởng, văn hoá, tâm lí, lối sống... chống lại âm mưu và hành động của các thế lực thù địch hòng "trung lập hoá", "phi chính trị hoá" dẫn đến vô hiệu hoá LLVTND, chia rẽ LLVTND với nhân dân, với Đảng và Nhà nước.

Xây dựng LLVTND về mặt chính trị cần tập trung vào các nội dung chủ yếu : Làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ quán triệt sâu sắc, nhất trí cao, tin tưởng tuyệt đối và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. LLVTND phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, với Tổ quốc, với chế độ, kiên định mục tiêu, con đường XHCN mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, nhạy bén về chính trị, kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch. Có ý chí quyết tâm chiến đấu cao, kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Xây dựng LLVTND về mặt chính trị, còn phải chăm lo xây dựng, củng cố sự trong sạch, vững mạnh của các tổ chức trong LLVT như : tổ chức Đảng, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân... thông qua các tổ chức làm cho đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước thấm nhập vào từng quân nhân. Phải chăm lo quản lý đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ chỉ huy, lãnh đạo chủ trì, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chính trị và cơ quan chính trị ở các cấp, đồng thời chấp hành nghiêm túc nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với LLVTND.

d) Bảo đảm LLVTND luôn luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu

Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, làm thất bại mọi âm mưu hành động phá hoại, xâm lược của kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ công cuộc lao động hoà bình của nhân dân là chức năng, nhiệm vụ cơ bản thường xuyên của LLVTND.

Hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục chống phá ta trên nhiều lĩnh vực. Chúng sẵn sàng can thiệp quân sự khi tạo được cơ, có điều kiện thời cơ. Trong tình hình cụ thể, bọn phản động trong nước kết hợp với bọn phản động lưu vong ở nước ngoài sẽ tăng cường hoạt động, gây rối hòng làm mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội thực hiện bạo loạn lật đổ, kết hợp ngoài đánh vào, trong

Đã
được
sưu
tập

đánh ra. Vì vậy, quán triệt và nắm vững nguyên tắc sẵn sàng chiến đấu trong xây dựng LLVTND có ý nghĩa hết sức quan trọng...

Yêu cầu cao nhất của sẵn sàng chiến đấu là : luôn luôn chủ động đánh địch kịp thời, bảo vệ được mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, không để bị bất ngờ về.

Để thực hiện tốt nguyên tắc "sẵn sàng chiến đấu" LLVTND phải nắm vững tình hình địch, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn hành động của chúng, thường xuyên nâng cao cảnh giác, chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ quy định về sẵn sàng chiến đấu...

II – PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1. Phương hướng

Phương hướng cơ bản xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới là :

a) Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

Xây dựng quân đội nhân dân bảo đảm "Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ văn hoá và kiến thức ngày càng cao, quý trọng, hết lòng phục vụ nhân dân ; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân ; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị ; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang ; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia ; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm, các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội"(1).

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 118.

35-83
b) *Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, đảm bảo khi cần thiết có thể động viên nhanh chóng theo kế hoạch*

Lực lượng dự bị động viên (LLDBĐV) là một bộ phận của quân đội nhân dân, có vai trò quan trọng trong thời bình cũng như khi xảy ra chiến tranh. Xây dựng LLDBĐV mạnh có ý nghĩa chiến lược, ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng, chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội khi chiến tranh xảy ra. Cần phải có bước chuyển mạnh mẽ cả nhận thức và hoạt động thực tiễn của các cấp, các ngành, cả trong và ngoài quân đội về nhiệm vụ : Tạo nguồn, đăng ký quản lý, huấn luyện và động viên quân dự bị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng LLDBĐV với xây dựng các khung thường trực của quân đội, bảo đảm cân đối đồng bộ và kịp thời theo yêu cầu động viên thời chiến : số lượng lớn, thời gian nhanh, chất lượng cao, bí mật an toàn.

c) *Xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, lấy chất lượng là chính*

Dân quân tự vệ là LLVT quần chúng, không thoát li sản xuất, là một bộ phận của LLVTND của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quản lý điều hành của Chính phủ và của uỷ ban nhân dân, sự chỉ huy trực tiếp của cơ quan quân sự các cấp. Là một lực lượng chiến lược, dân quân tự vệ (DQTV) phải được tổ chức rộng khắp ở các cơ sở xã (phường).

Xây dựng DQTV phải chú trọng cả số lượng và chất lượng ; nhưng lấy chất lượng là chính, trước hết là chất lượng chính trị. Coi trọng xây dựng ở các vùng trọng điểm ; tổ chức biên chế phải phù hợp ; huấn luyện phải thiết thực hiệu quả ; có kế hoạch để quy hoạch, đào tạo cán bộ DQTV và phải thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước đối với DQTV.

2. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

a) *Chấn chỉnh tổ chức biên chế LLVTND*

Tổ chức LLVTND là một khoa học, một điều kiện cơ bản để nâng cao sức mạnh chiến đấu của LLVT. Trên cơ sở quan điểm "động viên, tổ chức toàn dân đánh giặc, lấy LLVTND làm nòng cốt : tổ chức LLVTND các thứ quân phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu thời bình và sẵn sàng đối phó có hiệu quả với các tình huống khi chiến tranh xảy ra.

– *Bộ đội chủ lực* : Là lực lượng cơ động trên phạm vi cả nước và từng hướng chiến lược. Tổ chức lực lượng chủ lực phải gọn, mạnh, cơ động, có sức chiến đấu cao, bố trí phải gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong cả nước cũng như từng vùng chiến lược.

– *Bộ đội địa phương* : Là lực lượng cơ động của từng địa phương, phải căn cứ vào vị trí, yêu cầu của từng địa phương trong thế trận chung của cả nước để tổ chức cho phù hợp trong thời bình và thời chiến.

– *Bộ đội biên phòng* : Là một thành phần của quân đội nhân dân, là một bộ phận của khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), là lực lượng nòng cốt chuyên trách quản lí, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, vùng biển, đảo theo nhiệm vụ quyền hạn được giao. Cần phải có số lượng phù hợp, chất lượng cao, tổ chức hợp lí.

– *Dân quân tự vệ* : Được tổ chức trên cơ sở lực lượng chính trị ở từng đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất và dân cư ở cơ sở, có số lượng phù hợp, chất lượng cao.

b) *Nâng cao chất lượng huấn luyện – giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam*

Chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của LLVT là kết quả của nhiều yếu tố. Trong đó, phải đặc

biệt coi trọng nâng cao chất lượng huấn luyện – giáo dục, thường xuyên coi đó là việc làm cơ bản, bảo đảm cho LLVT giác ngộ chính trị, có bản lĩnh chiến đấu cao và trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trong mọi hoàn cảnh.

Yêu cầu huấn luyện giáo dục phải đúng hướng, đáp ứng nhiệm vụ, sát thực tế, đối tượng tác chiến, phù hợp với khả năng trang bị, địa hình thời tiết và cách đánh của ta. Huấn luyện giỏi tác chiến bằng vũ khí trong biên chế, cũng như khi được tăng cường binh khí kỹ thuật, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng. Đặc biệt cần có sự chuyển hướng về nội dung huấn luyện "phòng tránh đánh trả trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao". Thực hiện đúng phương châm "cơ bản, toàn diện, thiết thực, vững chắc". Coi trọng huấn luyện cán bộ, coi trọng những kinh nghiệm huấn luyện và phát triển cho phù hợp với điều kiện mới. Huấn luyện phải toàn diện, kết hợp huấn luyện giáo dục tại chức, tại trường và tự học tập.

Cùng với huấn luyện – giáo dục, phải đẩy mạnh nghiên cứu xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam, trên cơ sở xây dựng và phát triển khoa học công nghệ của đất nước, gắn hoạt động khoa học quân sự với các ngành khoa học khác. Cần tập trung nghiên cứu giải quyết đúng đắn sáng tạo, những vấn đề mới nảy sinh trong xây dựng LLVTND, củng cố quốc phòng trong thời bình và đề phòng chiến tranh.

c) Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của LLVTND

Chủ trương của ta là kết hợp chặt chẽ tiến trình và bước đi của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để xây dựng nền QPTD và LLVTND vững mạnh. Thực hiện Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị, phải đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, nhằm xây dựng một nền công nghiệp quốc phòng có tiềm lực ngày càng cao, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, bảo đảm duy trì được

một số vũ khí trang bị hiện có, cải tiến sản xuất được các vũ khí và vật tư cần thiết, từng bước giải quyết yêu cầu cấp bách về vũ khí trang bị kĩ thuật của LLVT và quân đội nhân dân theo hướng từng bước hiện đại.

Trước mắt, phấn đấu duy trì tốt vũ khí trang bị hiện có trong biên chế và dự trữ. Tập trung bảo đảm trang bị cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, ưu tiên các quân chủng, binh chủng kĩ thuật và bộ đội biên phòng.

d) Xây dựng đội ngũ cán bộ LLVTND có phẩm chất năng lực tốt

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "cán bộ là cái gốc của mọi công việc"⁽¹⁾. Khi Đảng đã có đường lối, chủ trương đúng đắn, thì vai trò của cán bộ có ý nghĩa hết sức to lớn, quyết định việc biến đường lối, chính sách của Đảng thành hành động thực tiễn, thành thắng lợi trong thực hiện.

Một trong những thành công của Đảng là đã xây dựng được đội ngũ cán bộ vững mạnh, trong đó có đội ngũ cán bộ trong LLVTND, nhờ vậy mà LLVTND đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao cho. Sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng LLVTND đã và đang đặt ra những nhiệm vụ và yêu cầu mới cao hơn. Vì vậy, trên cơ sở quán triệt các quan điểm của Đảng và Nhà nước, phải xây dựng đội ngũ cán bộ trong LLVTND có số lượng đủ, chất lượng cao, có cơ cấu tổ chức hợp lí, có độ tuổi và sức khoẻ phù hợp, vừa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt, vừa bảo đảm tính kế thừa. Trong đó, phải hết sức quan tâm đến chất lượng cán bộ "chất lượng của người cán bộ là sự thống nhất giữa phẩm chất chính trị và năng lực công tác thể hiện ở kết quả hoàn thành nhiệm vụ".

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB ST, H. 1994, Tr. 487.

e) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với LLVTND

Chính sách đối với LLVTND là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ chính sách của Đảng và Nhà nước, có vai trò to lớn trong việc phát huy tính tích cực, tự giác, động viên tình cảm, ý chí của cán bộ chiến sĩ trong LLVT cùng gia đình, hậu phương cũng như toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chính sách phải trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, kết hợp giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Vì vậy, cùng với việc động viên chính trị tinh thần, phải coi trọng cả đãi ngộ vật chất.

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chế độ đối với LLVTND. Song, do sự phát triển của tình hình, nên cần phải thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. Trong chính sách, phải thể hiện được hoạt động của LLVTND là một ngành "lao động đặc biệt làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc". Cần làm cho toàn xã hội nhận rõ trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách đối với LLVT. Trước mắt, thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách chế độ mà Đảng, Nhà nước đã ban hành đối với LLVTND.

KẾT LUẬN

Xây dựng LLVTND là một nội dung cơ bản trong đường lối quốc phòng, đường lối quân sự của Đảng. Trong tình hình quốc tế, khu vực đang diễn biến phức tạp..., sự nghiệp xây dựng LLVTND đã và đang đặt ra những yêu cầu mới cao hơn.

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm nguyên tắc và phương hướng xây dựng LLVTND, cần tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các LLVT, trước hết là quân đội nhân dân. Bảo đảm cho các LLVTND chấp hành tốt các nhiệm vụ được giao, luôn luôn xứng đáng là lực lượng chính trị,

lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Xây dựng LLVTND là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị.

Sinh viên phải tích cực học tập, đi đôi với rèn luyện, góp phần tham gia xây dựng LLVTND.

*
* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Lên lớp lý thuyết, trao đổi, thảo luận (xêmina) ở tổ, lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Những quan điểm và nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND.
- Phương hướng và biện pháp xây dựng LLVTND.

2. Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB CTQG, H. 2001, Tr. 118.
- Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB ST, H.1984, Tr. 487.

Bài 5

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên nhận rõ được âm mưu, thủ đoạn chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta, thấy được ảnh hưởng tác hại và tính chất phức tạp, quyết liệt của cuộc đấu tranh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Từ đó luôn nâng cao cảnh giác cách mạng, xác định trách nhiệm cùng toàn dân làm thất bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chúng.

– Yêu cầu nắm và hiểu được những âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ địch, đề cao cảnh giác, tích cực chủ động tham gia phong trào bảo vệ trị an, góp phần làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn đó, giữ vững ổn định mọi mặt của nhà trường và nơi mình sinh sống.

B – NỘI DUNG

I – CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Những hiểu biết chung về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ

a) Khái niệm "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ

- "Diễn biến hoà bình" (DBHB) là chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, đứng đầu là Mĩ nhằm lật đổ chế độ chính trị - xã hội của các nước tiến bộ, trước hết là các nước XHCN từ bên trong, chủ yếu bằng các biện pháp phi quân sự" ⁽¹⁾.

Như vậy nội dung chính của DBHB là :

+ Sử dụng mọi thủ đoạn phi quân sự, kết hợp với răn đe quân sự để ngấm phá từ bên trong, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền.

+ Kích động các mâu thuẫn tôn giáo, dân tộc, sắc tộc.

+ Triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, sai sót của Nhà nước hiện hành, tạo nên sức ép ngày càng lớn buộc lãnh đạo nhà nước phải từng bước chuyển hoá, thay đổi đường lối chính trị, nhường quyền lãnh đạo cho lực lượng đối lập.

Tác động của chiến lược DBHB là một trong những nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ của nhà nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô.

- **Bạo loạn lật đổ (BLLĐ) :**

"Bạo loạn, là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức của lực lượng phản động, gây rối loạn trật tự an ninh xã hội, nhằm lật đổ chính quyền tiến bộ (cách mạng) thiết lập chính quyền phản động ở địa phương hoặc trung ương. BLLĐ là một thủ đoạn của CNDQ và các thế lực phản động trong chiến lược DBHB để xoá bỏ CNXH ở Việt Nam"⁽²⁾.

(1) Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự Bộ Quốc phòng. Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, H. 1996, Tr. 229- 230.

(2) Sách đã dẫn, Tr. 33.

935.855
18001
8.508.556

Một số đặc trưng chủ yếu của BLLĐ :

+ BLLĐ là hoạt động bằng bạo lực có tổ chức của chủ nghĩa đế quốc và lực lượng phản động để chống phá các nước tiến bộ trước hết là các nước XHCN.

+ Mục đích của BLLĐ nhằm lật đổ chính quyền tiến bộ thiết lập chính quyền phản động ở địa phương hoặc trung ương.

DBHB là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ cho BLLĐ. Cả DBHB và BLLĐ đều cùng bản chất phản cách mạng trong âm mưu chống phá các nước tiến bộ, trước hết là các nước XHCN.

Ngoài hai khái niệm trên, cần lưu ý đến hành động gây rối. Đó là hành động quá khích của một số người làm mất ổn định trật tự, an toàn xã hội ở một khu vực (thường là hẹp) trong một thời gian nhất định (thường là ngắn).

Đối với gây rối cần chú ý :

+ Gây rối thường diễn ra tự phát hoặc do các phần tử chống đối trong xã hội kích động, đôi khi lôi kéo được một bộ phận quần chúng tham gia (quần chúng quá khích, hiếu kì...).

+ Gây rối có thể bị địch lợi dụng như cuộc tập dượt hoặc bước mở màn cho bạo loạn.

b) Quá trình hình thành phát triển chiến lược DBHB

DBHB lúc đầu chủ nghĩa đế quốc sử dụng như là một phương thức, thủ đoạn luôn gắn với chiến lược quân sự, hỗ trợ cho chiến lược quân sự, dần dần phát triển thành một chiến lược hoàn chỉnh trong chiến lược phản cách mạng toàn cầu của chúng. Quá trình đó được diễn ra sơ lược như sau :

– Những năm của thập kỉ 40 – 50 (Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc (1945).

Ngày 22 tháng 12 năm 1946 người đại diện của Mĩ ở Liên Xô, đã trình lên Chính phủ Mĩ kế hoạch chống Liên Xô toàn diện : bao vây quân sự ; phong toả kinh tế ; lật đổ chính trị ; có thể dùng vũ lực can thiệp. Cũng thời gian này, giám đốc CIA (cơ quan tình báo Mĩ) tuyên bố : Mục tiêu là phải gieo rắc ở Liên Xô sự hỗn loạn và phải bắt đầu bằng chiến tranh tâm lí, thay giá trị của họ bằng đồ rỗng và tìm mọi cách ủng hộ và nâng đỡ đám gọi là "nghệ sĩ" để họ truyền bá bạo lực, đồi trụy, chủ nghĩa vô liêm sỉ, phản bội. Tóm lại, mọi thứ vô đạo đức. Từ đó chiến tranh tâm lí chống Liên Xô được nâng lên hàng quốc sách ở Mĩ, gọi là chiến tranh tâm lí tổng lực. Trong hai năm 1949 – 1950 Mĩ đã chi 50 triệu đô la cho hoạt động chiến tranh tâm lí, năm 1949 Mĩ lập Ủy ban Châu Âu tự do có đài phát thanh riêng (đài phát thanh "Châu Âu tự do").

Như vậy đến thập kỉ 50, ý tưởng DBHB đã được bổ sung cho chiến lược tiến công quân sự.

– Những năm 60 Tổng thống John F. Kennedy (J. Kennodi) đưa ra chiến lược hoà bình, với chính sách "mũi tên và cánh ô lưu". Từ đây DBHB bước đầu trở thành chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và luôn đi bên cạnh sức mạnh quân sự.

– Những năm 70, Tổng thống Richard Nixon (R. Nich-xon) triệt để sử dụng chính sách ngoại giao "cây gậy và củ cà rốt". Với chính sách này, Mĩ vừa đe dọa bằng sức mạnh quân sự, vừa mua chuộc bằng lợi ích kinh tế nhằm khuất phục các nước, nhất là các nước chậm phát triển. Trên thực tế, một mặt tiếp xúc hoà hoãn với các nước XHCN : Tiến hành thăm thấu tư tưởng và văn hoá, gieo rắc hạt giống phá hoại từ bên trong ; thực hiện đối thoại thay cho đối đầu đối với Liên Xô và các nước XHCN. Đàm phán trên thế mạnh là một phương sách của R.Nixon để thực hiện DBHB trong giai đoạn này.

– Những năm 80, lúc này các nước XHCN thực hiện cải tổ, cải cách, đổi mới, đây là một chủ trương đúng đắn nhằm làm cho XHCN

phát triển. Nhưng quá trình thực hiện, có một số sai lầm, kẻ địch lợi dụng và chúng dùng DBHB ráo riết tiến công nhằm làm các nước XHCN sụp đổ.

Năm 1988, R. Nixon xuất bản cuốn sách "1999 chiến thắng không cần chiến tranh". Đó là cơ sở làm mốc cho sự hoàn chỉnh chiến lược DBHB về lí luận. Năm 1989, Tổng thống George Bush (G. Bu-sơ) đi thăm một số nước XHCN Đông Âu : Ba Lan, Hunggari, đã phát hiện ra những mâu thuẫn trong nội bộ Đảng Cộng sản và những sai lầm của Đảng trong xây dựng CNXH. G. Bush đã xúc tiến nhanh chóng học thuyết "Vượt trên ngăn chặn". Và vào cuối những năm 80 đầu những năm 90, DBHB được chủ nghĩa đế quốc thực hiện ráo riết, nó trở thành một chiến lược tiến công mạnh mẽ vào các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô, làm cho các nước này nhanh chóng bị sụp đổ.

Tóm lại DBHB có một quá trình hình thành phát triển khá rõ nét. Quá trình đó theo một trình tự, lúc đầu là một phương thức, một thủ đoạn dần phát triển thành một chiến lược hoàn chỉnh nằm trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ. Chiến lược đó luôn gắn với chiến lược quân sự của Mĩ.

2. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thực hiện "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 1994, Mĩ tuyên bố bỏ cấm vận kinh tế với Việt Nam. Ngày 11 tháng 7 năm 1995, Mĩ tuyên bố bình thường hoá quan hệ Việt - Mĩ. Ngay đêm 11 tháng 7 năm 1995 Tổng thống Mĩ - Bil Clinton (B. Clin-ton) tuyên bố : "Việc bình thường hoá quan hệ của chúng ta với Việt Nam không phải là kết thúc nỗ lực của chúng ta. Chúng ta sẽ tiếp tục phấn đấu cho đến khi chúng ta có được những câu trả lời mà chúng ta có thể có".

"Chúng ta bắt đầu thảo luận các vấn đề nhân quyền với Việt Nam, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tự do tín ngưỡng".

"Tôi tin tưởng rằng việc bình thường hoá và tăng cường các cuộc tiếp xúc giữa người Mĩ và người Việt Nam sẽ thúc đẩy sự nghiệp tự do ở Việt Nam như đã từng diễn ra ở Đông Âu và Liên Xô trước đây" ⁽¹⁾.

Như vậy, âm mưu xuyên suốt của Mĩ đối với Việt Nam là, xoá bỏ CNXH ở Việt Nam càng nhanh càng tốt. Vì sao Mĩ và các thế lực thù địch lại luôn theo đuổi âm mưu đó. Các chiến lược gia phương Tây phân tích và cho rằng :

– Việt Nam là ngọn cờ đấu tranh cho độc lập dân tộc và đang kiên quyết nhất trong việc chống phá chủ nghĩa đế quốc.

– Nếu xoá bỏ được CNXH ở Việt Nam, sẽ có thêm nhiều thuận lợi để xoá bỏ CNXH ở các nước còn lại và uy hiếp độc lập dân tộc của các nước khác.

– Có xoá bỏ được CNXH ở Việt Nam, Mỹ mới xoá được "Hội chúng Việt Nam" trên đất Mỹ.

Cùng với các lí do để xoá bỏ CNXH ở Việt Nam, các chiến lược gia của Mĩ cũng thấy được các trở ngại khi thực hiện âm mưu trên :

– Việt Nam có một Đảng Cộng sản giàu truyền thống, có đội ngũ
kế cận vững vàng.

– Đảng Công sản Việt Nam nắm rất chắc ngọn cờ dân tộc.

– CNXH ở Việt Nam không những không sụp đổ như Đông Âu và Liên Xô mà còn tiến lên ; lòng tin của nhân dân Việt Nam vào Đảng Công sản và CNXH ngày càng được củng cố.

Tình hình thực tế hiện nay chúng thực hiện DBHB, BLLĐ chống phá cách mạng Việt Nam như thế nào ?

(1) Báo Quân đội nhân dân, số 12267, thứ năm ngày 13 tháng 7 năm 1995, Tr. 2.

a) Mục tiêu

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch của CNXH, luôn coi Việt Nam là một trọng điểm chống phá. Mục tiêu là xoá bỏ chế độ XHCN Việt Nam, lôi kéo Việt Nam vào quỹ đạo của chúng. Mục tiêu đó không hề thay đổi.

b) Phương châm chỉ đạo

Mềm, ngầm, sâu : DBHB là chính kết hợp răn đe quân sự có lựa chọn và khi có thời cơ, xây dựng lực lượng phản động người Việt Nam ở trong và ngoài nước Việt Nam là chính : (ngụy quân, ngụy quyền cũ không cải tạo, lực lượng phản động trong dân tộc, tôn giáo, trí thức, văn nghệ sĩ, các phần tử thoái hoá biến chất, bất mãn trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và trong nhân dân ta) ; phá hoại càng cao, càng sâu càng tốt, phá có trọng điểm, chui sâu leo cao vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, LLVT, phá hoại kinh tế là trọng tâm.

c) Thủ đoạn hoạt động chủ yếu

Từ DBHB, BLLD để tạo ra quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" từ trong nội bộ chúng ta : Đảng, Nhà nước, LLVT và nhân dân. Thủ đoạn đó diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vào mọi đối tượng trong đó tập trung trên một số lĩnh vực chủ yếu sau :

– Chống phá về chính trị tư tưởng

Trọng tâm là xoá bỏ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng làm tiêu tan nền tảng tư tưởng trong các tổ chức Đảng, tổ chức xã hội và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ. Bằng cách ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, hạ thấp hòng vô hiệu hoá chủ nghĩa Mác – Lê-Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội, như việc chúng đòi xoá Điều 4 trong Hiến pháp của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam...

Phá vỡ hệ thống nguyên tắc tổ chức trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, đoàn thể và của toàn xã hội), làm mất hiệu lực của nguyên tắc tập trung dân chủ, là nguyên tắc tổ chức cao nhất của Đảng, Nhà nước ta.

Phá vỡ khối đại đoàn kết của toàn dân, của các tổ chức chính trị-xã hội. Bằng cách xuyên tạc, chia rẽ làm cho nội bộ ta không tin nhau, nghi ngờ lẫn nhau, gây rối loạn nội bộ. Nhằm dễ cài cắm những quan điểm mơ hồ, những phần tử cơ hội, thậm chí phần tử phản động, thực hiện kế hoạch "kén làm tổ", "chui sâu, leo cao" để ngầm phá ta từ bên trong lâu dài.

- Hoạt động phá hoại kinh tế

Hoạt động phá hoại kinh tế, với ý đồ làm cho Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, luôn ở trạng thái đói nghèo, buộc phải suy sụp hoặc phải khuất phục, chuyển hoá chế độ chính trị.

Mục tiêu chính phá hoại kinh tế là, lấy việc chống phá từ bên trong kết hợp với điều kiện bên ngoài để tạo ra áp lực đối với nền kinh tế nước ta, thông qua kinh tế để buộc ta chấp nhận các điều kiện chính trị.

Hiện nay chúng tập trung phá vỡ quan hệ sản xuất XHCN của ta bằng nhiều thủ đoạn rất xảo quyệt, như việc lợi dụng quan hệ hợp tác, đầu tư, liên doanh, liên kết (nhất là qua các khâu : vốn, chuyên gia, kĩ thuật), tìm cách phủ định định hướng CNXH trong nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện : vừa khuyến khích, ca ngợi kinh tế thị trường TBCN, vừa tư nhân hoá dần dần làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Chúng cho việc làm đó là để xoá tận gốc kiểu quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất ở Việt Nam.

- Lợi dụng các vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá ta

Vấn đề tôn giáo, dân tộc hiện nay luôn là mục tiêu kẻ thù hết sức chú trọng lợi dụng để chống phá.

+ Về vấn đề dân tộc : Kẻ thù triệt để khai thác các mâu thuẫn giữa các dân tộc do nhiều nguyên nhân gây ra, để chia rẽ khối đoàn kết, tạo dựng những mâu thuẫn mới, kích động tư tưởng hẹp hòi dân tộc, đòi quyền tự quyết dân tộc chủ nghĩa, như việc xuyên tạc, kích động, mua chuộc, xúi dục một số dân tộc thiểu số đấu tranh với Đảng, Nhà nước ta để đòi cái gọi là "độc lập quốc gia tự trị".

Chúng tận dụng tối đa mọi cơ hội để kích động làm bùng nổ các cuộc đời "dân chủ", tôn trọng "quyền" của các dân tộc, nhằm gây rối loạn tình hình an ninh xã hội.

Đặc biệt chúng chú trọng yếu tố tâm lí và sự dồn nén khó khăn về đời sống tinh thần, vật chất (nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây) để tạo dựng xu hướng bất bình với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

+ Vấn đề tôn giáo : Chúng triệt để lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của Nhà nước ta, để truyền bá mê tín dị đoan và tư tưởng phản động chống CNXH.

Tích cực hoạt động, nhằm phối hợp lực lượng phản động trong nước với lực lượng tôn giáo chống Cộng quốc tế, đẩy mạnh hoạt động phá hoại để tạo ra thực lực trở thành lực lượng đối trọng với Nhà nước ta. Như việc lợi dụng những phần tử phản động đội lốt tôn giáo để hoạt động gây kích động, phá hoại, xúi giục giáo dân đòi đất xây nhà thờ, chùa chiền... để tập hợp, lôi kéo tuyên truyền kích động nhân dân, từng bước vô hiệu hoá sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước đối với nhân dân vùng có đạo, tiến tới nhen nhóm, cài cắm lực lượng và xây dựng tổ chức phản động chống Đảng và chế độ ta.

Phương hướng hoạt động chủ yếu của chúng là đấu tranh ôn hoà đòi tự do tôn giáo, dẫn đến đấu tranh đòi tự do dân chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, đến đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, cuối cùng kết hợp với sự chỉ đạo, giúp đỡ, viện trợ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài sẽ giành thắng lợi qua bầu cử.

75.03.01
Đ. K. -
Đ. K. -

- Xâm nhập về văn hoá

Hoạt động tập trung nhất của chúng là, tiến công vào nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Bằng cách, làm phai mờ những giá trị văn hoá truyền thống cách mạng của chúng ta, kết hợp với việc gieo rắc văn hoá phản động, suy đồi nhằm chuyển đổi văn hoá Việt Nam thành "thuộc địa văn hoá" của chủ nghĩa đế quốc. Như việc, thông qua nhiều "kênh", nhiều thủ đoạn, chúng ra sức tuyên truyền, cổ vũ cho văn hoá, lối sống phương Tây – thực dụng, trụy lạc, tôn thờ đồng tiền là trên hết, sống ích kỉ, phi đạo đức. Tất cả việc làm đó còn nhằm tạo ra và bổ sung cho đội quân xung kích DBHB, BLLD của chúng.

- Vô hiệu hoá LLVT

Vô hiệu hoá LLVTND, chủ yếu là quân đội nhân dân và công an nhân dân, đây là lực lượng tập trung nhất bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Hoạt động chủ yếu của chúng nhằm phá vỡ hệ tư tưởng, tổ chức của quân đội và công an. Làm cho lực lượng này xa rời mục tiêu chiến đấu, rệu rã tổ chức, xói mòn về đạo đức, phẩm chất, lối sống... để dẫn tới giảm lòng tin vào Đảng, vào chế độ, mất phương hướng và thay đổi bản chất cách mạng của mình.

Tìm mọi cách xuyên tạc, bôi nhọ bản chất truyền thống tốt đẹp của quân đội – công an, chia rẽ nội bộ, chia rẽ tình đoàn kết máu thịt quân đội và nhân dân, quân đội và Đảng...

Trong tình hình hiện nay, chúng đặc biệt chú ý đến trạng thái tâm lí để tuyên truyền, xuyên tạc vị trí, chức năng, nhiệm vụ của quân đội nhân dân. Đặt lợi ích kinh tế đối lập với lợi ích quốc phòng. Đối lập giữa hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhằm phủ định vai trò của quốc phòng trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Toàn bộ những hoạt động của chúng nhằm phủ định sự lãnh đạo của Đảng ta đối với quân đội và công an "trung lập hoá quân đội và làm phai mờ biến đổi bản chất truyền thống cách mạng của quân đội – công an", "phi chính trị hoá" quân đội – công an. Cuối cùng còn quân đội Việt Nam nhưng do chủ nghĩa đế quốc sai khiến.

– Kích động, phối hợp hành động của lực lượng phản động trong nước và phản động ngoài nước

Kẻ thù rất coi trọng lực lượng phản động trong nước, nhằm tạo dựng lực lượng trực tiếp chống phá ta từ bên trong.

Chúng sử dụng các lực lượng trong nước để làm cầu nối giữa các tổ chức phản động trong nước và tổ chức phản động ngoài nước, vừa phối hợp hoạt động, vừa tập trung lực lượng. Chúng sử dụng các thủ đoạn xảo quyệt, tinh vi trong hoạt động để giành những mục tiêu cụ thể. Trong đó khoét sâu vào các vấn đề kinh tế, dân chủ, nhân quyền, công bằng xã hội, phục hồi tư tưởng chống Cộng, gây chiến tranh tâm lý làm hoang mang dao động ở một số người, tạo nên tình hình xã hội luôn căng thẳng, nhằm gây BLLĐ từ nhỏ đến lớn. Như việc hoạt động của bọn phản động người Việt sống ở nước ngoài thời kì chúng gọi là "hậu bình thường hoá" quan hệ Việt – Mĩ, với hai trọng điểm chiến lược chống ta : "Giữ vững chiến tuyến chống Cộng tại hải ngoại – tấn công mãnh liệt vào Việt cộng tại quốc nội", bằng những chính sách rất nham hiểm, xảo trá như : Chính sách "ngoại vận", nhằm mở các đợt hoạt động tuyên truyền sâu, rộng lên án Việt Nam vi phạm nhân quyền, tự do dân chủ, đàn áp tôn giáo. Thực hiện chính sách đó, chúng đi vào từng đối tượng để "vận động" và có những mục tiêu cụ thể. Đối với tín đồ, đòi tự do tôn giáo, hành đạo, huỷ bỏ "hệ thống tôn giáo quốc doanh". Đối với dân, đòi dân chủ, dân sinh. Đối với văn nghệ sĩ, trí thức, đòi tự do ngôn luận, hội họp. Chúng tìm cách sử dụng mọi phương tiện truyền thông nhằm "đánh vào trái tim khối óc cộng sản, huy động tận tâm thức sâu thẳm của đồng bào trong nước",

hoặc chính sách "tổ chức, liên kết trong ngoài" để liên kết các hội đoàn phản động ngoài nước, bí mật thành lập tổ chức phản động trong nước và liên kết hai lực lượng đó lại...

Tóm lại, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động dùng nhiều thủ đoạn, trên tất cả các lĩnh vực để chống ta. Chúng hết sức chú ý đẩy mạnh, mở rộng quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" từ trong nội bộ ta. Đồng thời với việc gây tình huống, tạo cơ để nhân danh các tổ chức quốc tế nhảy vào can thiệp vào công việc nội bộ của ta, kể cả can thiệp bằng quân sự. Chính vì vậy cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống chiến lược DBHB, BLLĐ càng trở nên phức tạp, lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và chúng ta nhất định sẽ giành thắng lợi.

II - NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU GÓP PHẦN LÀM THẤT BẠI CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VÀ CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Luôn nắm vững mục tiêu, quan điểm, phương châm, nhiệm vụ

a) Mục tiêu

- Giữ vững ổn định chính trị trên cơ sở độc lập dân tộc và CNXH.

Ngăn chặn và làm thất bại các thủ đoạn DBHB, BLLĐ của các thế lực thù địch.

- Nếu có bạo loạn phải dập tắt nhanh, không để lan rộng, kéo dài để kẻ thù tạo cơ can thiệp vũ trang.

b) Nhiệm vụ

- Chủ động tiến công địch trên mọi lĩnh vực.

– Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phòng chống DBHB, BLLĐ trên cơ sở đó ngăn chặn, đẩy lùi, đập tan mọi ý đồ răn đe, can thiệp vũ trang hoặc gây chiến tranh xâm lược.

– Bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

c) Quan điểm chỉ đạo

– Xác định chống DBHB, BLLĐ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc và chế độ XHCN hiện nay cả trước mắt và lâu dài.

– Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chống DBHB, BLLĐ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và ứng phó với các tình huống.

– Chống DBHB, BLLĐ là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, sự quản lí điều hành tập trung thống nhất của Nhà nước.

d) Phương châm

– Kết hợp chặt chẽ giữ bên trong và chủ động ngăn ngừa. Giữ bên trong là giữ vững sự ổn định chính trị, mục tiêu con đường đi lên CNXH mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã chọn, giữ vững khối đoàn kết dân tộc ; giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Ngăn ngừa mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù ; ngăn ngừa mọi sự yếu kém, sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp lãnh đạo, điều hành nhà nước.

Giữ vững bên trong và chủ động ngăn ngừa là hai mặt quan hệ chặt chẽ với nhau, giữ vững bên trong là điều kiện cơ bản để chủ động ngăn ngừa. Chủ động ngăn ngừa là phản ánh kết quả của giữ vững bên trong và tạo điều kiện để giữ vững bên trong.

– Phát huy sức mạnh tổng hợp, đấu tranh toàn diện gắn với xây dựng thực lực cách mạng, kết hợp xây và chống, lấy xây là cơ sở quyết định để chống.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đấu tranh toàn diện, chính trị, kinh tế, quân sự... kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh đó, lấy đấu tranh chính trị làm chính. Đấu tranh chính trị chính là cuộc đấu tranh giành giật quần chúng, giành giật niềm tin giữa ta và địch. Phát huy sức mạnh tổng hợp là để đấu tranh toàn diện, đấu tranh toàn diện nhằm khai thác, phát huy được đầy đủ vai trò, vị trí, chức năng của từng yếu tố cấu thành sức mạnh tổng hợp để đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

– Chủ động trấn áp, giải quyết hậu quả với các hành vi bạo loạn. Giải quyết gây rối không để phát triển thành bạo loạn.

Phương châm này chỉ đạo việc xử lý tình huống có BLLĐ và vận dụng vào xử lý vụ việc gây rối. Cần chú ý :

+ Phải xử lý kiên quyết, chủ động trấn áp đúng lúc, đúng thời cơ, đúng đối tượng, trúng những tên đầu sỏ.

+ Thời gian càng nhanh càng tốt, không gian càng hẹp càng tốt.

2. Tăng cường xây dựng và củng cố trận địa chính trị tư tưởng, văn hoá, giữ vững ổn định chính trị và an ninh xã hội

Đấu tranh chống địch phá hoại về tư tưởng, văn hoá giữ ổn định chính trị là mặt trận nóng bỏng đặt lên hàng đầu hiện nay, phải được kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực khác.

Nội dung của cuộc đấu tranh, cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản :

+ Không ngừng bồi dưỡng trí tuệ, lập trường quan điểm và phẩm chất đạo đức cho mọi người. Giữ vững niềm tin, kiên trì mục tiêu xây dựng CNXH đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước đến thắng lợi.

+ Nghiên cứu nắm vững, hiểu biết đủ, đúng về chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở đó quán triệt sâu sắc và góp

phần tổ chức thực hiện tốt đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước trong thực tiễn.

+ Xây dựng lối sống văn hoá; văn minh lành mạnh trật tự kỉ cương phù hợp với tình hình thực tế của đất nước. Bồi dưỡng lối sống mới XHCN, kết hợp với phê phán lối sống thực dụng, tự do, ích kỉ, buông thả. Kiên quyết đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc và lợi dụng các khía cạnh đời sống xã hội của kẻ thù, kết hợp với việc lên án, ngăn ngừa các tổ chức và hành vi hoạt động văn hoá với mục đích xấu. Luôn giữ vững trạng thái tâm lí tinh thần, ổn định tư tưởng của xã hội.

3. Nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu luận điệu xuyên tạc của địch trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động khác

Hiện nay thông tin đến với con người và các hoạt động khác bằng nhiều nguồn, nhiều phương tiện. Thông tin trở thành nhu cầu của đời sống xã hội, hằng ngày chúng ta tiếp xúc với nguồn thông tin chính thống có định hướng của Đảng, Nhà nước ta. Đồng thời chúng ta cũng chịu ảnh hưởng các nguồn thông tin khác của địch nhằm chống ta, trong đó có đài Châu Á tự do. Chống lại các nguồn thông tin của địch, cần tập trung làm tốt một số việc :

– Luôn nâng cao kiến thức về mọi mặt để giữ vững bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét tiếp cận thông tin một cách đúng đắn khoa học.

– Nâng cao cảnh giác, đấu tranh với những nhận thức không đúng, ngộ nhận, mơ hồ trước các nguồn thông tin ngược chiều với quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.

– Bản thân mỗi người có ý thức tự giác, kỉ luật trong quá trình tiếp xúc thông tin. Chấp hành tốt các quy định về quyền thông tin, phạm

vi thông tin, tham gia tích cực đấu tranh chống phao tin, đồn nhảm, lưu truyền thông tin xấu, thất thiệt.

4. Trách nhiệm của sinh viên trong cuộc đấu tranh chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ

Sinh viên, với trách nhiệm đầy đủ và khả năng trình độ nhận thức của mình, tích cực tham gia vào các hoạt động thiết thực ở nhà trường, từng địa phương để góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn DBHB, BLLĐ của kẻ địch. Trước hết mỗi người luôn nâng cao cảnh giác, tự bảo vệ mình, bảo vệ những tổ chức mà mình tham gia sinh hoạt. Luôn chủ động giải quyết tốt mối quan hệ giữa cá nhân, nhà trường và xã hội.

KẾT LUẬN

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch của CNXH đã và đang thực hiện âm mưu, thủ đoạn DBHB, BLLĐ để chống phá các nước XHCN còn lại, chúng luôn coi Việt Nam là một trọng điểm.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta luôn nâng cao cảnh giác, nhận thức rõ tính chất nguy hiểm của âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù thấy được tính chất phức tạp, quyết liệt trong cuộc đấu tranh này, đoàn kết, kiên quyết đánh bại chúng, xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam.

Chúng ta xác định, chống chiến lược DBHB, BLLĐ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta là nhiệm vụ cấp bách và lâu dài của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN giai đoạn mới.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung.
- Trao đổi sinh viên với sinh viên.
- Thảo luận ở các tổ hoặc lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Thủ đoạn chủ yếu của chiến lược DBHB, BLLĐ.
- Những biện pháp chủ yếu phòng chống chiến lược DBHB, BLLĐ.

2. Tài liệu tham khảo

– Bộ Quốc phòng, Giáo trình Giáo dục quốc phòng dùng trong hệ thống các trường chính trị, hành chính và đoàn thể, Tập 1, NXB QĐND, H. 1998.

– Bộ Tham mưu, Giáo trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, Tập 2, NXB QĐND, 2000.

– Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục quốc phòng dùng trong các trường cao đẳng và đại học, Tập 1, NXB QĐND, 1992.

15.05.71
22.05.71
23.05.71

Bài 6

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên những nội dung cơ bản về nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên và nghệ thuật quân sự (NTQS) Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo, qua đó góp phần nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc của mỗi người.

– Yêu cầu quá trình học tập, phát huy trí sáng tạo, ham hiểu biết của tuổi trẻ, góp phần giữ gìn, kế thừa, phát triển kinh nghiệm, truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN ngày nay.

B – NỘI DUNG

I – NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA TỔ TIÊN

1. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc

a) Địa lí

Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á – Biển Đông. Có hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường không bảo đảm giao lưu trong khu vực Châu Á và thế giới thuận lợi. Đã từ lâu, nhiều kẻ thù luôn nhòm ngó, đe dọa và tiến công xâm lược. Để giữ được đất nước, tổ tiên ta đã biết tận dụng tối đa ưu thế "địa lợi" để lập thế trận đánh giặc. Nguyễn Trãi đã khái quát :

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thời Trần, tư tưởng tích cực chủ động tiến công càng được thể hiện rõ nét. Không chấp nhận yêu sách của giặc Nguyên, bắt giam sứ Nguyên đồng thời chuẩn bị, xây dựng quyết tâm đánh giặc của toàn dân, toàn quân mà điển hình là Hội nghị Diên Hồng. Khi địch xâm lược, đã chủ động đánh chúng từ cửa ải biên giới để phá thế hợp vây của giặc. Thực hiện linh hoạt sáng tạo các mưu kế trong tác chiến "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, nơi hiểm yếu của địch". Thực hiện kế "thanh dã" kết hợp với đánh phá sau lưng địch, buộc chúng tiến thoái lưỡng nan. Năm chắc thời cơ chuyển sang phản công kiên quyết, tiến công liên tục như ở Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp, Bạch Đằng... để giành thắng lợi hoàn toàn.

Quang Trung – Nguyễn Huệ đã đánh tan tành quân xâm lược nhà Thanh. Tư tưởng tích cực chủ động tiến công được thể hiện ở hai giai đoạn. Lúc đầu quân địch đang mạnh, quân ta đã thực hiện "chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng", đồng thời dùng mưu kế lừa địch làm cho chúng chủ quan và mắc nhiều sai lầm trong phòng bị. Sau đó Quang Trung tập trung toàn bộ lực lượng : thủy, bộ, kỵ, tượng binh... tiến công liên tục, với quyết tâm "đánh cho nó chích luân bất phản, đánh cho nó phiến giáp bất hoàn", đã tổ chức nhiều trận đánh mang tính quyết định như : Ngọc Hồi, Đống Đa... giành độc lập, thống nhất cho dân tộc.

Kế sách đánh giặc của dân tộc ta rất mềm dẻo, khôn khéo, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh của ta, phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn giữ vai trò quyết định.

Thời nhà Trần, sau đòn tiến công quân sự, đã chủ động mở cuộc tiến công ngoại giao, buộc nhà Nguyên phải công nhận "xâm phạm biên cảnh", công nhận quốc cảnh.

Lê Lợi, Nguyễn Trãi thực hiện "mưu phạt công tâm", sau khi đánh tan quân tiếp viện của Liễu Thăng đã vây chặt thành Đông Quan,

tranh thủ chiêu hàng quân đội Vương Thông, và các ông đã cấp lương thảo, phương tiện cho bốn hàng binh giặc về nước nhằm "đập tắt muôn đời chiến tranh".

Quang Trung sau khi tiêu diệt quân giặc ở Ngọc Hồi, Đống Đa đã thiết lập mối bang giao với nhà Thanh để đẩy lùi chiến tranh, xây dựng đất nước.

Tư tưởng tích cực chủ động tiến công và kế sách đánh giặc mềm dẻo, khôn khéo của dân tộc ta được quân dân qua các thời đại vận dụng rất linh hoạt, sáng tạo trở thành truyền thống dân tộc. Với truyền thống đó quân dân ta đã đánh bại nhiều kẻ thù xâm lược giữ vững độc lập, dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc.

b) Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc

Toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc là truyền thống, nét độc đáo trong NTQS của dân tộc ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh. Truyền thống đó xuất phát từ lòng yêu nước, thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất chính nghĩa, tự vệ của các cuộc kháng chiến. Truyền thống đó được các triều đại của nước Đại Việt phát triển. Thời Trần, kế sách giữ nước tốt nhất là "Chúng chí thành thành" (ý chí dân tộc mạnh hơn mọi thành lũy), cho nên phải thực hiện "khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc...". Thượng sách giữ nước theo Nguyễn Trãi là phải "phàm mưu việc lớn lấy dân làm gốc", "yêu dân như con...". Đó là nguồn gốc, cơ sở hình thành nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.

Lực lượng tham gia đánh giặc là toàn thể dân tộc. Mỗi người dân là một người lính, mọi người đều tham gia đánh giặc theo các cương vị của mình. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn quân đi đến đâu "chặt đất người theo, đầy đường rượu bày". Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thì : "Anh đi theo chúa Tây Sơn, em về cày cuốc mà thương mẹ già".

Thế trận đánh giặc của dân tộc ta là thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện "Cử quốc nghênh địch" (cả nước là một chiến trường), mỗi

thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Thế trận chiến tranh nhân dân làm cho quân địch luôn sa vào thế bị động, lúng túng, chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu.

Quân Tống, Nguyên, Minh, Thanh là lực lượng mạnh đương thời, khi kéo vào xâm lược Đại Việt, có lúc chúng chiếm được cả kinh thành. Nhưng quân giặc vấp phải thế trận chiến tranh nhân dân, ở đâu và bất cứ nơi nào, chúng cũng có nguy cơ bị tiến công ở phía trước, phía sau. Đồng thời quân dân ta đã áp dụng linh hoạt các mưu kế "tiêu thổ", "thanh dã", cất giấu lương thực, đầu độc nguồn nước, triệt hạ các điều kiện bảo đảm của kẻ thù trong chiến đấu, nhanh chóng chuyển thế giặc vào trạng thái tiến không được, thoái không xong.

Trong đánh giặc, cha ông ta đã tận dụng địa hình, xây dựng thế trận như : phòng tuyến Sông Cầu, Bạch Đằng, đồng thời vận dụng cách đánh của LLVT được tổ chức gồm nhiều thứ quân (quân triều đình, quân các lộ, phủ và dân binh làng xã) làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Sử dụng linh hoạt, rộng rãi các hình thức đánh giặc để đạt hiệu quả chiến đấu cao như : mai phục, đánh bất ngờ (tập kích), công thành, thủy chiến... Đồng thời tập trung lực lượng, tổ chức các trận quyết chiến chiến lược như : Trận Như Nguyệt, Bạch Đằng, Chi Lăng, Ngọc Hồi, Đống Đa để giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh. Điều đó được coi như một mẫu mực về nghệ thuật nghi binh, lừa địch, điều địch của tổ tiên ta trong đánh giặc.

c) Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Nước ta là một nước đất không rộng, người không đông, luôn phải chống lại những thế lực xâm lược có quân số, trang bị, vũ khí hơn mình, đó là những đế chế phong kiến to lớn thời bấy giờ, buộc ông cha ta phải lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh.

Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của "thế thắng lực", bởi vì chúng ta tiến

hành cuộc chiến tranh tự vệ chính nghĩa, do đó huy động được toàn dân tham gia với mức độ cao nhất.

Quy luật của chiến tranh là mạnh được yếu thua, nhưng quan niệm của chúng ta về sức mạnh chiến tranh là sức mạnh tổng hợp, sức mạnh có chuyển hoá phát triển, chứ không đơn thuần là sự so sánh hơn, kém về quân số, vũ khí, trang bị của mỗi bên tham chiến.

Thời nhà Lý chống quân Tống, số lượng quân khoảng 10 vạn người đã chiến thắng 30 vạn quân xâm lược Tống. Nhà Lý đã phát động được toàn dân đánh giặc, lựa chọn đúng và kết hợp chặt chẽ phương thức tiến công, phòng ngự với phản công.

Nhà Trần có khoảng 15 vạn quân thường trực đã đánh bại 60 vạn quân Nguyên Mông. Vì nhà Trần đã "lấy đoản binh, chế trường trận", trước thế địch mạnh đã rút lui để bảo toàn lực lượng, nhử địch vào sâu trong nội địa, phát động toàn dân đánh giặc, chớp thời cơ phản công giành thắng lợi.

Cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, số quân lúc cao nhất khoảng 10 vạn, nhưng đã đánh bại 80 vạn quân Minh xâm lược. Bởi vì Lê Lợi - Nguyễn Trãi đã vận dụng mưu kế "tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà" và triệt để tận dụng yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà trong đánh giặc. Vận dụng cách đánh "vây thành" "diệt viện", sức dùng một nửa mà công giành gấp đôi, hoặc "lỗ kiến soi dè vỡ sọt toang, voi uống nước, nước sông phải cạn".

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, quân ta chỉ có 10 vạn, đã quét sạch 29 vạn quân Thanh ra khỏi bờ cõi. Nguyễn Huệ đã thực hiện cách đánh rất sáng tạo, gây bất ngờ cho địch "tướng như trên trời rơi xuống, quân như dưới đất chui lên" làm cho Tôn Sĩ Nghị dù còn đủ quân tướng mà trở tay không kịp.

Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh trở thành nét đặc sắc của NTQS truyền thống Việt Nam.

d) Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện đối với toàn xã hội. Quá trình chỉ đạo chiến tranh phải biết kết hợp chặt chẽ đấu tranh giữa các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp giành thắng lợi.

Chiến tranh Việt Nam thời cổ, trung đại đã kết hợp có hiệu quả các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao để có sức mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

Mặt trận quân sự có tính quyết định trực tiếp thắng lợi của chiến tranh, là quá trình tổ chức thực hành các phương thức tác chiến, huy động lực lượng, các hình thức và thủ đoạn chiến đấu nhằm tiêu diệt nhiều sinh lực địch, tạo đà, tạo thế, làm hậu thuẫn cho các mặt trận khác.

Mặt trận chính trị là thường xuyên tuyên truyền cho tính chính nghĩa cuộc kháng chiến của ta nhằm tập hợp sức mạnh dân tộc. Mặt trận chính trị hoạt động tốt là góp phần tăng cường, củng cố nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đủ sức lãnh đạo kháng chiến. Mặt trận chính trị là cơ sở tạo ra sức mạnh quân sự để các triều đại phong kiến thời Lý, Trần, Lê, Quang Trung giành chiến thắng trong chống giặc ngoại xâm.

Mặt trận ngoại giao, sống bên một nước lớn có tư tưởng bành trướng, đó là các đế chế phong kiến phương Bắc, đòi hỏi ông cha ta phải có nghệ thuật ngoại giao. Tư tưởng xuyên suốt trong đấu tranh ngoại giao mà cha ông ta đã thực hiện thành công là : giữ vững nguyên tắc độc lập dân tộc, kết hợp với mặt trận quân sự, kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Nhà Lý cử sứ giả sang "bàn hoạ" với Quách Quỳ, Lê Lợi - Nguyễn Trãi mở "Hội thề Đông Quan". Các hành động sửa đường, cung cấp lương thảo cho hàng binh địch trở về vừa đánh vào ý chí xâm lược của chúng và chính là thể hiện giá trị nhân văn quân sự của dân tộc ta.

Mặt trận bình vạ, cha ông ta đã vạch trần tội ác, âm mưu thâm độc của kẻ thù, cô lập, phân hoá nội bộ chúng như : Nguyễn Trãi gửi thư cho tên giặc hung bạo Phương Chính, Nguyễn Huệ gửi thư "câu hoà" quân Xiêm. Những việc làm đó nhằm bình vạ, kích thích tính chủ quan kiêu ngạo của tướng giặc, tạo cơ hội cho mặt trận quân sự giành thắng lợi.

Kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, bình vạ trong chiến tranh là nét điển hình trong NTQS tổ tiên ta đánh giặc.

Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên ta bao hàm nhiều nội dung song được tập trung ở tư tưởng kế sách, chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh và sự kết hợp các mặt trận trong chiến tranh. Nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, làm giàu thêm kho tàng truyền thống quân sự Việt Nam, có thể vận dụng trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

II – NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO

NTQS là lí luận, thực tiễn chuẩn bị và thực hành chiến tranh, chủ yếu là đấu tranh vũ trang gồm chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật.

Kế thừa, phát triển nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, NTQS Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã không ngừng phát triển, gắn liền với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. NTQS gồm 3 bộ phận hợp thành : chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của NTQS thống nhất, liên hệ chặt chẽ, tác động bổ sung cho nhau, trong đó chiến lược quân sự đóng vai trò quyết định chủ đạo, chi phối nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật trở thành phương tiện thực hiện

những nhiệm vụ do chiến lược vạch ra nhưng có tác động trở lại với chiến lược quân sự.

1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam

a) Chủ nghĩa Mác – Lê-nin

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, học thuyết bảo vệ Tổ quốc, những nguyên tắc của khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh cách mạng, những kinh nghiệm lịch sử NTQS được đúc kết qua các cuộc chiến tranh do Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin tổng kết, khái quát đặt cơ sở cho Đảng ta định ra đường lối quân sự trong khởi nghĩa và chiến tranh ở Việt Nam.

b) Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu và phát huy truyền thống đánh giặc của tổ tiên, là sự vận dụng lí luận Mác – Lê-nin về quân sự và kinh nghiệm quân sự của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, trở thành hệ thống tư tưởng, quan điểm về quân sự, đặt cơ sở cho sự hình thành và phát triển NTQS Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. Bác Hồ đã từng dịch "Binh pháp Tôn Tử", tổng kết "kinh nghiệm du kích Tàu", "du kích Nga" và đề ra nguyên tắc chiến đấu trong tiến công, phòng ngự, cách đánh phục kích, tập kích... qua các thời kì đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh và Đảng ta đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, các phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

c) Truyền thống, kinh nghiệm, nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn bền bỉ liên tục đấu tranh chống ngoại xâm, đúc kết thành truyền thống, kinh

nghiệm, NTQS trong khởi nghĩa và chiến tranh. Sử liệu quý giá đó được cha ông ta lưu trữ vào những cuốn sách như : "Bình thư yếu lược", "Thổ chương phụ cơ", "Bình Ngô đại cáo"..., đó là những tài sản quân sự vô giá của NTQS Việt Nam. Những kinh nghiệm truyền thống đó là cơ sở để Đảng ta vận dụng, kế thừa, phát triển, hình thành phương châm, phương thức, cách đánh giặc trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.

2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

a) Chiến lược quân sự

Chiến lược quân sự là lí luận, thực tiễn chuẩn bị đưa đất nước, LLVT nhằm ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh, lập kế hoạch chuẩn bị và tiến hành chiến tranh. Chiến lược quân sự là bộ phận hợp thành và là bộ phận quan trọng nhất, có tác dụng chủ đạo trong NTQS. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ xâm lược, chiến lược quân sự đã thể hiện các nội dung chủ yếu sau :

– *Xác định đúng kẻ thù, xác định đúng đối tượng tác chiến*

Đây là vấn đề tối quan trọng của chiến lược quân sự. Xác định đúng kẻ thù cách mạng, đối tượng tác chiến chiến lược của quân và dân ta để từ đó có đối sách và phương thức đối phó có hiệu quả nhất. Thực dân Pháp, đế quốc Mĩ xâm lược nước ta chúng đều núp dưới chiêu bài "bảo hộ", "khai hoá văn minh", "bảo vệ thế giới tự do" để lừa bịp nhân dân và dư luận.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, nước ta xuất hiện nhiều kẻ thù : quân đội Tưởng, Anh, Ấn, Nhật và tàn quân Pháp... chúng có chung mục đích là tiêu diệt Chính phủ Hồ Chí Minh, phá hoại cách mạng Việt Nam. Trước tình hình đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm trực tiếp của cách mạng Việt Nam lúc này là thực dân Pháp, đối tượng tác chiến của quân dân ta là quân đội Pháp xâm lược.

Khi đế quốc Mĩ không chịu kí hiệp định Giơ-ne-vơ, tạo cơ áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở Việt Nam, một loại hình chiến tranh đầu mặt. Ngay từ tháng 9/1954, Đảng ta chỉ rõ "đế quốc Mĩ đang dần trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia".

– Đánh giá đúng kẻ thù

Không những chỉ rõ kẻ thù, Hồ Chủ tịch và Đảng ta còn phân tích đánh giá đúng mạnh, yếu của từng kẻ thù. Đối với thực dân Pháp, Hồ Chủ tịch ví "như mặt trời ở lúc hoàng hôn, hồng hắc lắm nhưng đã gần tắt nghỉ". Đế quốc Mĩ, đưa mấy chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam, nhưng ta vẫn ở thế tiến công, có quyết tâm đánh Mĩ và thắng Mĩ.

– Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chúng ta mở đầu phát động chiến tranh đều là những thời điểm thoả mãn hoàn cảnh lịch sử, có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau hàng loạt các hành động nhằm đẩy lùi, ngăn chặn không để chiến tranh xảy ra ; trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến Bác Hồ đã nói "chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...".

Đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, Đảng ta chọn thời điểm sau năm 1960, bằng cách chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng. Thời điểm đó, đế quốc Mĩ áp dụng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam và cách mạng miền Nam có bước phát triển trường thành. Mặt khác phát động chiến tranh thời kì này còn nhằm mục đích không cho đế quốc Mĩ tạo cơ can thiệp vào công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Về kết thúc chiến tranh, trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chọn thời điểm năm 1954, mở đầu bằng chiến dịch Điện Biên Phủ,

trong chống Mĩ chọn thời điểm năm 1975, mở đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên. Tại các thời điểm đó, thế và lực của cách mạng đều mạnh, có điều kiện đánh đòn quyết định để kết thúc chiến tranh.

– Phương châm tiến hành chiến tranh

Đảng chỉ đạo chiến lược là phải đánh lâu dài, đây là bước đi tất yếu có tính quy luật của một nước nhỏ phải chống đế quốc to. Đánh lâu dài, lấy thời gian làm lực lượng, chuyển hoá sức mạnh trong chiến tranh và tạo thế, nắm thời cơ đánh đòn quyết định. Phương châm kháng chiến lâu dài, không đồng nghĩa với việc kéo dài vô thời hạn cuộc chiến tranh, mà phải biết chọn thời điểm kết thúc càng sớm, càng tốt. Kháng chiến chống Pháp, chúng ta chủ trương "trường kì kháng chiến", sau 9 năm đã giành thắng lợi. Kháng chiến chống Mĩ, Đảng ta xác định "chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa" và năm 1975 ta đã toàn thắng.

– Phương thức tiến hành chiến tranh

Chúng ta tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân sâu rộng với tinh thần "bất kì đàn ông đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không phân biệt đẳng cấp, tôn giáo, dân tộc, hễ là người Việt Nam phải đứng lên chống thực dân Pháp, cứu Tổ quốc", "ba mươi một triệu đồng bào ở cả hai miền Nam – Bắc, ai ai cũng phấn đấu trở thành dũng sĩ diệt Mĩ".

Phương thức tiến hành chiến tranh là kết hợp chặt chẽ tiến công và nổi dậy, tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch. Tiến công địch bằng hai lực lượng (quân sự, chính trị), trên ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), cả ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) làm cho kẻ thù bị động, lúng túng trong đối phó dẫn đến đổ vỡ về chiến lược, sa lầy về chiến thuật, cuối cùng chấp nhận thất bại.

Tóm lại, chiến lược quân sự Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ đã phát triển cao, giải quyết thành công nhiều vấn đề lí luận, thực tiễn chiến tranh, thực sự trở thành bộ phận chủ

đạo của NTQS Việt Nam, góp phần quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

b) Nghệ thuật chiến dịch

Chiến dịch là tổng thể các trận chiến đấu (trong đó có những trận then chốt), có tác động liên quan đến nhau chặt chẽ, diễn ra trong một không gian, thời gian nhất định, dưới quyền chỉ huy thống nhất của một bộ phận để nhằm hoàn thành những nhiệm vụ do chiến lược vạch ra.

Chiến dịch Việt Nam xuất hiện trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch phản công Việt Bắc thu đông 1947. Đã có trên 40 chiến dịch được thực hiện trong chiến tranh chống Pháp, trên 50 chiến dịch trong chống Mĩ. Sự hình thành phát triển chiến dịch Việt Nam được thể hiện ở các nội dung sau :

– Loại hình chiến dịch

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của chiến lược, nghệ thuật chiến dịch Việt Nam đã không ngừng phát triển theo cả chiều sâu và chiều rộng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ. Chúng ta đã tổ chức và thực hiện nhiều loại hình chiến dịch đó là : Chiến dịch tiến công, chiến dịch phản công, chiến dịch phòng ngự, chiến dịch tiến công tổng hợp và chiến dịch phòng không.

Ví dụ : Các chiến dịch tiến công Mùa Xuân 1975, chiến dịch phản công đường 9 Nam Lào năm 1971, chiến dịch phòng ngự Quảng Trị 1972, chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8 (năm 1974), chiến dịch Phòng Không 1972.

– Quy mô chiến dịch

Trong hai cuộc kháng chiến, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Trong chiến dịch Việt Bắc (1947) lực lượng tham gia khoảng 30 đại đội độc lập (chủ yếu là bộ binh), chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, lực lượng có 5 đại đoàn (có các đơn vị binh chủng pháo binh, phòng không, công binh...). Chiến dịch Hồ Chí

Minh (1975), lực lượng có 5 quân đoàn chủ lực và các quân, binh chủng cùng lực lượng nổi dậy của quần chúng nhân dân.

Trong kháng chiến chống Pháp và giai đoạn đầu của kháng chiến chống Mĩ, các chiến dịch diễn ra ở địa bàn rừng núi là chủ yếu. Giai đoạn cuối của kháng chiến chống Mĩ, chiến dịch diễn ra trên tất cả địa bàn rừng núi, trung du, đồng bằng, đặc biệt chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào thành phố Sài Gòn, trung tâm kinh tế, chính trị của Nhà nước Việt Nam cộng hoà để kết thúc chiến tranh.

- Cách đánh chiến dịch

Thời kì đầu chiến tranh, so sánh lực lượng địch - ta còn rất chênh lệch, mục đích chiến dịch lấy tiêu diệt sinh lực địch là chính, nên cách đánh chiến dịch của ta chủ yếu là đánh du kích, đánh vận động, tiêu diệt địch ở ngoài công sự là chính, đồng thời phát triển cách đánh địch trong cứ điểm và cụm cứ điểm.

Thời kì cuối chiến tranh, so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta, các binh đoàn chủ lực cơ động đã phát triển lớn mạnh, nên cách đánh chiến dịch của ta phát triển lên đánh địch trong tập đoàn cứ điểm, hệ thống phòng ngự vững chắc ở cả rừng núi, nông thôn, đồng bằng và thành phố.

Cách đánh chiến dịch của ta phát triển từ đánh bằng bộ binh là chủ yếu đến đánh hiệp đồng binh chủng (được thể hiện ở các loại hình chiến dịch tiến công, phản công, phòng ngự), đồng thời vẫn phát triển cách đánh độc lập của từng binh chủng. Cách đánh chiến dịch của ta cũng phát triển từ đánh địch bằng lực lượng quân sự là chủ yếu đến đánh địch bằng lực lượng tổng hợp quân sự, binh vận (chiến dịch tiến công tổng hợp).

Như vậy cách đánh chiến dịch của ta là cách đánh chiến dịch của chiến tranh nhân dân phát triển cao, là vận dụng tổng hợp cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức, quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh

tập trung hiệp đồng binh chủng) trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược vạch ra, tạo sự chuyển hoá chiến lược to lớn, góp phần quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh. Các chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh... để lại nhiều kinh nghiệm quý giá, có thể vận dụng vào chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện nay và tương lai.

c) Chiến thuật

Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về chuẩn bị và thực hành trận chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn LLVT, bộ phận hợp thành của NTQS Việt Nam.

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu thông qua vận dụng các hình thức chiến thuật của người chỉ huy trước đối tượng địch, địa hình, thời gian cụ thể. Nội dung chủ yếu là :

– Vận dụng hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, do vũ khí, trang bị, lực lượng của ta rất hạn chế và từ thực tiễn chiến đấu bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng, Kiến An, Nha Trang (cuối năm 1946 đầu năm 1947), đã sớm rút ra không thể dùng "trận địa chiến" theo kiểu dàn trận mà phải dùng cách đánh du kích đánh địa lôi. Do đó chiến lược chỉ đạo, tác chiến của bộ đội ta là : "quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến tiến công địch". Vì vậy, các trận đánh ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đội, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là phục kích, tập kích, vận động tiến công, trong đó phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ được sự chỉ đạo của chiến dịch và được tăng cường binh khí kĩ thuật, các đơn vị không những đánh giỏi vận động chiến mà từng bước vận dụng chiến thuật công kiên (trận An Châu ngày 01.10.1948 của eBB 98, trận Làng Vây, ngày 02.6.1968 của eBB 24), chiến thuật vây lấn tiến công (trận Khâm Lương, ngày 10.4.1950 của eBB 36, trận Đức Vinh ngày 20.5.1972 của eBB 165) để tiêu diệt địch trong công sự, giải phóng đất đai, giải phóng dân.

Giai đoạn cuối của kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, do yêu cầu của chiến lược, phải đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, giữ vững vùng giải phóng, chiến đấu phòng ngự được vận dụng. Trong chống Pháp, phòng ngự ở đồi C1 (Điện Biên Phủ, 1954), chống Mĩ, phòng ngự ở Tích Tường - Như Lệ (1972), phòng ngự Thượng Đức (1974).

Ngoài các hình thức chiến thuật phục kích, tập kích, vận động tiến công, công kiên, vây lấn tiến công, phòng ngự, các đơn vị còn vận dụng chiến thuật tảo ngộ, truy kích, tiến công hành tiến, đánh địch đổ bộ đường không vào các trận chiến đấu cụ thể để hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch giao cho.

- Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

Thời kì 1946 - 1950, chúng ta lấy vũ khí của địch để trang bị cho mình là chính và một số vũ khí tự tạo. Lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và có thể được tăng cường một số ít hỏa lực súng cối 82, ĐKZ. Sau chiến dịch biên giới 1950, ta tiếp nhận được một số vũ khí của bạn và sản xuất được súng Bazoka, nên quy mô lực lượng cùng tham gia một trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng (bộ binh, pháo binh, công binh...).

Hiệp đồng chiến đấu giữa các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích ngày càng phát triển. Bộ đội địa phương, dân quân du kích tham gia hoạt động quấy rối, nghi binh, kìm chân

địch để bộ đội chủ lực có điều kiện đánh nhanh, gọn, giành thắng lợi cao nhất.

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, quy mô lực lượng tham gia trong một trận chiến đấu ngày càng lớn, tập trung ưu thế lực lượng ngày càng cao và có thể đồng thời hoặc kế tiếp vận dụng các hình thức chiến thuật vào một trận chiến đấu, nhất là các trận then chốt chiến dịch (trận đánh thị xã Ban Mê Thuột 1975).

– Cách đánh

Cách đánh là nội dung quan trọng nhất của lí luận chiến thuật. Mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình tác chiến. Cách đánh trong các hình thức chiến thuật là đánh du kích, nhỏ lẻ phân tán (thời kì đầu), đánh vận động, tiêu diệt địch ở ngoài công sự là chính (đánh điểm diệt viện) đồng thời phát triển cách đánh địch trong cứ điểm, cụm cứ điểm. Cách đánh chiến thuật của ta phát triển từ đánh bằng bộ binh là chủ yếu đến đánh hiệp đồng binh chủng được thể hiện trong các hình thức chiến thuật công kiên, vây lấn tiến công, vận động tiến công, phòng ngự và đánh quân đổ bộ đường không.

Cách đánh chiến thuật của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bằm thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Trong một trận chiến đấu đã thực hiện chia cắt giữa bộ binh và xe tăng địch, địch mặt đất và địch trên không, địch trong trận địa và ngoài trận địa, địch từ các nơi khác tới. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ trong thế trận của cấp trên để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tóm lại, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến thuật, một trong ba bộ phận hợp thành NTQS Việt Nam đã phát triển rất phong phú, đa dạng và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ do chiến lược, chiến dịch đặt ra, để lại nhiều kinh nghiệm có giá trị thực tiễn lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

KẾT LUẬN

NTQS Việt Nam hình thành, phát triển, gắn liền với các yếu tố địa lí, kinh tế, chính trị xã hội. Từ khi có Đảng lãnh đạo NTQS Việt Nam phát triển dựa trên nền tảng lí luận quân sự Mác – Lê-nin, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh và tinh hoa truyền thống quân sự dân tộc.

Nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên được hình thành, phát triển qua các tư tưởng, kế sách đánh giặc, nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh và sự phối hợp giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận trong khởi nghĩa và chiến tranh đã góp phần đánh bại các thế lực xâm lược, bảo vệ non sông, bờ cõi, tổ tiên giống nòi.

Từ khi có Đảng lãnh đạo, NTQS Việt Nam đã kế thừa Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên và đã không ngừng phát triển, góp phần quyết định giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Nghiên cứu, học tập NTQS Việt Nam, chúng ta tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc. Mỗi người, nhất là thế hệ trẻ, nhận rõ trách nhiệm để luôn giữ gìn, kế thừa và phát triển truyền thống đó, hoàn thành mọi nhiệm vụ góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung, kết hợp với sơ đồ để phân tích, chứng minh nội dung.
- Trao đổi sinh viên với sinh viên.
- Thảo luận ở các tổ hoặc lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên.
- NTQS Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo trình Giáo dục quốc phòng, NXB QĐND, H. 1992.
- Giáo trình giáo dục quốc phòng (dùng trong các trường chính trị, hành chính, đoàn thể), tập 1, NXB QĐND, H.1998, Tr. 149– 250.
- Trung tâm từ điển BKQS Bộ Quốc phòng, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB QĐND, H.1996.

Bài 7

KẾT HỢP XÂY DỰNG KINH TẾ VỚI CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Bồi dưỡng cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận, quan điểm, nội dung và biện pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

– Trên cơ sở nhận thức đúng, phát huy trí tuệ của tuổi trẻ, tích cực góp phần thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng trên cương vị chức trách.

B -- NỘI DUNG

I - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KẾT HỢP XÂY DỰNG KINH TẾ VỚI CỘNG CỐ QUỐC PHÒNG

Kết hợp kinh tế với quốc phòng là gắn kết giữa kinh tế với quốc phòng trong một thể thống nhất nhằm bổ sung tạo điều kiện thúc đẩy lẫn nhau cùng nhau phát triển nhịp nhàng với hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Kinh tế phát triển, quốc phòng vững mạnh góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước, bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, nếu chiến tranh xảy ra thì kiên quyết đánh thắng.

1. Cơ sở lí luận

Các nhà kinh điển của giai cấp vô sản đã chỉ ra một số vấn đề cơ bản về lí luận kết hợp kinh tế với quốc phòng (KT-QP) :

– Kết hợp kinh tế với quốc phòng là yêu cầu khách quan, nảy sinh trong các xã hội có giai cấp, Nhà nước, quốc phòng và chiến tranh. Kết hợp KT–QP không phải là quy luật riêng cho bất cứ chế độ xã hội nào, mà nó là quy luật lịch sử, được thực hiện trong mọi quốc gia có độc lập, chủ quyền. Loài người khi mới xuất hiện, đã đồng thời gắn việc sản xuất ra công cụ lao động, với việc chế tạo ra vũ khí để bảo vệ cuộc sống, lãnh địa và những kết quả lao động của mình. Kết hợp kinh tế với quốc phòng là yêu cầu nội sinh của chính sự phát triển kinh tế, yêu cầu tự vệ và được bảo vệ của nền kinh tế.

– Quốc phòng, kinh tế và chiến tranh có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Trong mối quan hệ đó, kinh tế luôn giữ vai trò quyết định đối với quốc phòng và chiến tranh ; phát triển kinh tế tạo ra vật chất, kĩ thuật làm cơ sở cho sự nghiệp củng cố quốc phòng, Lê-nin chỉ rõ : "Chúng ta chủ trương bảo vệ Tổ quốc nên chúng ta đòi hỏi phải có thái độ nghiêm túc đối với vấn đề khả năng quốc phòng và đối với vấn đề chuẩn bị chiến đấu của nước nhà. Cuộc chiến tranh này cần được chuẩn bị trước lâu dài, nghiêm túc bắt đầu từ kinh tế"⁽¹⁾. Hoạt động quốc phòng tác động trở lại thúc đẩy kinh tế phát triển ; tạo ra môi trường ổn định lâu dài, bảo vệ các công trình kinh tế, bảo vệ thành quả kinh tế làm ra... Quá trình xây dựng, hoạt động quốc phòng sẽ đặt ra cho nền kinh tế những nhu cầu về vật chất, trang bị kĩ thuật... theo yêu cầu của nhiệm vụ quốc phòng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển phong phú hơn.

– Xây dựng kinh tế và hoạt động quốc phòng, đều thống nhất ở mục đích nhưng không đồng nhất, có sự chế ước lẫn nhau.

Phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng tạo ra sức mạnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển kinh tế làm giàu cho đất nước. Đầu tư quốc phòng để bảo vệ phát triển kinh tế, ổn định chính trị, an toàn xã

(1) Lê-nin: Toàn tập. Tập 35, NXB. Tiến bộ Mátxcova, H. 1976. Tr. 480.

hội... rất tốn kém. Cho nên quá trình kết hợp phải bổ sung, tạo điều kiện cùng nhau phát triển nhịp nhàng, hiệu quả kinh tế xã hội cao, kinh tế phát triển, quốc phòng vững mạnh.

2. Thực tiễn kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Việt Nam

Trong lịch sử "Dựng nước đi đôi với giữ nước" của dân tộc, tổ tiên ta luôn kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Sự kết hợp đó thể hiện cả trong thời bình, cả trong chiến tranh. Trong thời bình, tích cực chuẩn bị lực lượng trong dân, bồi dưỡng sức dân, với những chính sách thiết thực như : "Khoan thư sức dân", "ngụ binh ư nông", "Động vi binh, tĩnh vi dân"... kết hợp giữa việc đào sông ngòi, kênh rạch làm thủy lợi với xây dựng làng chiến đấu, thể trận phòng thủ chống quân xâm lược khi chiến tranh xảy ra. Tổ tiên ta rất coi trọng "thể trận, lòng dân" thực hiện "yên dân" để "vẹn đất" xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân rộng khắp "thể trận làng - nước", "cả nước đánh giặc". Tổ tiên ta đã dựng nước, giữ nước bằng kế sách diệu kì "dân giàu, nước mạnh", "nước mạnh, quân hùng".

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa phát triển kế sách dựng nước, giữ nước của tổ tiên lên bước mới, thực hiện "vừa lãnh đạo đánh giặc, vừa bồi dưỡng lực lượng nhân dân", "đồng ruộng là chiến trường, cuộc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ". Xây dựng CNXH ở miền Bắc - hậu phương lớn của miền Nam. Hậu phương miền Bắc trở thành nhân tố quyết định đối với sự nghiệp cách mạng cả nước. Kinh tế miền Bắc phát triển đã đáp ứng được mọi nhu cầu về sức người, sức của cho cuộc đấu tranh chống quân xâm lược, góp phần giải phóng Tổ quốc và bảo vệ vững chắc chế độ XHCN.

Từ khi đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH trong các văn kiện của Đảng ta đều xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cuộc cách mạng : xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đồng thời đề cập đến sự kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng - kinh tế - an ninh và đối ngoại, coi đó " là một nội dung của đường lối kinh tế.

là một trong những nguồn lực của sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

II – NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU KẾT HỢP XÂY DỰNG KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG

1. Quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh của Đảng trong giai đoạn hiện nay

a) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh là một nội dung của đường lối, quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Trong giai đoạn hiện nay, nội dung sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh được thể hiện đầy đủ, toàn diện cả trong xây dựng kinh tế và tăng cường nền QPTD, an ninh nhân dân. Nếu trong chiến tranh giải phóng trước kia, sự kết hợp này chỉ mang tính chất cân bằng, ngang nhau, thì trong giai đoạn hiện nay, sự kết hợp đó đan chen thâm nhập vào nhau là điều kiện nhu cầu của mỗi bên. Thực hiện quá trình xây dựng kinh tế, cũng là quá trình thực hiện các nhu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng – an ninh, làm cho mọi hoạt động kinh tế đều đáp ứng đồng thời các nhu cầu về tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân và tăng cường sức mạnh quốc phòng – an ninh. Như vậy, trong tình hình hiện nay chúng ta phải tranh thủ thời cơ thuận lợi tập trung sức xây dựng phát triển kinh tế, nhưng đồng thời phải tăng cường sức mạnh quốc phòng – an ninh, sức mạnh đó bảo đảm răn đe và đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của bất cứ kẻ thù nào, trong mọi tình huống, giữ vững ổn định của đất nước, tạo điều kiện lâu dài cho kinh tế phát triển.

b) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh ngay trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội

Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh nhằm thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược : Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

XHCN, mọi hoạt động của quá trình phát triển kinh tế phải kết hợp thực hiện các yêu cầu của quốc phòng – an ninh và ngược lại.

Trong khi hoạch định chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của cả nước phải tính toán đến những yêu cầu quốc phòng – an ninh đặt ra cho từng ngành, từng địa phương và cơ sở để có phương hướng phát triển, các giải pháp thực thi vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, vừa củng cố sức mạnh quốc phòng – an ninh trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Quá trình củng cố quốc phòng – an ninh, xây dựng thế trận QPTD, thế trận an ninh nhân dân phải dựa vào chiến lược phát triển kinh tế – xã hội để kết hợp chặt chẽ. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng xác định "kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với xây dựng tiềm lực và thế trận QPTD, thế trận an ninh nhân dân, được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương và trong các dự án đầu tư lớn⁽¹⁾.

Thực hiện tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá kết quả và hiệu quả của cả hoạt động kinh tế và hoạt động quốc phòng – an ninh.

Trong thời kì chúng ta đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, việc kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh càng có ý nghĩa quan trọng, được tiến hành đồng thời với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các chương trình, các dự án phát triển kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải thể hiện được lợi ích của kinh tế và quốc phòng – an ninh. Củng cố quốc phòng – an

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB CTQG, H. 2001, Tr. 167.

ninh đủ sức bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và tận dụng được những thành tựu khoa học – công nghệ mới để từng bước hiện đại hoá quốc phòng – an ninh nhất là hiện đại hoá LLVT. Đồng thời quốc phòng – an ninh phát huy tiềm năng của mình góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế – xã hội.

c) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh là hoạt động phối hợp của các ngành, các cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cả kinh tế và quốc phòng – an ninh

Phạm vi kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh rất rộng, toàn diện bao quát mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế – xã hội ở mọi ngành, mọi cấp, thậm chí đến mọi công dân. Tuỳ theo nhiệm vụ, tính chất hoạt động mà nhận biết yêu cầu quốc phòng – an ninh đặt ra cho đơn vị mình để suy nghĩ và chọn cách kết hợp cho tốt. Trong đó chú ý đến hai yếu tố con người và cơ sở kĩ thuật, đây là hai yếu tố quan trọng nhất trong xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng – an ninh. Cho nên việc phân bố dân cư, phân bố lực lượng sản xuất hiện nay, cần bảo đảm tính hợp lí, cân đối để tạo ra được thế bố trí chiến lược hoàn chỉnh thống nhất cả về kinh tế và quốc phòng – an ninh trong cả nước, ở từng vùng, từng địa phương. Làm cho tất cả các vùng, các địa phương trên đất nước ta, đâu đâu cũng có lực lượng phát triển kinh tế và lực lượng thế trận quốc phòng – an ninh bảo vệ Tổ quốc. Cả nước hình thành những vùng chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng – an ninh.

Để thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, đa dạng hình thức sở hữu, định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước thể hiện vai trò của mình trong việc điều chỉnh các

lợi ích, quy tụ các lợi ích hướng vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đồng thời có hệ thống chính sách, pháp luật xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ tạo nên sự thống nhất giữa lợi ích kinh tế với lợi ích chính trị, lợi ích cục bộ với lợi ích cả nước, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

Trong tình hình hiện nay, thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh, mọi cấp, mọi ngành và mỗi người, cần quán triệt tinh thần, tiết kiệm, sử dụng khoa học và hợp lý tất cả tiềm năng của đất nước đạt hiệu quả kinh tế – xã hội cao, quốc phòng – an ninh vững chắc. Bảo đảm phát triển kinh tế nội địa để xây dựng nền QPTD, an ninh nhân dân một cách ổn định có cơ sở phát triển.

2. Một số nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng trong giai đoạn mới

a) Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong phân vùng lãnh thổ

Do đặc thù địa hình và dân cư đất nước ta, giữa các vùng có sự phát triển không đều về kinh tế xã hội. Thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đặt ra, phải tạo điều kiện cho tất cả các vùng phát triển kinh tế tại chỗ và gắn với củng cố quốc phòng và an ninh. Hiện nay ta đã phân chia thành nhiều vùng kinh tế trong đó có 3 vùng trọng điểm, ở miền Nam, miền Trung và miền Bắc. Đặc biệt ưu tiên đầu tư phát triển cho những địa bàn xung yếu, vùng sâu vùng xa vùng dân tộc ít người.

Trong quy hoạch tổng thể phân vùng kinh tế của cả nước phải phù hợp với thể bố trí chiến lược quốc phòng – an ninh, trong thời bình là cơ sở để đánh thắng địch trong mọi tình huống. Việc xây dựng phát triển kinh tế phải tính đến xây dựng hậu phương chiến lược, ở đó luôn "mạnh về chính trị, giàu về kinh tế, vững về quốc phòng – an ninh", thực sự là trận địa vững chắc của chế độ XHCN, tạo cơ sở kinh tế, tăng cường khả năng phòng thủ trên phạm vi cả nước, trên từng tỉnh

(thành), từng khu vực. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX xác định "kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng – an ninh trong quy hoạch và phát triển kinh tế – xã hội trong từng vùng, từng khu vực, hiệu quả kinh tế luôn gắn với yêu cầu bảo đảm cho quốc phòng – an ninh".

b) Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở địa phương

Tỉnh (thành phố) là những đơn vị hành chính có vị trí quan trọng về phát triển kinh tế xã hội, có vai trò to lớn trong xây dựng thế trận quốc phòng – an ninh. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng ở các tỉnh (thành phố) phải luôn dựa vào quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội và thể bố trí chiến lược phòng thủ chung của cả nước, đồng thời phải phù hợp với đặc điểm địa bàn của từng địa phương.

Phát triển kinh tế của địa phương phải thể hiện toàn diện, khai thác tối đa thế lợi của địa phương để phát triển kinh tế ở địa phương vững mạnh gắn với xây dựng khu vực phòng thủ, huyện, tỉnh vững chắc bảo đảm "làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh".

Ở các tỉnh ven biển, biên giới vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trở nên cực kì quan trọng. Do đó phải kết hợp phát triển kinh tế với củng cố cơ sở chính trị xã hội, xây dựng LLVT địa phương vững mạnh, đủ sức để bảo vệ địa phương trong mọi tình huống.

c) Kết hợp kinh tế quốc phòng – an ninh trong một số ngành kinh tế chủ yếu

Để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nước ta thành một nước có cơ sở vật chất kĩ thuật, khoa học công nghệ hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lí, quốc phòng – an

Đ. B. N. - 5
19-58-5

ninh vững mạnh. Chúng ta phấn đấu đến năm 2020 đưa đất nước trở thành một nước công nghiệp.

Quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tỉ trọng công nghiệp dịch vụ ngày càng tăng, nông nghiệp ngày càng giảm, nền kinh tế phát triển cả chiều sâu và chiều rộng nhiều ngành, nhiều nghề mới với công nghệ tiên tiến, nhiều khu công nghiệp, công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, đô thị hoá nông thôn sẽ hình thành. Vì vậy phương thức kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trở thành vấn đề phức tạp hơn, các ngành kinh tế cần căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ mà xác định quy hoạch tổng thể trong ngành mình để kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng – an ninh ngay từ đầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

d) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong ngành công nghiệp

Ngành công nghiệp có vai trò cực kì quan trọng trong việc tạo ra cơ sở vật chất – kĩ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hoạt động kinh tế trong ngành công nghiệp thường với quy mô lớn, diện rộng, quá trình hoạt động cần gắn liền giữa dân sinh và quốc phòng – an ninh, thời bình cũng như thời chiến trước mắt cũng như lâu dài.

Trong quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, cần bố trí các khu công nghiệp tương đối đồng đều trên các vùng của đất nước để sẵn sàng huy động cho quốc phòng – an ninh khi có chiến tranh, tốt nhất là bố trí các khu công nghiệp gần với thế bố trí phòng thủ từng vùng, từng địa bàn trên từng tỉnh và cả nước. Các khu công nghiệp, khi xây dựng sẽ hình thành những khu dân cư tập trung bảo đảm cho phát triển kinh tế cũng là lực lượng chiến đấu tại chỗ trong thế trận chiến tranh nhân dân.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong ngành công nghiệp hiện nay, cần gắn hiệu quả kinh tế với yêu cầu quốc phòng –

an ninh. Nâng cao năng lực của ngành công nghiệp trong việc đáp ứng yêu cầu vật chất kĩ thuật, công nghệ cho quốc phòng – an ninh, sẵn sàng huy động được một số bộ phận của ngành công nghiệp phục vụ cho quốc phòng – an ninh.

e) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng

Công nghiệp quốc phòng là một bộ phận của nền công nghiệp đất nước, có chức năng sửa chữa vũ khí, trang bị và sản xuất ra sản phẩm các loại cho quân sự. Nhiệm vụ cơ bản của nó là cung cấp, đổi mới trang bị, vũ khí phương tiện chiến đấu cho các LLVT. Việc sản xuất phương tiện chiến đấu có yêu cầu kĩ thuật rất cao. Vì thế nền công nghiệp quốc phòng cần phải cải tiến theo hướng chuyên môn hoá, hợp lí hoá để phục vụ cho quốc phòng – an ninh theo một kế hoạch thống nhất của quốc gia.

Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, phương hướng xây dựng công nghiệp quốc phòng là : "phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng. Phát triển công nghiệp quốc phòng và kết hợp sử dụng năng lực đó để tham gia phát triển kinh tế – xã hội. Coi trọng sản xuất mặt hàng vừa phục vụ kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng – an ninh". Trước mắt cần tập trung "xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, phấn đấu dần dần tự sản xuất được trang thiết bị quan trọng đáp ứng những nhu cầu thiết yếu bảo đảm sức chiến đấu cho LLVT, từng bước tăng cường lực lượng quốc phòng đủ sức bảo vệ Tổ quốc".

g) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng cơ bản

Kết cấu hạ tầng là tổng thể các ngành, các loại hình hoạt động phục vụ quá trình sản xuất xã hội, nhằm bảo đảm tính liên tục của chu

chuyển kinh tế để sản xuất được tiến hành bình thường. Quá trình kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh cần lưu ý một số ngành :

+ Về giao thông vận tải, quá trình cải tạo nâng cấp và xây dựng phải tính đến việc kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh xây dựng các tuyến đường vừa có lợi cho cả kinh tế, vừa có lợi cho cả quốc phòng an ninh. Ngoài những tuyến đường giao thông huyết mạch, phải có nhiều tuyến vòng cung, vòng tránh, xây dựng những đoạn đường hầm, đường ngầm ở những đoạn trọng điểm. Ở những thành phố lớn phải nghĩ đến việc phát triển các giao thông ngầm phục vụ yêu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thời bình, cơ động lực lượng chiến đấu, sơ tán bảo đảm an toàn khi chiến tranh xảy ra.

+ Về bưu chính viễn thông, ngày càng được hiện đại hoá, khi kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong ngành bưu chính viễn thông phải tính đến việc xây dựng các tuyến thông tin vòng tránh, các đường cáp ngầm bí mật để bảo đảm chỉ huy liên lạc thông suốt trong mọi tình huống. Trong quy hoạch ngành bưu chính viễn thông kể cả trung ương và địa phương, phải có phương án động viên một bộ phận sẵn sàng phục vụ theo yêu cầu các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh khi chiến tranh xảy ra.

+ Về xây dựng cơ bản, hiện nay những thành phố lớn, các đô thị, vùng ven biển đang mọc lên các khu công nghiệp, các khu nhà cao tầng, cần tính toán việc xây dựng các công trình phù hợp với thể bố trí phòng thủ chung để những công trình đó vừa là khu nhà ở, nơi làm việc, khi có chiến tranh có thể cải tạo hình thành những ổ để kháng chiến đấu cả mặt đất và trên không.

h) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong ngành nông lâm, ngư nghiệp

Ngành nông, lâm, ngư nghiệp được hình thành trong phạm vi cả nước, trên đất liền cũng như trên biển đảo. Quá trình công nghiệp

hoá, hiện đại hoá đất nước sẽ làm cho cơ cấu ngành nông, lâm, ngư nghiệp có bước chuyển dịch cả cơ cấu sản xuất và lao động. Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp cần lưu ý mấy vấn đề sau đây :

+ Trong hoạch định chiến lược phát triển nông, lâm, ngư nghiệp trên phạm vi cả nước cũng như từng vùng gắn với thể trận quốc phòng – an ninh. Trong thời bình phải có quy hoạch phát triển kinh tế rộng khắp, đặc biệt chú ý đến các vùng để tạo ra lực lượng phòng thủ tại chỗ và bảo đảm hậu cần tại chỗ.

+ Phân bố lao động trong nông, lâm, ngư nghiệp hợp lí, cân đối nhất là ở các vùng biên giới, hình thành các cụm dân cư để luôn kết hợp với LLVT xây dựng cơ sở chính trị vững chắc, chủ động trong mọi tình huống, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ và khai thác tốt nguồn tài nguyên của đất nước.

+ Hệ thống hợp tác xã nông nghiệp phải được tổ chức chặt chẽ, hình thức phù hợp, đúng theo luật HTX. Đây là lực lượng nòng cốt làm cho kinh tế nông thôn vững mạnh, cũng là nguồn lực lớn nhất huy động làm nhiệm vụ quốc phòng – an ninh.

+ Kết hợp Nhà nước với nhân dân đầu tư cho ngư nghiệp, hình thành những đội đánh cá xa bờ, vừa khai thác được tài nguyên biển vừa làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ.

+ Kết hợp việc phát triển lâm trường với giao rừng cho dân để trồng cây, phủ xanh đất trống, đối trợ với việc hình thành các điểm dân cư tập trung vừa làm cho kinh tế phát triển chống được lũ lụt, bảo vệ môi trường sinh thái, vừa bảo đảm nguy trang che dấu công trình quốc phòng – an ninh và hoạt động quân sự. Ở các vùng đó vừa có lực lượng sản xuất, vừa có lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại chỗ khi có chiến tranh.

Đ. 006
Đ. 008-55

3. Một số biện pháp chủ yếu kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh

Để kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng – an ninh trong giai đoạn hiện nay cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau :

a) Quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược : Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng – an ninh ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, chính là để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng – an ninh, củng cố quốc phòng – an ninh với phát triển kinh tế đó là yêu cầu sống còn trong mọi giai đoạn cách mạng, trong giai đoạn hiện nay, nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Tổ chức quán triệt chặt chẽ, kế hoạch cụ thể, hình thức phong phú phù hợp với từng đối tượng.

b) Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh phải được triển khai có kế hoạch, cơ chế và chính sách cụ thể chặt chẽ

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh phải được triển khai có kế hoạch từng bước, phù hợp với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, chiến lược quốc phòng – an ninh trên phạm vi cả nước cũng như từng vùng, từng địa phương, từng ngành tạo nên sự ăn khớp, nhịp nhàng. Sự kết hợp đó phải tạo ra cơ chế có khả năng chuyển hoá nhanh nhất một bộ phận tiềm lực kinh tế thành tiềm lực quốc phòng – an ninh trong mọi tình huống. Cho nên, việc bố trí các công trình, các doanh nghiệp bảo đảm cân đối, đều khắp cả nước, đáp ứng được nhu cầu dân sinh và quốc phòng – an ninh trong thời bình và thời chiến.

Nhà nước cần có chính sách, pháp lệnh về kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh ; bảo đảm các kế hoạch, dự án phát triển kinh tế xã

hội phải tính đến các vấn đề quốc phòng – an ninh và có sự tham gia ý kiến của các cấp quân sự trước khi phê duyệt, nhất là các công trình liên doanh với nước ngoài.

c) Tăng cường công tác giáo dục nâng cao kiến thức quốc phòng – an ninh và kinh tế cho đội ngũ cán bộ các ngành

Để kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh được tốt, yêu cầu toàn dân nhất là đội ngũ cán bộ các ngành kinh tế, các lĩnh vực khác phải có kiến thức quốc phòng an ninh cần thiết, ngược lại cán bộ quân đội, công an nhất là những người tham gia các dự án kinh tế phải có kiến thức kinh tế cần thiết. Đó là một yêu cầu thường xuyên đối với các cấp, các ngành cho nên phải có sự chỉ đạo tổ chức chặt chẽ trong quá trình giáo dục.

KẾT LUẬN

Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh là yêu cầu khách quan, là một nội dung trong đường lối kinh tế của Đảng, Nhà nước ta, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng : Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Quá trình kết hợp phải được tiến hành ngay trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và có được sự phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho kinh tế phát triển, quốc phòng – an ninh vững mạnh.

Nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh rộng lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh tế – xã hội. Trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào một số nội dung cơ bản : kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh trong phân vùng lãnh thổ, ở địa phương (tỉnh, thành phố), trong một số ngành kinh tế chủ yếu, trong ngành công nghiệp, trong xây dựng và phát triển công nghiệp quốc

phòng, trong xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng cơ bản, trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Để thực hiện tốt các nội dung trên cần quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cho toàn dân ; quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế và chính sách cụ thể chặt chẽ ; Tăng cường bồi dưỡng nâng cao kiến thức quốc phòng – an ninh và kinh tế cho nhân dân trong đó có thế hệ trẻ sinh viên, những chủ nhân tương lai của đất nước.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp tập trung.
- Thảo luận ở tổ, lớp.
- Trao đổi sinh viên – sinh viên.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung

- Tính tất yếu phải kết hợp kinh tế với quốc phòng.
- Nội dung, biện pháp của sự kết hợp kinh tế – quốc phòng.

2. Tài liệu tham khảo

– Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Giáo dục quốc phòng, NXB QĐND, H, 1992.

– Bộ Quốc phòng, Giáo trình Giáo dục quốc phòng, NXB QĐND, H, Đảng CSVN. Văn kiện.

– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX NXB CTQG, H. 2001. Phần 6.

Bài 8

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG Ở CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên nhận thức đúng đắn đặc điểm, vị trí và những nội dung nhiệm vụ cơ bản của công tác quốc phòng (CTQP) ở các Bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn mới. Giúp họ định hướng học tập, hoạt động CTQP tại trường và sau khi tốt nghiệp.

– Yêu cầu nắm vững nhiệm vụ nội dung cơ bản CTQP ở các Bộ ngành, địa phương, đề cao trách nhiệm, phát huy sức mạnh sáng tạo của tuổi trẻ học tốt môn GDQP và thực hiện CTQP ở trường và địa phương.

B – NỘI DUNG

I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG Ở BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Đặc điểm liên quan đến công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

a) Khái niệm công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

CTQP ở Bộ, ngành, địa phương là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ CTQP của Nhà nước, do Đảng lãnh đạo. Bao gồm các vấn đề về GDQP, động viên, tổ chức toàn dân làm CTQP, xây dựng và bảo vệ tiềm lực quốc phòng, chuẩn bị cho đất nước sẵn sàng đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ XHCN

giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia. Đó là công tác được triển khai thực hiện ở mọi cấp, mọi ngành, mọi địa phương từ trung ương đến cơ sở.

Khái niệm trên đã thể hiện rõ vị trí, nội dung, phạm vi của CTQP ở Bộ, ngành, địa phương.

b) Đặc điểm liên quan đến công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

Trong tình hình mới CTQP ở Bộ, ngành, địa phương chịu sự tác động của nhiều yếu tố, có một số đặc điểm liên quan như sau :

– Tình hình thế giới, khu vực tác động đến CTQP ở Bộ, ngành, địa phương

Trong những năm vừa qua và những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, tác động đến đời sống kinh tế – xã hội của đất nước trong đó có CTQP.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động luôn có âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng nước ta, nhất là chúng thực hiện chiến lược DBHB, BLLĐ đối với cách mạng Việt Nam. Nhiều tình huống phức tạp, quyết liệt có thể xảy ra buộc ta phải đối phó. CTQP phải được làm tốt để góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội, độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, kiên định con đường đi lên CNXH.

Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ phát triển sâu rộng, tác động lớn đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội, mang tính chất toàn cầu, đồng thời tác động nhiều đến CTQP ở nước ta, như xây dựng tiềm lực quốc phòng, trang bị cho LLVT sẵn sàng chiến đấu... CTQP cần khắc phục những hạn chế, tận dụng triệt để những thành tựu khoa học kĩ thuật, công nghệ cho phù hợp.

– Tình hình đất nước và thực trạng CTQP ở Bộ, ngành, địa phương

Đất nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH, mở ra thời kì phát triển mới trong nền kinh tế, tạo điều kiện xây dựng tiềm lực, thế

trận và lực lượng quốc phòng – an ninh. Tăng trưởng kinh tế sẽ tạo điều kiện vật chất để xây dựng tiềm lực quốc phòng vững mạnh, từng bước hiện đại, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân.

Đường lối phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước đã có những tác động tích cực đối với CTQP, nhưng cũng nảy sinh những tiêu cực, hạn chế đến tổ chức thực hiện CTQP ở Bộ, ngành, địa phương như việc quản lý, xây dựng và thực hiện kế hoạch, huy động tiềm năng các mặt cho CTQP. Quá trình đó cũng sẽ nảy sinh những vấn đề mới, phải nghiên cứu tìm cách vận dụng cho thích hợp.

Thực trạng CTQP ở Bộ, ngành, địa phương trong những năm qua đã đạt được những thành quả bước đầu quan trọng, như củng cố xây dựng nền, thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với nền, thế trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tạo môi trường ổn định cho đất nước phát triển. Tuy nhiên CTQP ở Bộ, ngành, địa phương trong những năm qua còn bộc lộ một số khuyết điểm, nhược điểm cần khắc phục : thế trận QPTD chưa vững chắc, chất lượng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, công tác động viên quân đội, hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng chưa vào nền nếp...

2. Vai trò của Bộ, ngành, địa phương đối với công tác quốc phòng

Trong tình hình mới Bộ, ngành, địa phương có vai trò rất quan trọng trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện đối với CTQP.

a) Là nơi chỉ đạo trực tiếp CTQP ở cơ quan địa phương mình

CTQP ở Bộ, ngành, địa phương là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ CTQP của nhà nước ta. Các Bộ, ngành, địa phương làm tốt CTQP ngay chính địa bàn, địa phương cơ sở mình là trực tiếp góp phần tạo thành sức mạnh CTQP cả nước. Bộ, ngành, địa phương là

nơi có đủ nhân lực, vật lực để tạo ra tiềm lực quốc phòng cho bản thân mình và tích lũy cho cả nước. Bộ, ngành, địa phương thường xuyên chỉ đạo mọi hoạt động CTQP, cụ thể hoá hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại cơ quan, địa phương ; chỉ đạo khai thác mọi tiềm năng, tiềm lực quốc phòng ; chỉ đạo xây dựng nền, thể trận QPTD trên từng địa bàn, vùng, lãnh thổ, trong từng ngành và trên từng lĩnh vực ; chỉ đạo cơ quan, địa phương mình phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp kinh tế – quốc phòng – an ninh với đối ngoại.

Vì vậy, Bộ, ngành, địa phương làm tốt CTQP chính là thiết thực củng cố nền QPTD, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới.

b) Là nơi trực tiếp tổ chức xây dựng nền, thể trận quốc phòng kết hợp với nền, thể trận an ninh tạo nên tảng của QPTD, an ninh nhân dân của cả nước

Các Bộ, ngành, địa phương là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh. Đây cũng là nơi trực tiếp tổ chức xây dựng tiềm lực, thể trận QPTD gắn với thể trận an ninh nhân dân, tạo nền tảng của QPTD và an ninh nhân dân cả nước.

Các Bộ, ngành, địa phương luôn là nơi thể hiện được sự kết hợp chặt chẽ, gắn bó quốc phòng với an ninh, tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn DBHB, BLLD của kẻ thù. Là nơi động viên, huy động sức mạnh nhanh nhất, kịp thời nhất để bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia.

c) Là nơi trực tiếp giáo dục, động viên, tổ chức toàn dân làm công tác quốc phòng, sẵn sàng đối phó thắng lợi các tình huống và chuẩn bị cho động viên thời chiến

Do vị trí của mình Bộ, ngành, địa phương là nơi trực tiếp tổ chức giáo dục, phát động toàn dân tham gia xây dựng, củng cố quốc phòng, xây dựng tiềm lực quốc phòng mạnh. Trong thời bình, sức

306
4860
56.8.90

manh đó được thể hiện, một phần ở ý thức cảnh giác của nhân dân, nhất là trình độ sẵn sàng chiến đấu của LLVT để xử lý có hiệu quả mọi tình huống. Phần tiềm lực to lớn khác được kết hợp trong kinh tế - xã hội, không ngừng được bổ sung, tích lũy ngay tại địa phương, ở các ngành kinh tế và sẽ được động viên khi có tình huống chiến tranh.

Các Bộ, ngành, địa phương đóng vai trò rất lớn trong việc góp phần xây dựng, củng cố hậu phương chiến lược và chuẩn bị động viên thời chiến. Động viên thời chiến là một nội dung phải được chuẩn bị, xây dựng từ thời bình, nó liên quan trực tiếp đến huy động nhân tài, vật lực cho phòng thủ đất nước, bảo đảm để địa phương luôn sẵn sàng để động viên theo yêu cầu thời chiến. Đây cũng là một nội dung của quá trình tổ chức triển khai thực hiện, cần có sự thống nhất rất cao giữa Bộ, ngành, địa phương.

II - NHIỆM VỤ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG Ở BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Nhiệm vụ của Bộ, ngành về công tác quốc phòng

Nghị định 19/CP đã xác định "Chính phủ thống nhất quản lý CTQP trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật". Để thực hiện yêu cầu đó, Chính phủ giao cho "các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải thực hiện CTQP theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn".

Nội dung cơ bản của nhiệm vụ CTQP ở Bộ, ngành là :

a) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, chuẩn bị kế hoạch động viên sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng kinh tế - xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng - an ninh là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta, thực chất chủ

trương đó là thực hiện sự kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vì vậy, từng Bộ, ngành đi đôi với việc hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của mình, phải đồng thời kết hợp với quốc phòng – an ninh và có kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân theo chỉ tiêu được giao, đảm bảo sẵn sàng đối phó thắng lợi trước mọi tình huống. Thể hiện ý thức cảnh giác trong quản lí an ninh của ngành mình, xây dựng ý thức thường xuyên tự vệ, chống mọi thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.

b) Phối hợp cùng các địa phương tổ chức xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc

Các đơn vị cơ sở của Bộ, ngành nhất là các ngành kinh tế bao giờ cũng gắn với một địa bàn lãnh thổ của địa phương. Vì vậy, khi thực hiện các nội dung của CTQP đều gắn với khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố).

Thực hiện Nghị quyết 02/BCT của Bộ Chính trị (7/1987), Chính phủ đã giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành phối hợp với các địa phương xây dựng khu vực phòng thủ.

Để xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) vững chắc, các Bộ, ngành cần chỉ đạo các đơn vị cơ sở thuộc quyền của mình thực hiện tốt CTQP. Cụ thể là :

Tham gia xây dựng khu vực phòng thủ địa phương.

Có kế hoạch trực tiếp xây dựng tiềm lực quốc phòng, thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân ngay ở cơ sở tại địa phương.

Thực tế quá trình xây dựng KVPT địa phương vững chắc sẽ tác động, tạo điều kiện cho các Bộ, ngành xây dựng phát triển kinh tế gắn với bảo vệ an ninh của ngành mình tại địa phương.

c) Tổ chức xây dựng, quản lí lực lượng dân quân tự vệ, LLDBĐV, tuyển quân và phòng thủ dân sự

Các Bộ, ngành là những nơi tập trung nhiều cán bộ, nhân viên có chất lượng chính trị và trình độ văn hóa, chuyên môn kĩ thuật cao, nơi tập trung nhiều phương tiện, trang bị kĩ thuật hiện đại. Đó là yếu tố rất cơ bản để xây dựng LLVT quần chúng, chuẩn bị động viên, triển khai phòng thủ dân sự, có hiệu quả.

Nhà nước ta đã có pháp lệnh về dân quân tự vệ và pháp lệnh về dự bị động viên, các pháp lệnh đó đã quy định trách nhiệm cho các Bộ, ngành về xây dựng, quản lí, hoạt động... lực lượng dân quân tự vệ và LLDBĐV.

Đối với công tác tuyển quân, các Bộ, ngành có trách nhiệm giáo dục, động viên thanh niên thực hiện tốt *Luật Nghĩa vụ quân sự*. Làm tốt công tác này, chính là bảo đảm chất lượng xây dựng lực lượng dự bị động viên thuộc các cơ sở của Bộ, ngành quản lí. Việc tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị từ sinh viên tốt nghiệp đại học theo chỉ tiêu Chính phủ giao cũng nhằm tăng cường số lượng và chất LLDBĐV.

Phòng thủ dân sự là nội dung quan trọng trong CTQP, liên quan đến bảo vệ tài sản, tính mạng của công dân, tài sản XHCN, bảo đảm cho xây dựng phát triển kinh tế.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Quốc phòng các Bộ, ngành luôn có kế hoạch tổ chức lực lượng phòng chống thiên tai, địch hoạ trong phạm vi ngành mình và phối hợp với các cơ quan thực hiện công tác phòng thủ dân sự tại địa phương.

d) Tổ chức thực hiện các chính sách về củng cố quốc phòng, hậu phương quân đội

Các chính sách củng cố quốc phòng, hậu phương quân đội, nhằm động viên, phát huy trách nhiệm toàn dân tham gia CTQP.

Thực hiện tốt các chính sách đó có tác động lớn đến sự nghiệp củng cố quốc phòng.

Tình hình hiện nay trong cơ chế kinh tế thị trường, nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã nảy sinh những vấn đề mới trong chính sách.

Với chức năng của mình, các Bộ, ngành vừa tổ chức thực hiện tốt chính sách, vừa có trách nhiệm tham gia nghiên cứu hoạch định chính sách có liên quan đến ngành mình về CTQP.

e) Tổ chức GDQP

GDQP là nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới XHCN. Đó là một nội dung thuộc nền giáo dục quốc gia. Đảng ta xác định "Phải tăng cường công tác GDQP cho toàn dân, trước hết là đối với cán bộ các cấp, các ngành của Đảng và Nhà nước và thế hệ trẻ học sinh, sinh viên". Tổ chức GDQP ở Bộ, ngành, có vị trí rất quan trọng.

GDQP ở Bộ, ngành cần nắm vững yêu cầu : hợp lí, đồng bộ, thống nhất, nhiều hình thức, nội dung phù hợp với sự phát triển của tình hình chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh của đất nước.

Trong tình hình hiện nay cần tập trung bồi dưỡng cho cán bộ, công nhân viên chức trong ngành mình có những kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh để tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp đối với nhiệm vụ xây dựng nền QPTD vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong mọi tình huống.

2. Nhiệm vụ của địa phương về công tác quốc phòng

a) Tổ chức GDQP

Đây là nhiệm vụ quan trọng mang tính bản chất, nhằm làm cho toàn dân luôn ý thức được ý nghĩa tầm quan trọng của CTQP - an

Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành, quản lý của chính quyền các cấp.

c) Chỉ đạo LLVT địa phương phối hợp với công an nhân dân giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Tình hình hiện nay, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ thường xuyên và cấp bách ở địa phương, góp phần làm thất bại âm mưu DBHB, BLLD của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị để tạo điều kiện phát triển kinh tế – xã hội.

Làm tốt nhiệm vụ đó, LLVT địa phương phải luôn phối hợp chặt chẽ với công an nhân dân ở mọi nơi, nhất là ở các địa bàn trọng yếu.

d) Xây dựng LLVT địa phương làm nòng cốt cho khu vực phòng thủ

Xây dựng LLVT địa phương là một nhiệm vụ thường xuyên của CTQP ở địa phương.

LLVT địa phương mạnh làm nòng cốt cho sức mạnh quốc phòng của khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), là yếu tố quan trọng để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân ở địa phương.

Mỗi địa phương trực tiếp xây dựng LLVT của mình và có trách nhiệm tham gia xây dựng các lực lượng khác : công an nhân dân, chủ lực và LLDBĐV tại địa phương.

Quá trình xây dựng LLVT địa phương cần nắm vững chức năng, yêu cầu nhiệm vụ của từng lực lượng, quán triệt phương hướng, quan điểm xây dựng để đảm bảo cho LLVT có độ tin cậy chính trị và là lực lượng nòng cốt cho khu vực phòng thủ và CTQP ở địa phương.

151
558.96

e) Xây dựng LLDBĐV, tuyển quân bảo đảm cho phát triển quân đội

Xây dựng LLDBĐV là một nhiệm vụ chiến lược lâu dài của đất nước. Thời bình chỉ duy trì một phần lực lượng thường trực, còn chủ yếu là LLDBĐV.

Phương hướng xây dựng LLDBĐV là "hùng hậu, được huấn luyện kĩ và quản lí tốt, sẵn sàng huy động kịp thời theo kế hoạch", xây dựng LLDBĐV là một nhiệm vụ quan trọng ở địa phương.

Trong xây dựng LLDBĐV ở địa phương có hai khâu chủ yếu là tạo nguồn (dầu vào) và đăng kí quản lí nguồn (dầu ra). Đăng kí quản lí nguồn bao gồm cả con người và cơ sở vật chất, trang bị kĩ thuật của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân.

Tuyển quân là một nhiệm vụ được tiến hành thường xuyên hằng năm theo luật định, là công việc có quan hệ trực tiếp đến sức mạnh chiến đấu của LLVT trước mắt và lâu dài, nên phải làm nghiêm túc, chặt chẽ từ khâu tuyển chọn, gọi nhập ngũ ở địa phương.

f) Thi hành chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước về củng cố quốc phòng

Địa phương là nơi triển khai triển khai tổ chức thực hiện mọi công tác quốc phòng nên phải nghiêm chỉnh thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật về quốc phòng – an ninh, như chế độ quy định về phân cấp quản lí; chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, sinh hoạt phí đối với các cấp trong xã; chế độ trợ cấp cho các đối tượng chính sách khi tham gia LLVT. Các pháp lệnh về dự bị động viên; về dân quân tự vệ; nghị định về GDQP cho các đối tượng... Chấp hành tốt chính sách là trực tiếp động viên vật chất, tinh thần cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Quá trình thực hiện chủ trương chính sách phải phát huy tính năng động sáng tạo đạt hiệu quả cao. Đồng thời động viên toàn dân, các

đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế – xã hội tích cực tham gia, với tinh thần "nhà nước và nhân dân cùng làm", toàn dân chăm lo sự nghiệp quốc phòng – an ninh.

3. Một số biện pháp chủ yếu thực hiện công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, địa phương

Để quản lí nhà nước về quốc phòng và thực hiện tốt CTQP ở Bộ, ngành, địa phương chúng ta phải có nhiều biện pháp, vận dụng linh hoạt sáng tạo các biện pháp đó trong từng Bộ, ngành, địa phương vào các công việc cụ thể. Trong đó cần tập trung vào một số biện pháp chủ yếu sau :

a) Tăng cường công tác GDQP

GDQP nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người, nhất là cán bộ các cấp về CTQP. GDQP cần được tiến hành thường xuyên và đưa vào nền nếp hoạt động của các Bộ, ngành, địa phương.

Để làm tốt công tác GDQP, trên cơ sở tiêu chuẩn hoá kiến thức quốc phòng cho từng đối tượng mà nhà nước đã quy định. Các Bộ, ngành, địa phương phải triển khai rộng, có nhiều hình thức phương pháp đa dạng, linh hoạt cho mọi đối tượng, nhất là cán bộ chủ trì các cấp. Đây là những cán bộ liên quan trực tiếp đến CTQP, quản lí nhà nước về quốc phòng. Hiện nay, một cán bộ chủ trì phải giỏi về quản lí kinh tế – xã hội, đồng thời phải có kiến thức về quốc phòng, để chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt CTQP ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp chỉ đạo chặt chẽ thống nhất, có kế hoạch cụ thể từ khâu lập chương trình, nội dung, giáo viên giảng dạy đến việc đầu tư ngân sách, bảo đảm cơ sở vật chất cho dạy và học môn GDQP ở các Bộ, ngành, địa phương theo đúng quy định của Chính phủ và chỉ đạo của Hội đồng GDQP trung ương.

b) Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về quốc phòng

Bộ máy quản lý nhà nước về quốc phòng ở nước ta từ trước đến nay được thiết lập và hoạt động ở các cấp từ trung ương đến địa phương. Qua quá trình hoạt động ở các Bộ, ngành, tổ chức luôn được kiện toàn cho phù hợp với tình hình thực tế. Ở các cơ quan địa phương luôn duy trì hình thức cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Để đảm bảo cho bộ máy quản lý nhà nước về quốc phòng hoạt động có hiệu quả, chúng ta từng bước nghiên cứu hoàn thiện công tác tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm hợp lý, cụ thể là :

- Rà soát lại hệ thống cơ quan, cán bộ làm CTQP ở các Bộ, ngành, địa phương theo quy định của Chính phủ và thông tư liên Bộ về CTQP.
- Cùng với việc lựa chọn, sắp xếp cán bộ theo tiêu chuẩn, chức danh, tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên sâu, giỏi về CTQP, trước mắt và lâu dài.
- Mỗi Bộ, ngành phân công một thủ trưởng phụ trách, chỉ đạo về CTQP.
- Các cơ quan làm tham mưu về CTQP (Bộ Quốc phòng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, huyện...) cần ổn định biên chế tổ chức, không ngừng nâng cao chất lượng chính trị và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ này.

c) Hoàn thiện về hệ thống chính sách, pháp luật và nâng cao ý thức trách nhiệm công dân về CTQP

Pháp luật, chính sách là những vấn đề tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện CTQP, phải được hình thành một cách hệ thống đồng bộ, hoàn chỉnh, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước và tác động tích cực đối với việc thực hiện CTQP. Các quy định trong pháp luật cần bảo đảm tính khả thi, có tác dụng duy trì chặt chẽ các hoạt động, thúc đẩy ý thức tự giác của mọi công dân với nhiệm vụ quốc phòng.

Một số luật cần được hoàn thiện và thực thi như : Luật về quốc phòng, pháp lệnh về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, quy chế kết hợp kinh tế - quốc phòng - an ninh - đối ngoại, pháp lệnh động viên tiềm lực kinh tế phục vụ cho quốc phòng.

Đồng thời cần bổ sung điều chỉnh một số chính sách về quốc phòng mà trong tình hình mới một số nội dung không phù hợp nữa, như chính sách xây dựng LLVT, củng cố quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội, chính sách đãi ngộ vật chất tinh thần đối với lực lượng DQTV.

Cùng với việc hoàn thiện dần hệ thống pháp luật, chính sách về CTQP, cần phải động viên ý thức trách nhiệm của công dân, nhất là thế hệ trẻ trong việc thực hiện CTQP, với phương châm : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra CTQP.

KẾT LUẬN

CTQP ở Bộ, ngành, địa phương là một bộ phận quan trọng trong CTQP của cả nước ta cũng là những vấn đề mới, phức tạp còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu, giải quyết ; được tiến hành cả trong các Bộ, ngành, cả ở địa phương trên cả nước, đòi hỏi các cấp, các ngành phải có nhận thức đúng đắn, sâu sắc và trong quá trình thực hiện phải hợp đồng chặt chẽ.

Những nội dung CTQP ở Bộ, ngành, địa phương rất rộng, toàn diện, thực hiện tốt những nội dung đó cũng là góp phần thiết thực giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn của Bộ, ngành, địa phương và cả nước.

Quá trình tổ chức thực hiện CTQP còn nhiều khó khăn, sẽ có những vấn đề mới nảy sinh. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp luôn nắm vững quan điểm đường lối QPTD, tư duy mới về quốc

phòng của Đảng để chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan và cán bộ làm CTQP phát huy tốt chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện. Làm được như thế thì CTQP nhất định sẽ đạt kết quả cao.

Đối với sinh viên cần học tập, nghiên cứu nắm vững các nội dung về CTQP, vận dụng vào hoạt động thực tiễn của mình, góp phần thiết thực tăng cường tiềm lực quốc phòng cho đất nước.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung.
- Trao đổi sinh viên với sinh viên.
- Thảo luận tập trung ở tổ, lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Đặc điểm, vị trí CTQP ở Bộ, ngành, địa phương.
- Nhiệm vụ cơ bản của CTQP ở Bộ, ngành, địa phương.

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định 19/CP ngày 12/03/1994 về CTQP ở Bộ, ngành, địa phương.
- Chỉ thị 20/2000/CTCTTG ngày 6/10/2000 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị định 19/CP.
- Thông tư 1915/QP-TT ngày 11/10/1994 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định 19/CP.
- Bộ Quốc phòng, Giáo trình Giáo dục quốc phòng dùng trong các nhà trường chính trị, hành chính, đoàn thể, Tập 2, NXB QĐND, H. 1998.

3.6.8.95
3.6.8.95
3.6.8.95

Bài 9

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên nhận thức được vị trí, tác dụng, quan điểm, nội dung, biện pháp xây dựng LLDBĐV và động viên công nghiệp.

– Trên cơ sở đó, nâng cao trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành chương trình học tập GDQP theo quy định. Chấp hành đáng kể nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng nhập ngũ để xây dựng quân đội nhân dân khi có lệnh động viên.

B – NỘI DUNG

I – XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Khái niệm, vị trí, công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

a) Khái niệm

LLDBĐV gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực quân sự là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Quân nhân dự bị gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

Phương tiện kỹ thuật gồm phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc y tế và một số phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định (Pháp lệnh về LLDBĐV 1996).

Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch biên chế cho lực lượng thường trực của quân đội, thông qua các đơn vị dự bị động viên. Trong thời bình LLDBĐV được đăng kí, quản lí, huấn luyện theo chương trình quy định và sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

b) Vị trí xây dựng LLDBĐV

Xây dựng LLDBĐV giữ vị trí quan trọng trong chiến lược quốc phòng – an ninh bảo vệ Tổ quốc XHCN. Là nhiệm vụ cơ bản nhất, góp phần xây dựng tiềm lực QPTD, thế trận QPTD, thế trận chiến tranh nhân dân và bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh. Thể hiện sự quán triệt quan điểm về kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp kinh tế – quốc phòng, quốc phòng – kinh tế.

LLDBĐV được xây dựng tốt sẽ làm nòng cốt trong xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội, trong thực hiện chiến lược quốc phòng – an ninh bảo vệ Tổ quốc. Với vị trí quan trọng đó ngày 27/8/1996 Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua pháp lệnh về LLDBĐV và ngày 9/9/1996 Chủ tịch nước đã kí công bố pháp lệnh này. Điều đó thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn dân trong việc tổ chức thực hiện xây dựng LLDBĐV nhằm góp phần củng cố tăng cường nền QPTD, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đối phó khi đất nước có chiến tranh.

2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

a) Xây dựng LLDBĐV bảo đảm số lượng đông, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

LLDBĐV được huy động theo yêu cầu, nhiệm vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, yêu cầu đó được xác định trong kế hoạch động viên quân

đội của Nhà nước. Quy mô huy động phụ thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn chiến tranh, do đó công tác xây dựng LLDBĐV phải được tiến hành rất tích cực ngay trong thời bình.

Xu hướng chung các nước trên thế giới ngày nay là giảm quân thường trực, tích cực xây dựng LLDBĐV, coi đó là biện pháp tích cực nhất trong phòng thủ quốc gia. Ở nước ta, tổ chức xây dựng LLDBĐV là một vấn đề quan trọng, quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đặc biệt khi phải đối phó với chiến tranh quy mô lớn. Do đó, ngay từ thời bình, phải xây dựng LLDBĐV hùng hậu mới có khả năng huy động lực lượng cho thời chiến. Cùng với việc bảo đảm số lượng, xây dựng LLDBĐV phải có chất lượng cao.

Khó khăn phức tạp của công tác xây dựng LLDBĐV là quân nhân dự bị và các chủ phương tiện kỹ thuật sống phân tán, luôn biến động, phụ thuộc vào nghề nghiệp, họ chỉ tập trung định kỳ để dự huấn luyện hằng năm. Sự giữ vững ý chí chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật và huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật trong môi trường xã hội cũng như từng hoàn cảnh riêng biệt của mỗi người không đơn giản, đặc biệt trong điều kiện kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, trong khi kẻ thù luôn chống phá ta bằng chiến lược DBHB, BLLĐ. Vì vậy, yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng LLDBĐV mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Để giải quyết mối quan hệ "tĩnh vi dân, động vi binh" trong huấn luyện định kỳ hằng năm phải tập trung giáo dục bản lĩnh chính trị, ý thức kỷ luật và những phẩm chất tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ" cho mọi cán bộ, chiến sĩ dự bị. Đó là cơ sở vững chắc để gắn kết cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên trong các đơn vị mới được thành lập, bảo đảm cho họ hoàn thành được mọi nhiệm vụ.

Cùng với việc xây dựng LLDBĐV mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức phải nâng cao trình độ cho cán bộ, chiến sĩ ; huấn luyện quân sự phải được tiến hành nghiêm túc theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng đảm bảo LLDBĐV không bị lạc hậu so với trình độ

chiến đấu của các đơn vị thường trực. Đồng thời phải có quy chế tổ chức quản lí LLDBĐV chặt chẽ ở các cấp, nhất là cấp cơ sở. Xây dựng LLDBĐV phải có bước đi vững chắc, cách làm hiệu quả thiết thực. Bảo đảm toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các đơn vị dự bị động viên có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực làm nhiệm vụ khẩn cấp. Cần có các biện pháp tập trung chỉ đạo thực hiện tạo nguồn, quản lí nguồn, sắp xếp đơn vị để huấn luyện, tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị.

b) Xây dựng LLDBĐV phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong xây dựng LLDBĐV là quan điểm cơ bản của Đảng ta trong xây dựng nền QPTĐ. Xây dựng LLDBĐV là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, bắt nguồn từ sự lãnh đạo trực tiếp tuyệt đối về mọi mặt của Đảng từ trung ương đến cơ sở, được thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật của cơ quan lập pháp, bằng sự điều hành của chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, sự hiệp đồng thực hiện giữa đơn vị quân đội, cơ quan quân sự với các cơ quan trong hệ thống chính quyền, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội... và sự chăm lo xây dựng của toàn xã hội.

Thực hành nhiệm vụ xây dựng LLDBĐV là chấp hành *Luật Nghĩa vụ quân sự, luật về LLDBĐV*, các văn bản pháp quy của nhà nước. Đó là vận hành cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động toàn dân cùng thực hiện... Chính quyền các cấp là cơ quan trực tiếp quản lí điều hành và tổ chức thực hiện, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng từ trung ương đến cơ sở. Các cơ quan chức năng trong hệ thống chính quyền cần nhận thức xây dựng LLDBĐV là một nhiệm vụ không thể thiếu được của ngành mình.

c) Xây dựng LLDBĐV đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ ngành

Xây dựng LLDBĐV đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng là một nội dung quan trọng, khẳng định nguyên tắc Đảng lãnh đạo trực tiếp tuyệt đối về mọi mặt đối với LLVT. Bởi vì, LLDBĐV được xây dựng nhằm bảo đảm duy trì sức mạnh cho quân đội, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Sự chỉ đạo của Đảng trong xây dựng LLDBĐV được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước, từ chuẩn bị đến thực hành động viên lực lượng. Sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng ở địa phương, ở các bộ ngành được cụ thể hoá bằng nghị quyết, chỉ thị, bằng các văn bản, các biện pháp kiểm tra việc tổ chức thực hiện, làm cho sự lãnh đạo của Đảng với nhiệm vụ xây dựng LLDBĐV đi vào nề nếp từ cơ sở, trung ương, trong và ngoài quân đội.

Trong lãnh đạo, các cấp uỷ cần chú trọng đến chất lượng lãnh đạo trong từng đơn vị LLDBĐV, chọn xếp vào từng đơn vị đó, tỉ lệ đảng viên phù hợp với khả năng của mình, đồng thời có kế hoạch triển khai tổ chức Đảng khi cần thiết.

3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

Để đáp ứng với yêu cầu tình hình nhiệm vụ trong thời kì mới, quá trình xây dựng LLDBĐV cần tập trung vào các nội dung :

a) Đăng kí, quản lí LLDBĐV

LLDBĐV gồm quân nhân dự bị và phương tiện kĩ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội, yêu cầu xây dựng LLDBĐV phải bảo đảm đủ chỉ tiêu, đúng tiêu chuẩn, đúng thời gian, bí mật, an toàn. Đăng kí, quản lí LLDBĐV phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ, chính xác.

Đối với quân nhân dự bị phải đăng kí, quản lí chính xác theo từng chuyên nghiệp quân sự, độ tuổi, loại sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình,

trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ. Những quy định cụ thể của từng đối tượng đã được pháp lệnh dự bị động viên quy định trong *Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam*.

Đối với phương tiện kĩ thuật : phải đăng kí, quản lí chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kĩ thuật của từng phương tiện ; nghiên cứu phân loại từng phương tiện để xếp theo kế hoạch động viên và luôn theo dõi những thay đổi của chúng, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp chế độ, thủ tục đăng kí và quản lí phương tiện kĩ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội do Chính phủ quy định.

Đăng kí, quản lí LLDBĐV là cơ sở đầu tiên để nắm chính xác thực lực nguồn động viên. Phải phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp, đồng bộ giữa địa phương, bộ, ngành và quân đội. Các đơn vị thường trực từ khi có quân nhân chuẩn bị xuất ngũ cần làm tốt một số việc : trước lúc xuất ngũ phải giáo dục và kiểm tra chặt chẽ để làm cơ sở cho địa phương đăng kí, quản lí. Khi quân nhân xuất ngũ, phải thông báo cho địa phương và cử cán bộ về bàn giao tại ban chỉ huy quân sự huyện (quận) đầy đủ.

Địa phương giữ vai trò chính trong đăng kí, quản lí LLDBĐV và chuẩn bị để sẵn sàng động viên, cần làm tốt các việc : Thực hiện các chế độ đăng kí, quản lí cơ bản LLDBĐV. Cùng các đơn vị thường trực bổ nhiệm sắp xếp quân nhân dự bị. Thường xuyên thông báo những biến động của LLDBĐV với cấp trên theo quy định.

b) Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên

Căn cứ vào chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng LLDBĐV, trên cơ sở kết quả đăng kí, quản lí quân nhân dự bị và phương tiện kĩ thuật và tình hình, đặc điểm của đơn vị, địa phương để tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kĩ thuật, hiện nay đơn vị dự bị động viên được

tổ chức theo các loại hình : đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ nhân đôi và đơn vị chuyên môn thời chiến. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên phải theo nguyên tắc quy định về chuyên môn, địa lí. Đối với phương tiện kĩ thuật được sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên phải bảo đảm chất lượng phù hợp với yêu cầu sử dụng trong biên chế của từng đơn vị quân đội.

Quân nhân dự bị, phương tiện kĩ thuật được sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên có tỉ lệ dự phòng thích hợp theo quy định.

c) Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên

– Giáo dục chính trị

+ Giáo dục chính trị cho LLDBĐV là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng LLDBĐV nhằm làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, giác ngộ phẩm chất đạo đức cách mạng, trên cơ sở đó, mọi người phát huy hết tinh thần trách nhiệm đóng góp xây dựng quân thường trực khi có chiến tranh xảy ra.

+ Nội dung giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm QPTD, chiến tranh nhân dân, nội dung xây dựng LLDBĐV, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta. Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng. Được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

– Công tác huấn luyện

LLDBĐV được tiến hành hằng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng. Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên là để nâng cao chất lượng toàn diện, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Phương châm huấn luyện : "chất lượng, thiết thực,

hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm". Nội dung huấn luyện gồm kĩ thuật binh chủng, chiến thuật từ cá nhân đến đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và hoạt động chống DBHB, BLLĐ. Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương. Vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện.

Hằng năm, sau khoá huấn luyện, LLDBĐV sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập; đây là hình thức huấn luyện cao, tổng hợp tất cả những nội dung đã huấn luyện trong năm. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị dự bị động viên.

Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ xây dựng LLDBĐV được tiến hành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng LLDBĐV để có chủ trương, biện pháp sát đúng. Theo quy định, cơ quan chức năng cấp trên tổ chức kiểm tra cấp dưới bất kì thời gian nào, lãnh đạo chỉ huy từng cấp tổ chức kiểm tra việc xây dựng LLDBĐV của cấp mình. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng kiểm tra công tác xây dựng LLDBĐV đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương quân khu, tỉnh (thành). Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiểm tra việc xây dựng LLDBĐV của Bộ mình. Chỉ huy trưởng các cơ quan quân sự cấp tỉnh, huyện giúp chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp mình kiểm tra việc xây dựng LLDBĐV đối với các địa phương.

d) Bảo đảm hậu cần kĩ thuật và tài chính cho việc xây dựng LLDBĐV

Vật chất kĩ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng LLDBĐV gồm vũ khí trang bị, hậu cần kĩ thuật và tài chính. Yêu cầu phải có số lượng bảo đảm đủ mức để triển khai khi xây dựng lực lượng và chất lượng ngày càng cao. Nếu không đầu tư đúng mức thì không thể có được LLDBĐV như mong muốn. Mặt

khác nếu đầu tư không đủ sẽ dẫn đến việc xây dựng dở dang vừa hạn chế, vừa lãng phí.

Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hằng năm để xây dựng LLDBĐV, trong tình hình hiện nay, cần quán triệt phương châm trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo xây dựng.

4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

Xây dựng LLDBĐV nhằm bảo đảm sức mạnh cho quân đội. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, trong tình hình mới cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau đây :

a) Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với LLDBĐV

Thường xuyên giáo dục để mọi công dân nhận thức được vị trí, nhiệm vụ, quan điểm, nguyên tắc trong xây dựng LLDBĐV, xác định đó là một yêu cầu thiết thực, nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân đối với LLDBĐV. Trước mắt cần tập trung quán triệt sâu rộng pháp lệnh về dự bị động viên theo Nghị quyết 3Q/CP và các văn bản đã ban hành cho toàn dân nhất là cấp thực hiện trực tiếp ở tỉnh, huyện, xã, các tổ chức kinh tế – xã hội. Biện pháp tiến hành phải đồng bộ, được chuẩn hoá nằm trong hệ thống giáo dục quốc gia, được cụ thể hoá ở nội dung, chương trình trong nhà trường từ cơ sở trở lên. Qua công tác giáo dục tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, đưa công tác xây dựng dự bị động viên vào nề nếp.

b) Thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện

Vận hành tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức

thực hiện, yếu tố quyết định tạo ra sức mạnh của LLDBĐV đáp ứng với yêu cầu khi có lệnh huy động tổng động viên lực lượng.

Trước hết các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở xác định rõ chủ trương, biện pháp lãnh đạo, bộ máy nhà nước hoạt động đúng chức năng, có hiệu quả trong xây dựng LLDBĐV ở từng giai đoạn.

Trên cơ sở vận hành tốt cơ chế, nâng cao hiệu lực lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chức năng điều hành của chính quyền, vai trò làm tham mưu tổ chức thực hiện của các cơ quan ban ngành nhất là cơ quan quân sự trung tâm chỉ huy hiệp đồng giữa các ban ngành. Đồng thời, huy động sức mạnh toàn dân cùng tham gia xây dựng LLDBĐV.

c) Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng LLDBĐV

Cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng LLDBĐV có vị trí quan trọng, trực tiếp giúp cấp uỷ, chính quyền chỉ đạo công tác tổ chức, xây dựng, huy động LLDBĐV ở các cấp. Chính quyền các cấp, các tổ chức kinh tế – xã hội của các ngành phải được bố trí đầy đủ cán bộ chuyên trách làm công tác xây dựng LLDBĐV theo quy định, nhất là ở tuyến cơ sở. Lực lượng này được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao, có lập trường tư tưởng vững vàng để làm tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy và là người trực tiếp triển khai thực hiện xây dựng LLDBĐV.

d) Thực hiện nghiêm túc đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với LLDBĐV

Chế độ chính sách có ý nghĩa rất lớn, chế độ chính sách phù hợp, thể hiện sự công bằng xã hội đúng với sự cống hiến của quân nhân dự bị, sẽ thúc đẩy LLDBĐV phát triển. Trong tình hình hiện nay phải kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục động viên với chế độ chính sách đúng đối với LLDBĐV. Trước mắt tổ chức hướng dẫn thực hiện cụ thể một số

chế độ chính sách trong xây dựng LLDBĐV mà pháp lệnh về xây dựng LLDBĐV đã ban hành. Đồng thời thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, làm tốt các yêu cầu, chế độ tiêu chuẩn đối với LLDBĐV.

II – ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Nhà nước sẽ thực hiện động viên nền kinh tế quốc dân cho quốc phòng như các ngành công nghiệp, khoa học công nghệ và các ngành kinh tế sản xuất kinh doanh khác. Động viên công nghiệp là một mặt quan hệ trong động viên nền kinh tế nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng để đánh bại chiến tranh xâm lược.

"Động viên công nghiệp là sự huy động về nhân lực, về cơ sở vật chất trang bị kỹ thuật của ngành công nghiệp nhà nước, thủ công nghiệp địa phương, trong đó có một phần công nghiệp quốc phòng. Những thành phần công nghiệp đó được huy động trong thời bình, đặc biệt trong thời chiến. Nhằm mục đích xây dựng tiềm lực quốc phòng vững mạnh, phục vụ cho chiến tranh".

Về nhân lực sẽ huy động cán bộ, công nhân viên chuyên môn kỹ thuật ở các doanh nghiệp, xí nghiệp, nhà máy, các đơn vị sản xuất; các cán bộ nhân viên viện nghiên cứu thuộc ngành công nghiệp.

Về phương tiện sẽ huy động cơ sở vật chất kỹ thuật của các doanh nghiệp, xí nghiệp, nhà máy, các viện nghiên cứu của ngành công nghệ kể cả trung ương và địa phương.

1. Vị trí động viên công nghiệp

a) Động viên công nghiệp để nâng cao tiềm lực quốc phòng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Tiềm lực quốc phòng được thể hiện trên tất cả các mặt: tiềm lực chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ... trong đó việc huy động nền

135.033.1
1884
1999.501

công nghiệp cho quốc phòng là yếu tố tạo sức mạnh trực tiếp về vật chất, kĩ thuật cho lực lượng thường trực của quân đội, đáp ứng kịp thời, tại chỗ những yêu cầu của chiến tranh. Bởi vậy ngay từ thời bình phải tích cực chủ động chuẩn bị cho động viên công nghiệp, có kế hoạch, có phương án và các bước thực hiện cụ thể để động viên nền kinh tế quốc dân nói chung, và động viên nền công nghiệp nói riêng cho quốc phòng.

Huy động nền công nghiệp cho quốc phòng là chuyển hoá tiềm lực kinh tế của đất nước thành thực lực, làm thay đổi sự so sánh tổng thể lực lượng, nhằm tạo ra khối lượng lớn về thiết bị chiến tranh để duy trì sức chiến đấu cho quân đội. Trong chiến tranh thế giới lần thứ II quân Đức thất bại do nhiều nguyên nhân, trong đó có kiệt quệ về tiềm lực kinh tế, họ không huy động được tổng thể nền công nghiệp kịp thời phục vụ cho quân đội chiến đấu.

b) Động viên công nghiệp là một mặt quan trọng trong động viên nền kinh tế của đất nước cho quốc phòng nhất là khi đất nước có chiến tranh

Động viên công nghiệp là một trong các biện pháp động viên kinh tế của đất nước, nhằm chuyển hướng nền công nghiệp của nhà nước, nền công nghiệp, thủ công nghiệp của địa phương và công nghiệp quốc phòng sang phục vụ cho chiến tranh. Trong thời chiến do yêu cầu nhiệm vụ tác chiến, để duy trì sức chiến đấu liên tục đủ mạnh cho LLVT đánh thắng kẻ thù lớn hơn ta, cần phải huy động tối đa mức độ khối lượng kinh tế của cả nước nhất là ngành công nghiệp.

Để động viên công nghiệp có hiệu quả phải nắm vững yêu cầu của cuộc chiến tranh, tình hình, nhiệm vụ tác chiến, khả năng nền công nghiệp của đất nước đến từng nhà máy xí nghiệp, trong từng giai đoạn, để có kế hoạch phân bổ, điều tiết hợp lí cho từng đơn vị LLVT, từng loại hình binh chủng, kĩ thuật đạt được sự đồng bộ, cân đối, hợp lí ở mức cao nhất. Tạo sức mạnh duy trì được sức chiến đấu cho lực lượng thường trực của quân đội.

c) Động viên công nghiệp nhằm sắp xếp một cách hợp lý nền kinh tế quốc dân, vừa phục vụ quốc phòng vừa bảo đảm đời sống nhân dân

Trong thời bình, nền kinh tế có những mục tiêu, kế hoạch đặc thù của nó nhằm phục vụ xây dựng đất nước. Do yêu cầu của chiến tranh buộc phải chuyển đổi nền kinh tế phù hợp để đảm bảo giữ vững ổn định cuộc sống dân sinh, vừa chi viện trực tiếp cho chiến đấu chống quân xâm lược, cần sắp xếp lại nền kinh tế của đất nước, trong đó có ngành công nghiệp, phù hợp với điều kiện của chiến tranh, là vấn đề hết sức bức thiết.

Sắp xếp nền kinh tế của đất nước, đặc biệt nền công nghiệp cho quốc phòng trong thời chiến, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ trong từng giai đoạn, thực hiện cân đối, tiết kiệm có trọng điểm. Trước hết ưu tiên cho nhiệm vụ tác chiến, cho lực lượng làm nhiệm vụ quan trọng trên từng hướng, từng vùng. Cần kết hợp chặt chẽ giữa địa phương và trung ương bảo đảm cung cấp vũ khí, trang thiết bị, lương thực... kịp thời và có tính cơ động cao.

2. Nội dung động viên công nghiệp

Động viên công nghiệp được thực hiện trên tất cả các mặt gồm con người, cơ sở vật chất, kĩ thuật, trong lĩnh vực trực tiếp sản xuất và lĩnh vực nghiên cứu thuộc ngành công nghiệp. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, động viên công nghiệp được thể hiện ở một số mặt như :

- Chuyển đổi và mở rộng các doanh nghiệp, các nhà máy xí nghiệp của nhà nước và tư nhân ở trung ương và địa phương sang phục vụ cho quốc phòng.

- Chuyển đổi, mở rộng và phát triển các cơ sở, vụ, viện nghiên cứu thuộc ngành công nghiệp sang phục vụ cho quốc phòng.

3. Nhiệm vụ động viên công nghiệp

Động viên công nghiệp được thể hiện từ trách nhiệm nghiên cứu về tổ chức, quản lí, điều hành đối với từng lĩnh vực hoạt động công nghiệp, để cải tiến, phát triển phục vụ cho quốc phòng, nhất là khi đất nước bước vào chiến tranh. Nhiệm vụ động viên công nghiệp được thực hiện trên một số điểm như :

- Xác định chỉ tiêu nhu cầu của công nghiệp cần phải huy động và sản xuất cho quốc phòng như vũ khí, chất nổ, trang bị, khí tài, quân dụng trong thời kì đầu, năm đầu của cuộc chiến tranh, bảo đảm đủ sức cho LLVT chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

- Tổ chức đăng kí để nắm thực lực về tiềm năng của ngành công nghiệp như : Lực lượng lao động, công cụ, công nghệ, nguồn dự trữ vật tư làm cơ sở cho việc thực hiện tổ chức động viên công nghiệp trong thời chiến.

- Động viên đủ số lượng, chất lượng, chủng loại, LLDBDV của ngành công nghiệp theo kế hoạch của Nhà nước.

- Giao nhiệm vụ xác định chỉ tiêu, định mức công suất, mức độ sản xuất cho các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thuộc ngành công nghiệp về số lượng, chất lượng, khả năng tham gia sản xuất vũ khí, trang bị, các phương tiện phục vụ cho chiến tranh, trên cơ sở phải đạt yêu cầu gọn, nhẹ, dễ sử dụng, nhiều tác dụng, có hiệu quả, ngày càng hiện đại phù hợp với địa hình, cách đánh của ta.

- Xác định nhiệm vụ cho các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất khác thuộc ngành công nghiệp kể cả trung ương và địa phương. Cải tiến nâng cao tính năng tác dụng của các loại vũ khí, trang bị kĩ thuật, các loại vũ khí tự tạo theo kinh nghiệm truyền thống để phục vụ cho quốc phòng.

- Tổ chức điều hành các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thực hiện chỉ tiêu, bảo đảm kĩ thuật sửa chữa vũ khí thiết bị quân sự để duy trì sức chiến đấu cho LLVT nhất là các quân binh chủng.

– Nghiên cứu hoàn chỉnh các công trình, công nghệ, đề tài khoa học quân sự, dây chuyền sản xuất và sửa chữa cho quốc phòng theo đúng kế hoạch được phân công theo đúng chuyên môn hóa ngành công nghiệp ở địa phương trong thời chiến để phục vụ tại chỗ.

– Nghiên cứu quản lý bảo quản chặt chẽ, bí mật an toàn phân phối, điều tiết sản phẩm công nghiệp cho LLVT, tăng cường tổ chức đúc rút kinh nghiệm trong điều hành động viên công nghiệp, kịp thời bổ sung và phát triển.

4. Những biện pháp chủ yếu về tổ chức động viên công nghiệp

a) Tăng cường giáo dục, quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về động viên công nghiệp

Giáo dục, quán triệt động viên công nghiệp cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cho các cấp, ngành là một yêu cầu hết sức cần thiết nhằm nâng cao nhận thức về động viên nền công nghiệp của đất nước, trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm của mọi công dân, mọi ngành, mọi cấp nhất là ngành công nghiệp đóng góp xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng theo yêu cầu nhiệm vụ.

Nội dung giáo dục toàn diện, tập trung quán triệt vị trí, nội dung nhiệm vụ, quan điểm của Đảng về động viên công nghiệp. Giáo dục được tiến hành thường xuyên trong thời bình và khi có chiến tranh nhằm để phát huy mọi khả năng động viên nền công nghiệp của đất nước cho chiến tranh.

b) Phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành trong động viên công nghiệp

Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp các ngành trong động viên công nghiệp là thể hiện ý thức trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp từ trung ương đến cơ sở đối với việc chấp hành động viên công nghiệp thời chiến. Lấy công nghiệp trung ương làm vai trò chủ đạo trong sản xuất và sửa chữa các thiết bị phương tiện kỹ thuật với quy

mô lớn cho bộ đội chủ lực. Công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương cùng tham gia đóng góp sản xuất sửa chữa những thiết bị phục vụ theo yêu cầu của bộ đội địa phương. Huy động sự đóng góp của các ngành kinh tế khác trên phạm vi cả nước và trên từng vùng để cung cấp các sản phẩm công nghiệp cho quốc phòng đảm bảo kịp thời và cơ động.

c) Kiện toàn sắp xếp cân đối hợp lý nguồn lực phương tiện về công nghiệp, phát huy hiệu quả trong sản xuất và sửa chữa

Triển khai sắp xếp lại nguồn lực, điều chỉnh phương tiện sản xuất, áp dụng các chính sách chế độ, phối hợp động viên tổ chức sử dụng có hiệu quả khả năng của các doanh nghiệp xí nghiệp, nhà máy, các đơn vị sản xuất thuộc ngành công nghiệp nhà nước, công nghiệp thủ công nghiệp địa phương để sản xuất và sửa chữa làm ra nhiều sản phẩm công nghiệp kịp thời phục vụ cho chiến tranh.

Kiện toàn sắp xếp hợp lý giữa bộ phận công nghiệp quốc phòng đã có trước đây với ngành công nghiệp nhà nước ; công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương khi đã được động viên cho quốc phòng. Công nghiệp quốc phòng làm trung tâm trong tổ chức quản lý điều hành và chỉ đạo kĩ thuật, phối hợp chặt chẽ trong hoạt động sản xuất tạo ra năng suất lớn, hiệu quả cao.

KẾT LUẬN

Xây dựng LLDBĐV, động viên công nghiệp là nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước, nhằm xây dựng tiềm lực vững mạnh cho quốc phòng, chủ động đối phó kịp thời với mọi tình huống nhất là khi chiến tranh xảy ra. Xây dựng LLDBĐV và động viên công nghiệp phải có kế hoạch chủ động ngay trong thời bình. Cần nhận thức đúng về vị trí, ý nghĩa, nhiệm vụ, quan điểm của Đảng về xây dựng LLDBĐV và động viên công nghiệp trong giai đoạn mới, chủ động hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng nhất là Bộ Quốc phòng với các địa phương, các bộ ngành tạo ra sự thống nhất cao.

Sinh viên là đội ngũ trí thức trẻ, cần nghiên cứu học tập, tìm hiểu nắm vững nội dung về xây dựng LLDBĐV và động viên công nghiệp, đề cao trách nhiệm, phát huy sức sáng tạo của tuổi trẻ góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng LLDBĐV và động viên công nghiệp theo cương vị chức trách.

*

*

*

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung.
- Thảo luận ở tổ hoặc lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Nội dung xây dựng LLDBĐV trong giai đoạn hiện nay.
- Nội dung động viên công nghiệp.
- Biện pháp động viên công nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

2. Tài liệu tham khảo

– Bộ Quốc phòng – Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình giáo dục quốc phòng*, dùng trong hệ thống trường chính trị, hành chính, đoàn thể, Tập 2, NXB QĐND, H. 1998, Tr. 101.

– Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo dục quốc phòng trong các nhà trường cao đẳng, đại học Tập 2*, NXB QĐND, H. 1992, Tr. 169.

– *Pháp lệnh dự bị động viên 1996.*

Bài 10

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Bồi dưỡng cho sinh viên hiểu vị trí, chức năng, đặc điểm, nhiệm vụ, quan điểm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (LLDQTV) trong tình hình mới.

– Nắm được nội dung và biện pháp về xây dựng LLDQTV làm cơ sở để vận dụng vào nhiệm vụ được giao sau khi ra trường.

B – NỘI DUNG

I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Khái niệm về dân quân tự vệ

"Dân quân tự vệ là LLVT quần chúng, không thoát li sản xuất, công tác, là một bộ phận của LLVTND của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý điều hành của Chính phủ và của uỷ ban nhân dân, sự chỉ đạo chỉ huy trực tiếp của cơ quan quân sự các cấp".

2. Vị trí, chức năng, đặc điểm của dân quân tự vệ

a) Vị trí

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, DQTV là một lực lượng chiến lược trong chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ địa phương. Chủ tịch Hồ

• Chỉ Minh đã nói "Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch nào có hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã". Trong tình hình hiện nay, nhân dân ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Chúng ta phải đối phó với chiến lược DBHB, BLLD và sẵn sàng chiến đấu chống mọi tình huống chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch. LLDQTV đang là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước tại địa phương, cơ sở.

b) Chức năng của dân quân tự vệ

DQTV là một trong những lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, là cơ sở để tiến hành vũ trang toàn dân, chiến tranh nhân dân ở địa phương, ở các đơn vị cơ sở các cấp Bộ, ngành trong bảo vệ Tổ quốc XHCN.

DQTV là lực lượng xung kích trong lao động sản xuất làm ra của cải vật chất cho xã hội, thực hiện dân giàu, nước mạnh là lực lượng chống thiên tai địch họa, khắc phục hậu quả bảo vệ mùa màng tài sản cho nhân dân trên địa bàn.

DQTV là một trong ba thứ quân của LLVTND là cơ sở vững chắc để xây dựng quân đội nhân dân, là nguồn bổ sung cho quân đội.

c) Đặc điểm của DQTV

DQTV là lực lượng tại chỗ, gắn với địa bàn, sinh hoạt tại cơ sở; vũ khí, trang bị thường là không hiện đại, rất năng động trong tự tạo vũ khí để đánh địch. Được bảo đảm hậu cần tại chỗ.

3. Nhiệm vụ của dân quân tự vệ

DQTV có 4 nhiệm vụ cơ bản là :

05
929.5t

- Sẵn sàng chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng địch, luôn làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc bảo vệ địa phương cơ sở.

- Phối hợp với công an, bộ đội biên phòng, bộ đội thường trực và các đoàn thể nhân dân, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các công trình quốc phòng, các kho vũ khí trang bị kỹ thuật, phát hiện và thu giữ các loại vũ khí, trang bị quân sự tồn giữ bất hợp pháp ở địa phương. Tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Bổ sung cho quân đội, phối hợp với quân đội chiến đấu phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến.

- Gương mẫu chấp hành vận động nhân dân thực hiện mọi đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xung kích trong lao động sản xuất, bảo vệ sản xuất phòng chống khắc phục hậu quả của thiên tai, địch họa và các sự cố nghiêm trọng khác.

4. Quan điểm nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

a) Xây dựng LLDQTV vững mạnh, rộng khắp coi trọng chất lượng là chính

- Để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, LLDQTV ở các địa phương phải được xây dựng vững mạnh toàn diện, từ tổ chức biên chế, trang bị, đến giáo dục huấn luyện và cơ chế lãnh đạo, chỉ huy. Mỗi tổ chức DQTV phải vững vàng về chính trị, chặt chẽ về tổ chức, nghiêm chỉnh về kỷ luật; sử dụng thành thạo vũ khí trang bị kỹ thuật và tinh thông về chiến thuật, để có thể hoạt động chiến đấu và phục vụ chiến đấu cao, thực sự là lực lượng nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc, toàn dân xây dựng quốc phòng ở cơ sở.

- DQTV được xây dựng rộng khắp trong cả nước, ở tất cả làng bản, xã phường, thị trấn, các nhà trường, cơ sở nghiên cứu, các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế trong và ngoài quốc doanh. Đáp ứng

với yêu cầu phòng thủ quốc gia bảo đảm thế bố trí chiến lược cũng như triển khai thế trận quốc phòng ở các địa phương, cơ sở.

– Xây dựng LLDQTV vững mạnh rộng khắp phải luôn giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số và chất lượng. Số lượng phải phù hợp, có chất lượng cao là một yêu cầu cơ bản trong tổ chức xây dựng LLDQTV hiện nay. Không chạy theo số lượng mà coi nhẹ chất lượng, nắm vững phương châm lấy chất lượng làm chính, cốt lõi là chất lượng chính trị. Do đó, trong tuyển lựa DQTV đưa vào đội ngũ những công dân có lí lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa bàn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, luôn chấp hành mọi chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, gương mẫu trong lao động sản xuất, không có tiền án, tiền sự, có sức khoẻ phù hợp với hoạt động DQTV.

b) Quán triệt quan điểm QPTD và nguyên tắc công bằng xã hội, pháp chế hoá nghĩa vụ tham gia tổ chức DQTV

– Để củng cố, giữ vững an ninh quốc phòng phải huy động sức mạnh của toàn dân, của hệ thống chính trị. DQTV là lực lượng chiến lược của nền QPTD, được tổ chức khắp trên mọi địa bàn theo yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Quan điểm nền QPTD được thể hiện bằng sự tham gia đồng đẳng của nhân dân vào LLDQTV, trực tiếp cầm súng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ ở các địa bàn toàn quốc. Trong chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ "Chỉ có lực lượng của toàn dân mới có thể giải phóng dân tộc ra khỏi ách áp bức thống trị bạo ngược, chứ cá nhân hành động dù cá nhân ấy anh hùng thế nào cũng không đi đến kết quả".

Động viên tinh thần tự nguyện của công dân tham gia DQTV đã thành truyền thống qua quá trình đấu tranh cách mạng. Từ ngày thành lập đội công nông tự vệ đầu tiên (28-3-1935) đến nay, trong điều kiện Nhà nước pháp quyền, tổ chức DQTV ngày càng được pháp chế hoá,

việc tham gia DQTV đã là một nghĩa vụ của công dân ở độ tuổi quy định (độ tuổi đó hiện nay là đủ 18 đến hết 45 cho nam công dân và đủ 18 đến hết 40 cho nữ công dân). Tham gia DQTV đã thành nghĩa vụ, được thể chế hoá bằng văn bản quy phạm pháp luật là cơ sở cần thiết để bảo đảm cho lực lượng chiến lược này luôn ổn định về tổ chức biên chế, đồng thời cũng bảo đảm công bằng xã hội cho mọi công dân ở các tầng lớp xã hội khác nhau đối với quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

c) DQTV đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

LLDQTV đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng các cấp ở địa phương, cơ sở của Bộ, ngành. Đây là quan điểm quan trọng, khẳng định nguyên tắc Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt với LLDQTV. Bởi vì DQTV là một trong ba thứ quân của LLVTND Việt Nam, ra đời từ phong trào cách mạng của nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là một công cụ chủ yếu để bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ ở cơ sở, là lực lượng chiến lược của nền QPTD. Dù mang tính quần chúng rộng rãi, LLDQTV luôn phải bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng, ở đâu có sự lãnh đạo của Đảng là ở đó có xây dựng LLDQTV và ngược lại. Các cấp uỷ Đảng trực tiếp lãnh đạo LLDQTV, thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ DQTV, chăm lo về tổ chức và công tác phát triển Đảng, bảo đảm tỉ lệ đảng viên, làm nòng cốt cho mỗi đơn vị DQTV. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho LLDQTV "trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng hiện nay có nhiều địa phương đã chăm lo phát triển đảng, kết nạp được nhiều dân quân, tự vệ ưu tú vào Đảng, đã tổ chức chi bộ quân sự ở xã, phường, thị trấn để lãnh đạo công tác quốc phòng, quân sự địa phương nói chung, công tác DQTV nói riêng.

II – NỘI DUNG, BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

a) Tổ chức biên chế, trang bị

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng – an ninh của từng địa phương, từng đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh tế, xã hội của các Bộ ngành thời bình, thời chiến, tính chất chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của cả nước để tổ chức biên chế cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của DQTV trong từng giai đoạn.

– Về tổ chức, tỉ lệ, quy mô biên chế

Tổ chức biên chế, trang bị của DQTV phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng – an ninh và tính chất chính trị, kinh tế – xã hội của từng địa phương, đơn vị cũng như cả nước trong thời bình và thời chiến. Cụ thể là :

+ Tổ chức DQTV có hai lực lượng chính : Lực lượng nòng cốt (lực lượng chiến đấu) và lực lượng rộng rãi (lực lượng phục vụ chiến đấu).

Lực lượng nòng cốt : Bao gồm các đơn vị cơ sở thường trực, đơn vị chiến đấu tại chỗ và các phân đội binh chủng chuyên môn, các đơn vị chiến đấu thường trực cơ động. Hiện nay, một số địa phương đã tổ chức thành những trung đội cơ động mạnh sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng này phải được tuyển chọn bảo đảm chất lượng tốt, các phân đội tổ chức gọn có đủ các thành phần binh chủng, chuyên môn, luôn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ sở.

Lực lượng rộng rãi : Là nguồn bổ sung cho lực lượng chiến đấu khi cần thiết, được sắp xếp thành các đơn vị ở thôn, bản, khu phố, trong các xí nghiệp, doanh nghiệp... Bao gồm những người đang ở trong độ tuổi quy định và những người đã tham gia DQTV bốn năm, lực lượng này luôn sẵn sàng phát triển nhằm đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, phòng thủ trên địa bàn tỉnh (thành) hoặc khi có chiến tranh.

+ Tỷ lệ DQTV so với dân số, định hướng chung do Chính phủ quy định. Trên cơ sở đó, căn cứ vào đặc điểm, nhiệm vụ cụ thể, từng địa phương, đơn vị xác định tỷ lệ phù hợp.

+ Quy mô tổ chức, chủ yếu là tổ, tiểu, trung, đại đội; một số địa phương, ngành tổ chức đến cấp tiểu đoàn trong thời bình. Việc xác định tổ chức DQTV phải căn cứ vào kế hoạch phòng thủ trên địa bàn cơ sở, đặc điểm dân cư, khả năng trang bị, trình độ tổ chức, chỉ huy. Do đó, mỗi địa phương, đơn vị có quy mô tổ chức khác nhau. Thời chiến LLDQTV được mở rộng lực lượng và quy mô tổ chức, biên chế, trang bị.

- Về cơ cấu và chức năng cán bộ quân sự cơ sở phân đội

+ Cơ cấu biên chế ban chỉ huy quân sự cơ sở được tổ chức ở xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp của địa phương và các ngành của nhà nước gồm 3 người: chỉ huy trưởng, chính trị viên và phó chỉ huy trưởng. Ban chỉ huy quân sự cơ sở chịu trách nhiệm làm tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền cấp mình tổ chức triển khai công tác hoạt động DQTV. Ở cấp xã, phường, thị trấn chỉ huy trưởng là thành viên uỷ ban nhân dân, là đảng viên, thường nằm trong cơ cấu cấp uỷ địa phương. Các cơ sở khác, chỉ huy trưởng có thể kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm. Bí thư Đảng uỷ, bí thư chi bộ các cơ sở kiêm chính trị viên chịu trách nhiệm về công tác Đảng, công tác chính trị trong DQTV. Phó chỉ huy trưởng ở xã (phường), là cán bộ chuyên trách, các phó chỉ huy cơ sở còn lại là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có nhiệm vụ giúp chỉ huy trưởng một số việc và thay thế chỉ huy trưởng khi vắng mặt. Việc bổ nhiệm chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng do pháp luật quy định.

+ Cơ cấu cán bộ tiểu đoàn, đại đội, tiểu đội, cấp tiểu đoàn, đại đội gồm: chỉ huy trưởng, chính trị viên, phó chỉ huy trưởng. Cấp trung đội, tiểu đội gồm một cấp trưởng, một cấp phó.

Cán bộ tiểu đoàn thường do Tư lệnh quân khu kí quyết định bổ nhiệm, cán bộ đại đội thường do chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh (thành phố) bổ nhiệm, cán bộ trung đội, tiểu đội thường do chỉ huy trưởng BCHQS huyện (quận) bổ nhiệm.

– Về vũ khí trang bị của DQTV

Vũ khí trang bị cho DQTV do Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương và nhân dân chế tạo, tái tạo, thu được của địch. Tất cả các loại vũ khí đó là tài sản của Nhà nước, phải được đăng kí, quản lí, giữ gìn bảo quản chặt chẽ. Sử dụng phải đúng mục đích, đúng pháp luật. Những người được trang bị vũ khí phải có giấy chứng nhận sử dụng vũ khí.

b) Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với DQTV

– Giáo dục chính trị

Giáo dục chính trị cho LLDQTV là một nội dung hàng đầu, nhằm làm cho mọi người nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng. Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ, bảo vệ quê hương, làng xóm địa phương đơn vị mình.

Nội dung giáo dục : "Giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc ; âm mưu thủ đoạn của kẻ thù trong từng giai đoạn ; đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng ; pháp luật của Nhà nước, nhất là pháp lệnh DQTV, nhiệm vụ, phương hướng xây dựng LLVTND...".

Trong thời bình, giáo dục theo kế hoạch hằng năm, gắn với huấn luyện quân sự. Khi xảy ra chiến tranh, phải giáo dục thường xuyên nhất là những ngày đầu cuộc chiến tranh. Thời gian giáo dục chính trị khoảng 15 đến 20% so với tổng số thời gian huấn luyện chung của LLDQTV.

– Huấn luyện quân sự

Hằng năm LLDQTV được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định chung, các nội dung phù hợp và sát với cơ sở do chỉ huy quân sự địa phương các cấp xác định cụ thể. Mục

đích nhằm nâng cao kiến thức về quân sự cho LLDQTV, sẵn sàng đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ làng xã, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là chống DBHB, BLLĐ.

Thời gian huấn luyện quân sự khoảng 80–85% so với tổng thời gian quy định, trong đó kỹ thuật các binh chủng 35%, các nội dung hậu cần, quân y khoảng 10%. Thời gian huấn luyện hằng năm là thường 5–7 ngày trong chương trình 4 năm. Sau mỗi khóa huấn luyện, DQTV đều phải kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ DQTV

Đội ngũ cán bộ DQTV có vị trí hết sức quan trọng, là người trực tiếp tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động và chỉ huy lực lượng DQTV chiến đấu, phục vụ chiến đấu; giữ vững an ninh – chính trị trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở.

Hằng năm đội ngũ cán bộ trong LLDQTV được đào tạo bồi dưỡng chính trị, quân sự, chuyên môn kỹ thuật... theo chương trình dài hạn, ngắn hạn để nâng cao trình độ, kiến thức về mọi mặt.

– Cán bộ chỉ huy xã, phường, thị trấn; cán bộ chuyên trách, ban chuyên trách quân sự ở các doanh nghiệp nhà nước được bồi dưỡng ở trường quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thời gian 2 năm. Mỗi năm huấn luyện 15 ngày, nội dung còn lại tập huấn tại cơ quan quân sự cấp quận (huyện) do chỉ huy ở cấp quận (huyện) quy định. Sau khi hoàn thành nội dung chương trình huấn luyện được kiểm tra cấp giấy chứng nhận.

d) Tổ chức lãnh đạo chỉ huy DQTV

– Nắm vững cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu và chỉ huy lực lượng thuộc quyền", nghĩa là ở từng địa phương, từng đơn vị cơ sở, tổ chức hoạt động của LLDQTV phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý nhà

nước và điều hành của chính quyền địa phương các cấp, sự chỉ huy của ban chỉ huy quân sự cơ sở và cơ quan quân sự cấp trên.

- Các đơn vị thuộc ngành nhà nước đóng quân trên địa bàn địa phương ngoài sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và cơ quan quân sự ngành mình còn phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương tham gia công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Ban chỉ huy quân sự cơ sở chịu sự chỉ huy của cơ quan quân sự cấp trên.

e) Chế độ chính sách đối với DQTV

DQTV vừa là dân, vừa là quân, không thoát li sản xuất, hoạt động tại chỗ là chính, việc chăm lo tinh thần vật chất, do từng địa phương xã, phường, thị trấn, các đơn vị cơ sở thuộc các ngành nhà nước đảm nhiệm là chủ yếu. Nhà nước đã có một số chế độ chính sách đối với DQTV như :

- Phó chỉ huy trưởng chuyên trách, ban chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn) hằng tháng được hưởng một khoản phụ cấp bằng khoản phụ cấp của các chức danh khác thuộc uỷ ban nhân dân.

- Cán bộ, chiến sĩ DQTV trong thời gian tham gia LLDQTV được miễn trừ nghĩa vụ lao động công ích hằng năm.

- Cán bộ, chiến sĩ DQTV trong thời gian làm nhiệm vụ huấn luyện quân sự, thường trực sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch hoạ được hưởng chế độ như :

+ Dân quân được trợ cấp mỗi ngày một khoản tiền tương đương giá trị ngày công lao động tại địa phương. Tự vệ được hưởng nguyên lương và phụ cấp hằng tháng (nếu có).

+ Trong trường hợp đặc biệt, nếu thoát li sản xuất, luân phiên thường trực chiến đấu hoặc sẵn sàng chiến đấu tại các địa bàn trọng điểm do Bộ Quốc phòng quy định, ngoài chế độ phụ cấp đã nêu trên còn được hỗ trợ tiền ăn và một số đồ dùng khác.

– Cán bộ chỉ huy quân sự xã phường, thị trấn khi đi huấn luyện tại trường quân sự tỉnh thì gia đình được trợ cấp mỗi ngày bằng 0,1 mức lương tối thiểu hàng tháng theo Nhà nước quy định.

+ Trường hợp bị tai nạn, ốm đau hoặc chết thì được các chế độ bảo hiểm xã hội như đối với công nhân viên chức nhà nước. Đối với tự vệ do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm, đối với dân quân do ngân sách địa phương đảm nhiệm.

+ Khi bị thương, hi sinh trong lúc làm nhiệm vụ gia đình được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

Xây dựng LLDQTV rộng khắp bảo đảm chất lượng là việc làm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Trong tình hình hiện nay cần thực hiện một số biện pháp chủ yếu :

a) Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác DQTV

Cùng với giáo dục quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới, giáo dục ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Trước mắt cần tập trung phổ biến pháp lệnh DQTV, nghị định thông tư về thi hành pháp lệnh DQTV cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân, để mọi người, mọi tổ chức nhận thức đúng về công tác xây dựng LLDQTV. Đó là cơ sở để huy động sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng DQTV, làm cho công tác DQTV trở thành việc làm thường xuyên của dân, do dân, vì dân.

b) Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn địa phương trong xây dựng LLDQTV

Xây dựng LLDQTV là trách nhiệm của các cấp, các ngành và của toàn dân, nhưng trước hết là trách nhiệm của địa phương, tỉnh, thành

phố, huyện (quận), xã (phường, thị trấn). Trực tiếp cấp uỷ, uỷ ban nhân dân các cấp lãnh đạo, điều hành, cơ quan quân sự cùng với các cơ quan ban ngành khác, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội hiệp đồng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn tổ chức thực hiện, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng.

Xây dựng LLDQTV phải được kết hợp với các hoạt động phục vụ nhiệm vụ quốc phòng – an ninh tại địa phương. Một mặt thông qua hiệu quả hoạt động phát hiện các ưu điểm, khuyết điểm để rút kinh nghiệm, từ đó nâng cao chất lượng mọi mặt của các đơn vị DQTV, mặt khác, có tác dụng kiểm tra và thúc đẩy trách nhiệm của các cấp, các ngành ở địa phương đối với xây dựng DQTV. Đặc biệt phải phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và hoạt động của DQTV, thông qua sự kết hợp LLDQTV với các thành phần lực lượng khác nhất là lực lượng an ninh chuyên trách, trong xây dựng thế trận quốc phòng an ninh trên địa bàn, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động, chiến đấu và công tác.

c) Xây dựng LLDQTV gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện

Xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện là xây dựng địa phương vững mạnh trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, trong đó có một nội dung quan trọng là xây dựng về quốc phòng – an ninh.

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nội dung quốc phòng làm tốt sẽ đảm bảo sự ổn định ở cơ sở, tạo điều kiện cho nhân dân lao động sản xuất thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, góp phần xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền địa phương, như vậy LLDQTV có vị trí trong xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

Ngược lại, cơ sở vững mạnh toàn diện là môi trường xã hội có tính quyết định đến xây dựng LLDQTV vững mạnh. Cơ sở vững mạnh toàn diện là hậu phương trực tiếp vững chắc của lực lượng chiến đấu ở cơ sở, xây dựng LLDQTV đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, luôn

sẵn sàng hoàn thành các nhiệm vụ của cấp uỷ, chính quyền cơ sở giao cho.

d) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với LLDQTV

Chế độ chính sách có ý nghĩa rất lớn, thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đối với LLDQTV, đồng thời thể hiện sự công bằng xã hội. Chế độ chính sách phù hợp, tổ chức thực hiện tốt là nguồn động viên lớn, thúc đẩy cho công tác DQTV và LLDQTV phát triển. Trước mắt, cần phối hợp các ban ngành tổ chức hướng dẫn, thực hiện tốt chế độ, chính sách, chế độ khen thưởng, ngân sách bảo đảm trong tổ chức huấn luyện, hoạt động của LLDQTV đã được Pháp lệnh về DQTV và Nghị định của Chính phủ số 9/CP ngày 23/01/1998 quy định.

KẾT LUẬN

LLDQTV là một trong ba thứ quân của LLVTND, là yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh quân sự ở cơ sở để ngăn chặn đối phó với mọi tình huống. Xây dựng LLDQTV có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân ở cơ sở, đó là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là công việc phải làm thường xuyên và lâu dài. Cần nhận thức đúng đắn, có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với địa phương và Bộ ngành, cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp để xây dựng LLDQTV vững mạnh, rộng khắp.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ cần nhận thức đúng về xây dựng LLDQTV, sẵn sàng tham gia và góp phần xây dựng làm cho LLDQTV ngày càng vững mạnh, hoàn thành nghĩa vụ của một người công dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung.
- Thảo luận ở tổ hoặc lớp.
- Trao đổi sinh viên – sinh viên.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Nguyên tắc xây dựng LLDQTV.
- Nội dung xây dựng LLDQTV.
- Biện pháp xây dựng LLDQTV trong tình hình mới.

2. Tài liệu tham khảo

– Bộ Quốc phòng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình giáo dục quốc phòng*, dùng trong hệ thống trường chính trị, hành chính, đoàn thể, Tập 2, NXB QĐND, H. 1992, Tr. 176.

– Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo dục quốc phòng trong các nhà trường cao đẳng, đại học Tập 2*, NXB QĐND, H. 1992, Tr. 81.

– *Pháp lệnh dự bị động viên 1996*.

– *Nghị định của Chính phủ về dân quân tự vệ*, số 1413/TTBQP.

Khái niệm trên thể hiện 4 yếu tố cơ bản của KVPT tỉnh (thành phố) :

– *Về tổ chức* : KVPT tỉnh (thành phố) là tổ chức quốc phòng an ninh của địa phương, đây là vấn đề mang tính bản chất thể hiện sự phân biệt KVPT tỉnh (thành phố) với các tổ chức khác như tổ chức kinh tế, chính trị, quân sự, an ninh...

– *Hệ thống thể trận* : KVPT tỉnh (thành phố) hợp thành bởi hệ thống các làng, xã (phường) vững mạnh toàn diện, sự kết hợp chặt chẽ các KVPT huyện (quận), các KVPT then chốt, các căn cứ chiến đấu, các căn cứ hậu phương và các mục tiêu trọng yếu...

– *Nội dung xây dựng KVPT* : KVPT tỉnh (thành phố) được xây dựng toàn diện về chính trị, kinh tế, quân sự, an ninh, văn hoá – xã hội... cả lực lượng và thể trận để luôn tạo ra sức mạnh tổng hợp tại chỗ. Trong quá trình xây dựng, các nội dung đó luôn được nằm trong mối quan hệ tự bảo vệ và được bảo vệ theo một kế hoạch thống nhất.

– *Mục đích xây dựng KVPT* : Nhằm tạo ra sức mạnh độc lập tác chiến để bảo vệ địa phương, cơ sở tỉnh (thành phố) vững chắc cùng với cả nước bảo vệ Tổ quốc XHCN.

2. Vị trí tác dụng của khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)

Thực tế trên đất nước ta, mỗi tỉnh (thành phố) có vị trí địa lí, chính trị, kinh tế khác nhau. Có tỉnh ở trung du, miền núi, có tỉnh ở đồng bằng, ven biển. Có tỉnh (thành phố) nằm trên hướng KVPT chủ yếu trọng điểm của quân khu, quốc gia, có tỉnh trên hướng thứ yếu quan trọng. Có thành phố là thủ đô nơi trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của cả nước, có tỉnh là hậu phương chiến lược. Vì vậy khi kẻ thù đánh phá, kể cả khi chúng tiến công xâm lược vào các tỉnh (thành phố) sẽ khác nhau và yêu cầu, tính chất phòng thủ, đánh trả bảo vệ của mỗi tỉnh (thành phố) cũng sẽ khác nhau. Nhưng, do yêu cầu xây

Thực hiện tác chiến ngăn chặn, tiêu hao, sát thương, làm chậm tốc độ tiến quân của quân địch, tạo thời cơ, điều kiện phối hợp với chủ lực, địa phương bạn làm thất bại mọi thủ đoạn tác chiến của chúng, bảo vệ vững chắc địa phương góp phần bảo vệ Tổ quốc và chế độ.

3. Nhiệm vụ của khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)

KVPT tỉnh (thành phố) có những nhiệm vụ cơ bản thường xuyên sau đây :

a) Thường xuyên giữ vững ổn định chính trị, đấu tranh chống mọi hoạt động phá hoại của kẻ địch

Các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương trong khi chỉ đạo xây dựng, phát triển địa phương toàn diện, cần coi trọng bảo vệ quyền làm chủ, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân kết hợp với việc chống quan liêu, tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn của xã hội...

Giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho nhân dân, cùng với việc làm thất bại mọi âm mưu hành động xâm phạm chủ quyền và các hoạt động khác của kẻ thù. Thực hiện chống âm mưu thủ đoạn DBHB, BLLĐ của chúng, coi đó là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, thường xuyên. Phải biết tập trung chỉ đạo, phát huy sức mạnh các lực lượng, sử dụng mọi biện pháp và luôn luôn chủ động xây dựng, tập duyệt các phương án, kế hoạch để đối phó kịp thời các tình huống.

b) Xây dựng LLVT và thế trận chiến tranh nhân dân địa phương, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đánh bại mọi ý đồ xâm lược của kẻ thù

Xây dựng LLVT địa phương bao gồm : Bộ đội địa phương, DQTV và chuẩn bị lực lượng quần chúng vũ trang rộng rãi để thực hiện toàn dân đánh giặc. Xây dựng LLVT địa phương toàn diện, có chất lượng cao, tỉ lệ phù hợp đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt lâu dài, thực sự là lực lượng nòng cốt xây dựng nền QPTD và chiến tranh nhân dân địa phương.

Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân địa phương bảo đảm chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đánh bại mọi ý đồ xâm lược của kẻ thù, trong mọi tình huống. Thực hiện yêu cầu tự bảo vệ, xã giữ lấy xã, huyện giữ lấy huyện để bảo vệ vững chắc địa phương. Quá trình xây dựng thế trận luôn kết hợp chặt chẽ với xây dựng bố trí lực lượng, bảo đảm khi hoạt động tác chiến được rộng khắp, bám trụ lâu dài, cài xen, giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân địa phương.

c) Vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa sản xuất, bảo vệ sản xuất góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Một nhiệm vụ rất quan trọng, thường xuyên của KVPT tỉnh (thành phố) là động viên sức người, sức của để duy trì được mọi hoạt động, nhất là hoạt động tác chiến liên tục lâu dài, đồng thời thực hiện nghĩa vụ đóng góp lực lượng cho cấp trên, chi viện cho tỉnh bạn, thực hiện các chính sách xã hội của địa phương. Cho nên quá trình xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) phải có kế hoạch hiệp đồng chặt chẽ ngay từ đầu và cả quá trình sản xuất trong thời chiến, bảo đảm vừa chiến đấu, vừa sản xuất duy trì được đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân.

Trên đây là những nhiệm vụ chủ yếu của KVPT tỉnh (thành phố), các nhiệm vụ đó quan hệ chặt chẽ, đan xen vào nhau trong một thể thống nhất, hoàn chỉnh nhằm góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ cơ bản là xây dựng và bảo vệ tỉnh (thành phố).

II - NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH (THÀNH PHỐ)

1. Nội dung

Xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) vững mạnh toàn diện, đạt mục tiêu "vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh, văn minh về văn hoá xã hội". Cần tập trung xây dựng một số nội dung cơ bản sau đây :

a) Xây dựng về chính trị

Xây dựng về chính trị là một nội dung cơ bản, nhằm tạo ra cái gốc, cái nền vững chắc của KVPT. Nội dung xây dựng chính trị trong KVPT là toàn diện : giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tổ chức, chính sách, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, thực hiện cơ chế dân chủ ở cơ sở... cụ thể là :

– Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng

Vận dụng linh hoạt sáng tạo nhiều biện pháp để tuyên truyền giáo dục cho toàn dân, mọi đối tượng, mọi cấp, mọi ngành nhận rõ tình hình nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới, nhận rõ trách nhiệm nghĩa vụ công dân đối với đất nước, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng nước ta và đối với địa phương cũng như tinh thần yêu nước, yêu chế độ, lòng tự hào và phát huy truyền thống dân tộc. Qua đó xây dựng lòng tin vào Đảng, Nhà nước vào sự nghiệp đổi mới và sự thành công của sự nghiệp xây dựng CNXH. Trên cơ sở đó tạo nên ý thức tự nguyện, tự giác, tinh thần trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ địa phương, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

– Công tác tổ chức

Luôn kiên toàn, củng cố hệ thống tổ chức chính trị ở cơ sở, địa phương là một yếu tố trực tiếp tạo nên sức mạnh chính trị, tinh thần của KVPT, hệ thống tổ chức cơ bản đó bao gồm : Tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền các cấp, tổ chức đoàn thể quần chúng. Thường xuyên củng cố, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng, gắn với việc nâng cao chất lượng đảng viên và không ngừng chăm lo giáo dục phẩm chất đạo đức cho đảng viên nhất là đảng viên có chức, có quyền. Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, xây dựng chính quyền ở cơ sở mạnh gắn với việc kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, cửa quyền, quan liêu, ức hiếp quần chúng, xây dựng chính quyền thực sự là của dân, do dân, vì dân. Luôn phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng, đặc biệt

là phát huy vai trò hoạt động của mặt trận Tổ quốc nhằm tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, gắn với việc nâng cao đời sống vật chất, trình độ dân trí, quyền làm chủ của nhân dân.

- Thực hiện chính sách

Thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước là thiết thực đem lại quyền lợi cho mọi người dân. Thực hiện chính sách KVPT là phát huy quyền làm chủ của nhân dân "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chương trình xoá đói, giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, mức sống giữa các tầng lớp dân cư. Thường xuyên chăm lo đem lại lợi ích cụ thể cho người dân lao động. Thực hiện tốt các chính sách, chính là việc làm trực tiếp củng cố lòng tin, tạo sức mạnh của quần chúng trong việc xây dựng và bảo vệ địa phương góp phần tích cực bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ.

Tóm lại : Xây dựng về chính trị trong KVPT là một nội dung cơ bản có quan hệ tác động lớn đối với việc tạo sức mạnh tổng hợp của KVPT tỉnh (thành phố). Đó là một nội dung rất rộng, có mối liên hệ chặt chẽ với các nội dung khác, thực chất là xây dựng con người và tổ chức chính trị cơ sở, địa phương "xây dựng thể trận lòng dân". Làm cho nhân dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào sự thắng lợi của CNXH, tin vào sự chỉ đạo của chính quyền, đoàn thể các cấp luôn có sự đoàn kết nhất trí trong KVPT. Cho nên, quá trình xây dựng, cả nội dung, hình thức, biện pháp đều phải sinh động, phong phú và thích hợp.

b) Xây dựng về kinh tế

Xây dựng phát triển kinh tế là một nội dung có ý nghĩa quyết định trực tiếp tạo ra sức mạnh vật chất của KVPT tỉnh (thành phố), là yếu tố trực tiếp tạo tiềm lực vật chất của quốc phòng - an ninh tại địa phương.

Kinh tế và quốc phòng - an ninh luôn quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm thực hiện mục tiêu chung mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX

đề ra là "phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN".

Nội dung xây dựng kinh tế trong KVPT, trước hết phải nắm vững quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh của Đảng : "Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội"⁽¹⁾. Từ nội dung đó, xây dựng kinh tế trong KVPT cần chú ý giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau đây :

– Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, các địa phương khi định ra kế hoạch kinh tế – xã hội của địa phương mình, phải tính đến bảo đảm ổn định, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời từng bước tích lũy cho quốc phòng – an ninh nhằm đáp ứng hài hoà giữa xây dựng và bảo vệ địa phương, khi xây dựng các quy hoạch ngắn hạn, dài hạn về kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với quốc phòng – an ninh ngay từ đầu và cả quá trình.

Có kế hoạch biện pháp tích cực điều chỉnh dân cư, xây dựng vùng kinh tế điểm, điều hoà giữa các vùng kinh tế (vùng sâu, xa, vùng biên giới, vùng kinh tế tập trung...), làm tốt việc này chính là tạo ra lực lượng và thế trận đều khắp, vững chắc trong KVPT.

– Xây dựng kinh tế trong KVPT tỉnh (thành phố) quan hệ trực tiếp đến xây dựng hậu phương của tỉnh (thành phố) và hậu phương chiến lược quốc gia. Quan hệ đến xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương, tạo nguồn và dự trữ cơ sở vật chất cho KVPT. Quá trình xây dựng kinh tế phải kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng : điện, đường, trường, trạm với các công trình quốc phòng. Ngược lại, khi xây dựng các công trình quân sự, triển khai các cơ sở sản xuất

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, H. 2001. Tr. 30–40.

hàng quân sự, phải đáp ứng được cả hai yêu cầu : quân sự và dân sinh. Cần chú ý, tăng cường cải thiện đời sống vật chất của nhân dân, có kế hoạch phòng tránh, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn và thực hiện chính sách xã hội.

c) *Xây dựng văn hoá*

Xây dựng văn hoá trong KVPT là một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến tiềm lực tinh thần quốc phòng, nhằm góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển cao về trí tuệ, trong sáng về đạo đức, phong phú về tâm hồn, cường tráng về thể chất. Xây dựng văn hoá trong KVPT tỉnh (thành phố), cần lưu ý các nội dung chủ yếu sau :

- Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ dân trí cho mọi đối tượng, chú trọng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân ở nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Thực hiện "ai cũng được học hành" và cả nước trở thành một "xã hội học tập", chống "bỏ học, thất học".

- Trong điều kiện mở rộng quan hệ quốc tế, phải coi trọng giáo dục giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, giáo dục truyền thống đạo đức, tự hào dân tộc, gắn với việc kiên quyết đấu tranh chống sự xâm nhập văn hoá đồi trụy, phản động, đồng thời xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh, tạo môi trường văn hoá mới trong KVPT.

Về xã hội : Đảng ta xác định mục tiêu xây dựng "xã hội dân chủ, công bằng văn minh". Trên cơ sở mục tiêu đó, nội dung xây dựng về xã hội trong KVPT tỉnh (thành phố) cần tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau :

- Luôn tạo việc làm cho người lao động, bằng cách : Kết hợp chặt chẽ với Trung ương có kế hoạch quy hoạch kinh tế xã hội, tổ chức phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn của địa phương ; khuyến khích cho mọi công dân mở rộng ngành nghề thu hút lao động ; tạo điều kiện tổ chức các cơ sở sản xuất, dịch vụ, phát huy khôi phục các nghề thủ công, truyền thống để tăng việc làm lúc nhàn rỗi.

– Có kế hoạch cụ thể thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo, nhất là đối với các vùng căn cứ cách mạng, vùng dân tộc ít người. Điều cơ bản có tính chất quyết định là tổ chức tốt lao động và đời sống cho các thành viên. Duy trì và mở rộng phong trào "đền ơn, đáp nghĩa", thực hiện nghiêm "pháp lệnh về người có công", vận động toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tích cực hoạt động từ thiện, xây dựng quỹ tình nghĩa... gắn với việc đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Như vậy, văn hoá – xã hội là hai lĩnh vực, có nội dung khác nhau, nhưng quan hệ mật thiết với nhau. Quá trình xây dựng luôn kết hợp chặt chẽ hai nội dung đó, sẽ tạo ra sức mạnh cả tinh thần và vật chất của KVPT tỉnh (thành phố).

d) Xây dựng về quân sự – an ninh

Xây dựng quân sự – an ninh là nội dung trung tâm, tạo ra tiềm lực nòng cốt cho sức mạnh quốc phòng – an ninh của KVPT tỉnh (thành phố). Là nội dung có quan hệ chặt chẽ với các nội dung khác trong KVPT. Xây dựng về quân sự – an ninh phải toàn diện, nhưng đặc biệt coi trọng xây dựng hai nội dung cơ bản là : xây dựng lực lượng và thể trận, luôn kết hợp thể và lực trong quá trình xây dựng KVPT.

– Xây dựng LLVT

LLVT trong KVPT tỉnh (thành phố) gồm các lực lượng : LLVT địa phương (có bộ đội địa phương và dân quân tự vệ) ; bộ đội Biên phòng ; Công an nhân dân ; Bộ đội chủ lực (nếu có).

LLVT là một đối tượng chủ yếu mà kẻ địch đánh phá trong chiến lược DBHB của chúng đối với cách mạng nước ta. Mục tiêu của chúng là tìm mọi cách vô hiệu hoá LLVT. Xây dựng LLVT trong KVPT tỉnh (thành phố) cần nắm vững và thực hiện tốt các yêu cầu chung.

Chú trọng nâng cao chất lượng, nhất là chất lượng chính trị bảo đảm cho LLVT luôn trung thành, có bản lĩnh vững vàng, có sức chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu cao.

+ Tổ chức biến chế gọn, mạnh, có số lượng hợp lí. LLVT địa phương không tổ chức biến chế lớn, chủ yếu là có chất lượng cao, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ làm nòng cốt cho toàn dân đấu tranh và chiến đấu ở địa phương cơ sở.

+ Đề cao trách nhiệm phối hợp xây dựng LLDBĐV, coi trọng công tác tạo nguồn, xây dựng cơ sở vật chất hậu cần kĩ thuật bảo đảm cho sinh hoạt, huấn luyện thường xuyên và đáp ứng mọi tình huống chiến đấu của LLVT và toàn dân tại địa phương.

+ Chủ động chăm lo bảo quản, sửa chữa vũ khí, trang bị được cấp, tích cực tổ chức sản xuất, cải tiến vũ khí thô sơ, tự tạo bảo đảm cho toàn dân đánh giặc và luôn chủ động trong mọi tình huống khó khăn phức tạp.

Đó là bốn yêu cầu chung xây dựng LLVT trong KVPT tỉnh (thành phố), các yêu cầu đó quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Khi tiến hành xây dựng từng lực lượng, cần vận dụng linh hoạt sáng tạo, bảo đảm cho mỗi lực lượng luôn làm nòng cốt của nền QPTD, ANND, thế trận QPTD, ANND trong KVPT.

– Xây dựng thế trận KVPT

Thế trận của KVPT tỉnh (thành phố) là sự liên kết các lực lượng do LLVT làm nòng cốt, kết hợp với các lực lượng khác được bố trí vững chắc ở từng cấp, trên cùng địa bàn để đạt được yêu cầu về quốc phòng – an ninh.

Như vậy thế trận KVPT tỉnh (thành phố) là thế trận toàn diện, không phải đơn thuần là thế bố trí LLVT. Nhưng, tổ chức thế trận KVPT lại do LLVT làm nòng cốt, kết hợp với thế bố trí các lực lượng khác trên cùng một khu vực địa bàn. Đó là thế trận QPTD kết hợp chặt chẽ với thế trận ANND ở địa phương trong thời bình và sẵn sàng chuyển thành thế trận chiến tranh nhân dân ở địa phương khi có chiến tranh.

Xây dựng thể trận KVPT tỉnh (thành phố), cần nắm vững một số yếu tố : nhiệm vụ, ý định cấp trên giao ; địa hình ; dân cư của tỉnh ; âm mưu thủ đoạn của địch ; cách đánh của ta... Thể trận KVPT tỉnh (thành phố) thường gồm các thành phần :

– Các xã (phường) vững mạnh toàn diện [thời chiến là xã (phường) chiến đấu]

Đây là một thành phần thể trận rộng khắp, lấy xã (phường) làng xóm, thôn bản, đường phố, công, nông, lâm trường, xí nghiệp, nhà máy... để tổ chức, bố trí thành thể trận cơ sở. Đó chính là cơ sở tạo nên sự vững chắc của KVPT, là nền tảng, hạt nhân để hợp thành các thành phần thể trận khác.

– Các KVPT huyện (quận) thuộc tỉnh (thành phố)

KVPT huyện (quận) được tổ chức theo địa bàn hành chính của mỗi huyện (quận), hình thành trên cơ sở liên kết các thể trận cơ sở xã (phường) cùng các thành phần khác của huyện (quận) như : căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, KVPT then chốt, mục tiêu trọng yếu.

– KVPT then chốt tỉnh (thành phố)

Là khu vực địa bàn, mục tiêu trọng yếu của tỉnh (thành phố), nơi địa hình có giá trị chiến thuật, chiến dịch, nơi trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và đầu mối giao thông quan trọng. Mỗi KVPT tỉnh (thành phố) có từ 1 đến 2 KVPT then chốt, có thể nằm trong 1 huyện hoặc có thể nằm trong 2 đến 3 huyện.

– Căn cứ chiến đấu tỉnh (thành phố)

Là khu vực được lựa chọn làm nơi đứng chân, bám trụ của LLVT, nơi triển khai bố trí cơ quan lãnh đạo, chỉ huy cơ bản là bàn đạp cho lực lượng cấp trên triển khai tiến công tiêu diệt địch.

Căn cứ chiến đấu thường lựa chọn xa trục tiến công của địch, địa hình ổn định, có cơ sở chính trị vững chắc, có hậu cần kỹ thuật bảo

đảm, thuận lợi cơ động cho lực lượng ta. Mỗi tỉnh (thành phố) có thể xác định 1 đến 2 căn cứ chiến đấu chính và có các căn cứ chiến đấu dự bị.

- Căn cứ hậu phương tỉnh (thành phố)

Là nơi bố trí cơ quan lãnh đạo điều hành chỉ huy của tỉnh (thành phố), nơi triển khai các cơ sở sản xuất và dự trữ cơ sở vật chất, kĩ thuật bảo đảm cho tỉnh (thành phố) chiến đấu lâu dài.

Căn cứ hậu phương được lựa chọn ở khu vực địa hình tương đối ổn định trong các huyện (quận) phía sau, tránh xa các trục tiến công của địch. Mỗi tỉnh (thành phố) có thể xác định 1 đến 2 căn cứ hậu phương.

- Các mục tiêu trọng yếu của tỉnh (thành phố)

Gồm những mục tiêu về chính trị, quân sự, kinh tế quan trọng của tỉnh (thành phố) như : cơ quan đầu não, cơ sở kinh tế lớn, sân bay, bến cảng cần phải tập trung bảo vệ.

- Các trận địa của bộ đội chủ lực

Ở một số tỉnh (thành phố) trên hướng trọng yếu của quân khu hoặc của Bộ có thể có lực lượng chủ lực triển khai bố trí chiến đấu. Các tỉnh (thành phố) này cần phải hiệp đồng chặt chẽ thể trận giữa địa phương với chủ lực để phát huy được sức mạnh của các lực lượng, không ảnh hưởng lẫn nhau.

Ngoài các phần cơ bản trên, xây dựng thể trận trong KVPT tỉnh (thành phố) phải chú ý xây dựng các nội dung khác như : hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống công trình cơ động, công sự phòng tránh, vật cản, hệ thống kho tàng...

Tóm lại : Nội dung xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) là toàn diện, đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng và thể trận trên từng mặt, ở từng địa bàn, liên kết thành thể trận QPTD gắn kết với thể trận ANND trong tỉnh (thành phố). Trong đó lực lượng và thể trận quân sự, an ninh luôn là nòng cốt, bảo đảm cho KVPT luôn mạnh đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, lâu dài.

2. Một số biện pháp xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)

Nội dung xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) là toàn diện, cần tiến hành đồng bộ các biện pháp, trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Mỗi tỉnh (thành phố) có đặc điểm riêng, nên có những biện pháp cụ thể, nhưng cần nắm vững và vận dụng một số biện pháp chủ yếu sau đây :

a) Thường xuyên làm tốt công tác GDQP cho tất cả các đối tượng trong KVPT

GDQP là một nhiệm vụ cấp bách trước mắt, cơ bản lâu dài của KVPT tỉnh (thành phố). Tổ chức GDQP nhằm bồi dưỡng cho cán bộ, nhân dân trong KVPT nhận rõ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, nhận rõ vị trí yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung xây dựng KVPT, nhận rõ âm mưu thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm công dân, tích cực chủ động tham gia xây dựng KVPT vững chắc để bảo vệ quê hương. Kế hoạch, biện pháp giáo dục cần cụ thể, đa dạng luôn phù hợp với đối tượng và đặc điểm của từng địa phương.

b) Vận dụng đúng đắn cơ chế lãnh đạo, điều hành, chỉ huy trong KVPT

Tất cả các hoạt động của KVPT tỉnh (thành phố) đều tuân theo cơ chế : Đảng lãnh đạo, chính quyền cơ sở các cấp điều hành, cơ quan quân sự kết hợp với cơ quan trong tỉnh (thành phố) làm tham mưu, tổ chức thực hiện. Chỉ huy trưởng quân sự tỉnh (thành phố) chỉ huy thống nhất các LLVT ở địa phương khi có chiến tranh.

c) Vận dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp

Để bảo đảm yêu cầu xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) vững chắc, cần vận dụng các phương pháp tiến hành một cách linh hoạt phù hợp với từng địa phương, cụ thể các phương pháp đó là :

– Xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và từng năm về xây dựng KVPT tỉnh (thành phố). Toàn bộ quy hoạch, kế hoạch này dựa trên cơ sở kế hoạch kinh tế – xã hội của tỉnh (thành phố) mà đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

– Tổ chức xây dựng kinh tế xã hội kết hợp với xây dựng KVPT tỉnh (thành phố).

– Tổ chức tuyên truyền giáo dục với nhiều hình thức, biện pháp phong phú nhằm phát động phong trào rộng rãi, tự giác trong nhân dân, hưởng ứng ngày "Quốc phòng – an ninh".

– Thường xuyên và có kế hoạch chặt chẽ, tổ chức huấn luyện, tập duyệt các phương án, các biện pháp phòng chống, ngăn chặn, xử lý các tình huống.

d) Thực hiện nghiêm túc pháp luật, chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và đề cao trách nhiệm công dân tích cực xây dựng KVPT tỉnh (thành phố)

Quá trình tổ chức xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) phải duy trì và tổ chức thực hiện nghiêm các luật định của Nhà nước, nhất là luật về quốc phòng – an ninh như : *Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân, Pháp lệnh về dân quân tự vệ, Pháp lệnh về LLDQTV, Pháp lệnh về Bộ đội biên phòng, Nghị định 19/CP*. Thực hiện tốt các chính sách : chính sách hậu phương quân đội, gia đình có công với cách mạng, thương binh, gia đình liệt sĩ... trong KVPT. Đồng thời tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng các văn bản pháp quy mới liên quan đến quốc phòng – an ninh, đến KVPT.

Trên đây là một số biện pháp chủ yếu xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) trong giai đoạn mới. Các biện pháp đó quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Khi tiến hành các biện pháp đó phải đồng bộ, vận dụng sát với đặc điểm của từng địa phương.

KẾT LUẬN

Xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) vững chắc là một chủ trương chiến lược rất quan trọng của Đảng ta. Sau hơn 15 năm xây dựng

KVPT chúng ta đã có những thành công lớn, tuy vậy vẫn còn những hạn chế nhất định. Chủ trương của Đảng là tiếp tục đẩy mạnh xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) đi vào chiều sâu.

Những nội dung xây dựng KVPT tỉnh (thành phố) trong giai đoạn mới là toàn diện. Thực hiện tốt các nội dung đó là việc làm thường xuyên của các cấp, các ngành và toàn dân.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ của đất nước, cần nghiên cứu nắm vững những nhiệm vụ, nội dung trong xây dựng KVPT tỉnh (thành phố), có những sáng kiến, vận dụng linh hoạt mọi biện pháp, góp phần xây dựng KVPT vững chắc theo cương vị công tác của mình.

*

* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp lí thuyết tập trung.
- Trao đổi sinh viên với sinh viên.
- Thảo luận ở các tổ hoặc lớp.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Nhiệm vụ KVPT tỉnh (thành phố).
- Nội dung cơ bản xây dựng KVPT tỉnh (thành phố).

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quân lần thứ VII (phần B).
- Một số nội dung công tác quốc phòng, Tập 1, NXB QĐND, H. 2000.
- Giáo trình Giáo dục quốc phòng dùng trong hệ thống các trường chính trị, hành chính và đoàn thể, Tập 1, NXB QĐND, 1998.

Bài 12

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH TỰU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI TRONG QUÂN SỰ

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bồi dưỡng cho sinh viên hiểu được mức độ tác động của các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại (KHCHĐ) trong quân sự.
- Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm của người trí thức, tích cực đóng góp những kiến thức nhất là về khoa học kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

B – NỘI DUNG

I – TÁC ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH TỰU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI TRONG QUÂN SỰ

1. Tác động đến tư tưởng tinh thần của bộ đội

Trong chiến tranh yếu tố cơ bản quyết định thắng lợi trên chiến trường đó là con người và vũ khí trang bị, trong đó con người là quyết định nhất.

Sau cuộc chiến tranh Iraq một trung tâm nghiên cứu quân sự của Mỹ rút ra 7 bài học, trong đó có một bài học nói về mối quan hệ con người và vũ khí, "trong bất kì một cuộc chiến tranh nào, chất lượng người binh sĩ trên chiến trường là quan trọng nhất, dù binh khí kỹ thuật có hoàn hảo, kì diệu đến đâu, nhưng nếu không trao vào tay người lính có ý chí và năng lực sử dụng nó, thì các loại vũ khí trang bị đó là một vật vô dụng mà thôi".

Ngày nay, sự phát triển vũ khí công nghệ tác động rất lớn đến tâm lí con người, nhất là người lính trên chiến trường. Khả năng, uy lực lớn của vũ khí công nghệ cao có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần tư tưởng của người lính, khiến họ dễ bị dao động giảm sút ý chí chiến đấu hoặc bi quan, thiếu lòng tin, khi chưa nhận thức được tính năng tác dụng, nhất là khi chưa làm chủ được các loại vũ khí hiện đại.

Giáo dục chính trị tư tưởng là một mặt quan trọng trong công tác chính trị tư tưởng, làm cho người lính hiểu được tính năng tác dụng của phương tiện vũ khí công nghệ cao, nhận rõ được âm mưu thủ đoạn và khả năng sử dụng loại vũ khí này. Khắc phục được tư tưởng đề cao quá mức vũ khí công nghệ cao trong tư tưởng mọi người, chống lại sự kích động của kẻ thù, giải quyết tốt mối quan hệ con người và vũ khí, luôn đặt vị trí con người là chủ thể, con người điều khiển vũ khí. Ngăn chặn tư tưởng xem nhẹ coi thường kẻ thù, chủ động linh hoạt đối phó với vũ khí công nghệ cao của địch. Tăng cường huấn luyện cho người lính nắm chắc và sử dụng thành thạo các loại vũ khí phương tiện công nghệ cao, củng cố lòng tin cho họ. Tích cực xây dựng các công trình phòng tránh vũ khí công nghệ cao để bảo toàn lực lượng khi chiến tranh xảy ra.

2. Tác động đến việc phát triển vũ khí trang bị kĩ thuật và một số mặt khác có liên quan đến quốc phòng

Cùng với sự phát triển lịch sử – xã hội, lịch sử chiến tranh đã trải qua bốn giai đoạn : Vũ khí lạnh, vũ khí nóng, vũ khí nhiệt hạch và vũ khí công nghệ cao.

Vũ khí lạnh, chiếm thời gian dài nhất lịch sử chiến tranh, khoảng 5000 năm, chủ yếu là giáo mác, cung kiếm. Vũ khí nóng bắt đầu từ thế kỉ thứ X, khi Trung Quốc phát minh ra thuốc súng, được Ả-rập truyền vào Châu Âu và ứng dụng vào quân sự. Vũ khí nhiệt hạch xuất hiện sau đại chiến thế giới thứ II, khi những phát minh trong lĩnh vực vật lí hạt nhân, phản ứng hạt nhân được phát triển.

Ngày nay, cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh, vũ khí công nghệ cao ra đời. Nó có tác động đến nhiều lĩnh vực quân sự.

a) Tác động khoa học công nghệ tới sự phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật

– Trong lĩnh vực vũ khí thông thường :

+ *Tầm bắn của các phương tiện hỏa lực* : Do tác động khoa học công nghệ đã làm tăng thêm tầm bắn so với chiến tranh thế giới thứ II, pháo dã chiến tăng khoảng 5 lần, pháo chống tăng khoảng 6 lần, pháo phản lực trung bình 5 lần, bán kính hoạt động của máy bay chiến thuật tăng 5–7 lần, còn với tên lửa đất đối đất, tên lửa hành trình, tên lửa vượt đại châu tăng lên hàng vạn kilômét.

+ *Độ chính xác và cơ động*: Nhờ các phương tiện trinh sát và điều khiển, có sử dụng kỹ thuật điện tử, vi điện tử (vệ tinh) khả năng phản ứng nhanh, độ chính xác cao (xuất hiện ở chiến trường Việt Nam những năm cuối của cuộc chiến tranh chống Mĩ). Các loại đầu tự dẫn bằng laze hoặc truyền hình đã được sử dụng (trong chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc). Cũng vào thời kì đó, các loại tên lửa không đối đất với đầu tự dẫn, các tổ hợp tên lửa phòng không, các loại tên lửa đất đối hải đầu tự dẫn bằng vô tuyến, tên lửa không đối không có đầu tự dẫn bằng hồng ngoại cũng được ra đời và áp dụng rộng rãi.

+ *Về uy lực sát thương*: Được tăng đáng kể nhờ việc áp dụng những thành tựu lớn trong lĩnh vực phóng thuốc, uy lực sát thương tăng nhanh do cải tiến các loại bom, đạn, mìn và các phương tiện phóng, rải. Đây thực sự là cuộc cách mạng về uy lực và độ chính xác trong vũ khí chiến thuật cũng như vũ khí chiến lược dùng tiêu diệt các mục tiêu trong vũ trụ.

– Trong lĩnh vực vũ khí chiến lược, vũ khí công nghệ cao :

+ *Vũ khí chiến lược* : Vũ khí hạt nhân đang diễn ra sự biến đổi với nhịp độ nhanh, đối với tất cả vũ khí tiến công và phòng thủ, sự thay đổi diễn ra theo tiêu chuẩn, gọn nhẹ, tiện cơ động, phản ứng nhanh, độ chính xác cao. Các chương trình nghiên cứu hướng vào chế tạo các tên lửa vượt đại châu, tên lửa mang nhiều đầu đạn, tên lửa bố trí trên các phương tiện cơ động. Việc tăng độ chính xác cho phép giảm đương lượng nổ của đầu đạn hạt nhân cỡ trăm ki-lô-tôn (KT) là hàng kilômet, việc gia tăng công suất đầu đạn để bù đắp sự rơi lệch mục tiêu của nó là không có ý nghĩa (xem bảng 1) vì lí do trên ngày nay công suất đầu đạn phổ biến nhất là cỡ 50-100 KT.

Bảng 1 : Bán kính sát thương của các đầu đạn có đương lượng nổ khác nhau

Mục tiêu	R sát thương (m)			
	1KT	10KT	100KT	1000KT
Người ngoài công sự	900	1400	2500	5500
Người trong công sự	150	350	700	1600
Xe cộ	700	1500	3000	6000
Nhà xây	400	800	1800	4000
Rừng bị phá	400	1200	3000	7000

+ *Vũ khí công nghệ cao* : Là sản phẩm của thành tựu công nghệ cao trong quân sự, được sử dụng rộng rãi trong chiến tranh tương lai, vũ khí công nghệ cao được chia thành hai dạng, vũ khí chính xác cao và vũ khí công nghệ cao.

Vũ khí chính xác cao là loại vũ khí có điều khiển và không có điều khiển, có khả năng sát thương mục tiêu bằng phát bắn hoặc phát phóng bao gồm các loại bom, đạn, ngư lôi, tên lửa xác xuất trúng

đích khoảng 90–100% ($\Sigma \approx 1$) trên bất kì cự li nào trong giới hạn có thể tới của nó.

Vũ khí công nghệ cao là loại vũ khí được thiết kế chế tạo dựa theo thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, có sự nhảy vọt về chất, ảnh hưởng rất lớn đến NTQS, vũ khí công nghệ cao được chia thành 3 loại :

Vũ khí công nghệ cao có khả năng huỷ diệt lớn như : Hạt nhân, neutron, nhiệt hạch, neutron, hoá, sinh, vi trùng.

Vũ khí công nghệ cao dựa trên cơ sở những nguyên lí kĩ thuật mới, vũ khí năng lượng định hướng là một trong những thành tựu mới của kĩ thuật vũ khí, khả năng dùng để tiến công hay phòng ngự chiến thuật, chiến lược có thể sánh ngang với vũ khí hạt nhân vừa để tiến công máy bay, tên lửa, vệ tinh, vũ khí vũ trụ, xe tăng, khí tài thông tin, rada trong tầm tính toán, vừa sát thương người vừa sát thương huỷ hoại các phương tiện chiến tranh. Vũ khí năng lượng định hướng gồm có 4 loại (laze, vũ khí chùm hạt, chùm ion, vũ khí sóng điện từ).

Vũ khí laze có đặc điểm làm việc không quán tính tập trung năng lượng ở mật độ cao ở một tia hẹp, hướng vào phá huỷ mục tiêu.

Vũ khí sóng điện từ và chùm hạt, chùm tia ion trên cơ sở các nguồn bức xạ sóng điện từ công suất lớn, định hướng cao. Theo hướng này cả Liên bang Nga – Mỹ đều đạt tới công suất 100 triệu W và vũ khí tầm gần, sử dụng nguyên lí này đã trở thành hiện thực.

Vũ khí laze và các xung điện từ năng lượng cao có thể kích thích bằng năng lượng một vụ nổ hạt nhân, các vụ nổ hạt nhân cũng là nguồn tạo ra các chùm hạt cực mạnh (Electron, proton, neutron hay các ion) định hướng các chùm hạt này có thể tạo ra một vũ khí mạnh. Các học giả tư sản gọi những vũ khí này là vũ khí chiến lược phi hạt nhân kiểu mới. Thực chất đây sẽ là các thế hệ vũ khí sát thương lớn, việc sử dụng chúng có thể có những hậu quả không lường.

Vũ khí công nghệ cao dựa trên vũ khí thông thường được xuất hiện từ cuối Đại chiến thế giới lần thứ II (Bom bay, Đức) phát triển mạnh trong chiến tranh Việt Nam và phát triển nhảy vọt, có hiệu quả trong chiến tranh vùng Vịnh, Nam Tư.

– Các thế hệ rôbôt quân sự : Công nghệ rôbôt ra đời đã được ứng dụng rất nhanh trong quân sự năm 1980 Mỹ chế tạo 1850 rôbôt quân sự.

+ Máy bay không người lái đã được ứng dụng rộng rãi làm nhiệm vụ trinh sát, giám sát trên chiến trường, chỉ thị mục tiêu, tác chiến điện tử, làm các mục tiêu mới như đánh lừa đối phương.

+ Rôbôt điều khiển từ xa sẽ được dùng để chống tăng, rải mìn, phá huỷ mìn, tác chiến dưới nước trinh sát cảnh giới, thăm dò ô nhiễm... Trong các môi trường khắc nghiệt, khoảng cách điều khiển từ xa đối với rôbôt trên bộ có thể tới 30km, đối với máy bay không người lái có thể tới 230–300 km, rôbôt thợ lặn có ở độ sâu 1800m.

– Trong lĩnh vực thông tin liên lạc, trinh sát báo động, chỉ huy và điều khiển quân đội : Hệ thống chỉ huy, kiểm soát, truyền tin, trinh sát C3I (Command, control, communication and intelligence) hiện nay được phát triển bằng hệ thống C4I2, C4I2SR đang là một thành phần quan trọng trong quân sự. Thông qua kỹ thuật thu truyền xử lý điều khiển để thực hiện kiểm soát chiến trường, phá hoại hệ thống điện tử C4I2 của đối phương. Đây cũng là quá trình lợi dụng và chống lợi dụng năng lượng tin học trong quân sự.

Thế kỉ XXI phổ biến là "vũ khí tin học hoá" vũ khí tin học hoá xuất hiện các loại vũ khí điều khiển bằng sóng âm, sóng điện tử, tia nhìn thấy, ngoài ra còn phát triển phương tiện tác chiến tin học hoá hệ thống điều khiển chiến trường bằng tin học hoá.

– Chiến tranh điện tử : Với khái niệm C3I, C4I, C4I2SR, chiến tranh hiện đại là một cuộc chiến tranh "điện tử hoá" tất yếu sẽ dẫn

đến tác chiến điện tử là phổ biến. Giới quân sự Mỹ coi đây là cuộc cách mạng kỹ thuật quân sự lớn nhất ngày nay. Vũ khí tác chiến điện tử "trình sát điện tử, chế áp điện tử, chống chế áp điện tử, tác chiến bằng vũ khí sát thương điện tử".

Trình sát điện tử là hoạt động thu thập, phân tích các nguồn bức xạ điện tử đối phương để tìm biết mọi thông tin của đối phương về chiến thuật; kỹ thuật của hệ thống vô tuyến điện tử đối phương.

Chế áp điện tử là hoạt động gây rối loạn làm mất khả năng làm việc các phương tiện điện tử của đối phương, thủ đoạn chính là gây nhiễu đánh lừa (tạo thông tin giả). Các chuyên gia Mỹ tính rằng trong chiến tranh Việt Nam năm 1965 đến năm 1972 nếu không có trang bị chế áp điện tử trên máy bay thì số máy bay Mỹ bắn rơi có thể tăng lên gấp 5 lần.

Chống chế áp điện tử là hoạt động để đối phó với chế áp điện tử của đối phương có thủ đoạn chủ yếu được dùng là các giải pháp kỹ thuật và chiến thuật dùng chống nhiễu nguy trạng các nguồn bức xạ, điện tử của ta, tạo giả đánh lừa hệ thống trình sát điện tử và hệ thống vũ khí điện tử của đối phương, người ta có thể tạo giả cả một thành phố, một căn cứ quân sự để đánh lừa hệ thống trình sát radar ném bom của đối phương.

b) Tác động khoa học công nghệ đến một số mặt khác có liên quan đến quốc phòng

Xu hướng phát triển của khoa học công nghệ đang diễn ra rất nhanh và toàn diện, hầu như không có lĩnh vực nào không có sự tác động của khoa học công nghệ. Tuy nhiên, có thể nêu ra những thành tựu và xu hướng phát triển của một số lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng nhất, liên quan đến quốc phòng an ninh và kinh tế của các nước.

- Trong lĩnh vực điện tử tin học: Thành tựu quan trọng nhất là sự phát triển của các hệ thống máy tính điện tử, loại công cụ có mặt

trong phần lớn các hoạt động của xã hội. Hiện nay máy tính là công cụ có mặt trong phần lớn hoạt động của con người, nó phát triển theo 4 hướng : Máy tính ngày càng nhanh (máy siêu vi tính), máy tính ngày càng nhỏ (máy vi tính), máy tính có thể xử lí kiến thức (máy tính thế hệ thứ 5 trí tuệ nhân tạo), máy tính nối mạng từ xa (viễn tin học). Ngoài ra, vi điện tử kết hợp với kĩ thuật số làm biến đổi tận gốc hệ thống thông tin viễn thông với hệ thống các tổng đài điện tử, máy điện thoại nói, nghe, nhìn, di động, những mặt kể trên đang được áp dụng trong quốc phòng an ninh.

– Trong lĩnh vực vật liệu : Các vật liệu mới đã xuất hiện và được sử dụng trong điều kiện cực đoan về áp suất, nhiệt độ kể cả dưới đáy đại dương và trên không gian vũ trụ được áp dụng rộng rãi trong quân sự có composit (còn gọi là vật liệu tổ hợp) với đặc tính cường độ lớn, tỉ trọng nhỏ, đàn hồi tốt là loại vật liệu lí tưởng cho công nghệ sản xuất máy bay, tên lửa, tàu vũ trụ. Công nghệ vật liệu có thể chế tạo ra những ứng dụng kĩ thuật mới, nét nổi bật của nó trong những năm gần đây là công nghệ vật liệu hấp thụ, nhờ vậy kĩ thuật tàng hình ra đời, các loại máy bay tàng hình, kĩ thuật tàng hình trong tên lửa hành trình, tên lửa đạn đạo.

– Trong lĩnh vực năng lượng và động lực : Dầu mỏ đang dần dần vơi cạn, sẽ được thay thế dần bằng năng lượng hạt nhân, năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt là những loại năng lượng có nhiều triển vọng trong thế kỉ XXI. Sự phát triển của động cơ phản lực đã cách mạng hoá các phương tiện giao thông, vận tải với các tốc độ ngày càng cao, sức chở ngày càng lớn và đang được áp dụng trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh.

– Trong lĩnh vực công nghệ sinh học : Công nghệ sinh, hoá học cũng tác động mạnh trong lĩnh vực đảm bảo hậu cần kĩ thuật quân y. Người lính trên chiến trường được đảm bảo tốt hơn về khả năng sống còn trong điều kiện khốc liệt của các loại vũ khí. Mặc dù bị lên án,

135.8.24
18.0.24

công nghệ sinh học, vì trùng vẫn không ngừng phát triển, nó có khả năng tiêu diệt sinh lực đối phương lớn hơn nhiều lần so với vũ khí thông thường. Ngày nay, công nghệ sinh học phát triển gồm 4 loại : (Công nghệ vi sinh, kĩ thuật En-zim, kĩ thuật gen và nuôi cấy tế bào). Một trong những phát triển cuối thế kỉ XX, kĩ thuật gen là công nghệ tạo ra "vật thể sống", ví dụ như con cừu Doli.

3. Tác động khoa học kĩ thuật hiện đại đến tính chất và cơ cấu của lực lượng vũ trang

a) Tác động khoa học công nghệ đến tri thức người lính

Sự phát triển nhanh chóng của vũ khí kĩ thuật cao trong quân sự đã tác động mạnh mẽ đến tri thức người lính trên chiến trường. Xu hướng tăng tỉ trọng khoa học kĩ thuật là một biểu hiện có tính quy luật, nó không chỉ thể hiện trong việc tăng cường chất lượng và số lượng trang bị vũ khí mà quan trọng hơn là sự thách thức trình độ khoa học kĩ thuật của cán bộ, chiến sĩ những tố chất về tinh thần phải được nâng cao. Bên cạnh đó mối quan hệ về nhân lực và kĩ thuật khoa học – công nghệ hiện đại đã đưa tính năng của các loại vũ khí, trang bị kĩ thuật quân sự sang một bước mới. Người lính trên chiến trường buộc phải nắm bắt được tính năng để chinh phục nó. Bởi vậy, ngày nay trình độ khoa học – công nghệ của cán bộ, chiến sĩ trong LLVT đã được nâng lên một cách đáng kể.

b) Tác động khoa học công nghệ đến cơ cấu của LLVT

Xu thế chung về cơ cấu quân đội của các nước trong khu vực và trên thế giới giảm quân số, cơ cấu lại tổ chức các quân binh chủng, các cơ quan, các loại hình bộ đội theo hướng "mạnh, gọn, cơ động" lấy nâng cao chất lượng làm tiêu chuẩn. Nhiều nước căn cứ vào nguyên tắc "vừa đủ, vừa hợp lí" để giảm số lượng quân đội đến mức vẫn bảo đảm được an ninh quốc gia.

Từ cơ cấu LLVT trong chiến tranh kĩ thuật cao được thay đổi, trong quân đội đã xuất hiện những binh chủng mới như bộ đội tên lửa chiến lược, bộ đội tác chiến điện tử, bộ đội phòng thủ vũ trụ, bộ đội rôbốt.

Lực lượng triển khai nhanh là sản phẩm của tổ chức LLVT trong chiến tranh kĩ thuật cao, lực lượng này được biên chế gọn nhẹ, những vũ khí trang bị có chất lượng cao, khả năng cơ động lớn. Không vận, được xem là một phương tiện cơ động chủ chốt của bộ đội triển khai nhanh. Không vận được kết hợp chặt chẽ với vận tải đường biển, những căn cứ hậu cần trung gian. Phương thức này đã được áp dụng trong chiến tranh giữa Anh và Aghentina ở đảo Manvinat. Quân đội Anh đã thực hiện cơ động tác chiến cách khoảng 1,3 vạn dặm, với một đảo nổi là căn cứ trung gian cách Manvinat 600km. Trong chiến tranh vùng Vịnh (1991) tám tàu vận tải nhanh của hải quân Mỹ, trong hai tuần đã đưa được 400 xe tăng của sư đoàn 24 lục quân cơ giới từ Fort Steward tới khu vực tác chiến. Trong 19 ngày, bằng đường biển và đường không, Mỹ đã chuyển một đội quân 43.000 người và 3 triệu tấn trang bị tiếp tế cho chiến tranh vùng Vịnh.

Lực lượng phản ứng nhanh chiếm một vị trí hết sức quan trọng, vì đặc điểm chiến tranh tương lai là bất ngờ, cường độ cao, huỷ diệt lớn, thời gian ngắn. Do vậy các nước đang tăng dần xây dựng lực lượng phản ứng nhanh, có năng lực tác chiến khẩn cấp, coi đó là một tiêu chí để nâng cao khả năng chiến đấu của quân đội. Đến cuối năm 1995 lực lượng phản ứng nhanh của Mỹ đã đạt tới tỉ lệ 40% so với lực lượng lục quân. Trung Quốc xây dựng lực lượng phản ứng nhanh (RRU), một đại quân khu có một sư đoàn, tổng cộng trên 100.000 quân. Các nước khác như Malayxia, Indonexia cũng đang xây dựng lực lượng này quy mô cấp lữ đoàn. Nhiệm vụ của lực lượng phản ứng nhanh là nhanh chóng có mặt và phản ứng kịp thời ở các khu vực khủng hoảng. Ở Trung Quốc lực lượng phản ứng nhanh có nhiệm vụ chống BLLĐ.

4. Tác động khoa học đến nghệ thuật quân sự

Những thành tựu khoa học công nghệ ảnh hưởng sâu sắc đến một hệ thống các quan niệm, tư tưởng quân sự, phương thức tiến hành chiến tranh, chiến thuật, chỉ huy, bảo đảm hậu cần.

a) Quan niệm về chiến trường

Với sự phát triển của quân sự hiện đại, quan niệm về chiến trường có những thay đổi lớn, không gian chiến trường rộng lớn, không phân biệt rõ tiền tuyến với hậu phương.

Trước đây, chiến trường thường diễn ra ở khu vực biên giới của hai bên tham chiến sau đó từng bước phát triển vào chiều sâu lãnh thổ. Thời kì đầu chiến tranh, hậu phương chiến lược ở vào thế tương đối ổn định, có thể sản xuất hàng công nghiệp quốc phòng đồng thời tổ chức lực lượng dự bị chiến lược chi viện cho tiền tuyến.

Trong chiến tranh hiện đại, chiến trường sẽ diễn ra đồng thời cả tiền duyên lẫn tung thâm, các mục tiêu chiến lược ở phía sau có thể bị tập kích, chiến trường không chỉ giới hạn ở biên giới mà lan ra toàn lãnh thổ, chiến trường không chỉ ở mặt đất, trên không, trên biển mà còn cả trong vũ trụ. Khả năng cơ động cao, cho nên trong một số chiến dịch chủ yếu vẫn tiến hành trên chiến trường dự định, nhưng đồng thời vẫn có khả năng di chuyển chiến trường, do các cuộc đổ bộ đường không, đường biển quy mô lớn tạo nên. Gần đây, Mĩ đã đưa ra học thuyết "Tác chiến không bộ" và đưa thử nghiệm trong chiến tranh vùng Vịnh. Liên bang Nga dựa trên cơ sở lí luận "cụm cơ động nhanh" phát triển thành lí luận "cụm cơ động chiến dịch". Đặc điểm chung của cơ sở lí luận quân sự này, là điểm tập trung lực lượng của hai bên tham chiến đều từ tiền duyên chuyển sang tung thâm đối phương. Có thể hình dung chiến trường hiện đại có một số đặc điểm :

– Khu vực tác chiến trên suốt dải tiền duyên sẽ có các mũi giao nhau biến hoá nhanh chóng, mật độ hỏa lực dày đặc. Bộ đội tập

trung nhanh, phân tán nhanh, tác chiến hiệp đồng cũng như độc lập tác chiến.

– Tung thâm sẽ trở thành vùng chiến quan trọng, các mục tiêu trên suốt chiều sâu chiến dịch (150–6000 km) cũng sẽ đứng trước sự uy hiếp to lớn của cuộc tiến công từ đất liền, trên không hoặc trên biển bằng các vũ khí tầm xa có độ chính xác cao, sức công phá mạnh.

– Mật độ các phương tiện bay (máy bay, trực thăng, tên lửa) sẽ rất lớn. Chiến tranh điện tử và tác chiến C3I, C4I2, C4I2SR kết hợp chặt chẽ với vũ khí sát thương "cứng" làm cho không gian chiến trường mở rộng và rất ác liệt.

b) Ảnh hưởng của kĩ thuật quân sự đối với cách đánh

– *Quan niệm về mục tiêu ưu tiên* : Do vai trò hết sức to lớn của hệ thống C3I, C4I2, C4I2SR, quan niệm về mục tiêu ưu tiên có khác trước, nếu trong chiến tranh trước đây các mục tiêu chủ yếu cần tiêu diệt là các phương tiện hỏa lực, đặc biệt là các phương tiện hạt nhân. Trong tương lai, mục tiêu cần tiêu diệt đầu tiên là các hệ thống C4I2, C4I2SR của đối phương, vì chiến tranh tương lai cũng có thể bắt đầu từ chiến tranh điện tử. Tác chiến điện tử không còn đơn thuần là phương tiện bảo đảm mà còn là một hình thức tác chiến đặc biệt mang tính độc lập cao, nó kết hợp với hỏa lực chế áp tạo thành sức mạnh chủ yếu để tiêu diệt đối phương.

– *Tốc độ của hoạt động quân sự* : Chiến tranh hiện đại tiêu hao binh, hỏa lực lớn ; dự trữ đạn dược, vật tư cho một cuộc chiến tranh cũng chỉ đủ 2–3 tháng. Vì vậy, trong điều lệnh "Tác chiến không – bộ năm 2000" của Mĩ đã chủ trương, không đánh lâu dài, dành ngay ưu thế từ những ngày đầu cuộc chiến tranh. Những vũ khí mới nhất được dùng để tiến công ngay trong thời gian đầu của cuộc chiến tranh, làm cho đối phương mất khả năng phản kích.

Đánh nhanh, giải quyết nhanh được bảo đảm bằng một hệ thống chỉ huy tác chiến phản ứng nhanh, từ cấp quân đoàn đến người lính. Lực lượng vận chuyển cơ động phản ứng nhanh, hiệu suất cao, vũ khí trang bị uy lực lớn, nhưng cơ động nhanh. Bội đội đánh gần, tổ chức thành các đơn vị nhỏ, cơ động linh hoạt, tiện cho tập kết và phân tán nhanh, vũ khí gọn nhẹ nhưng có uy lực mạnh.

– *Về sử dụng hoả lực* : Sức mạnh hoả lực để tiêu diệt đối phương bao gồm vũ khí "cứng" và vũ khí "mềm". Trong từng trận chiến đấu, ở từng khu vực địa hình tác chiến, sẽ sử dụng những loại vũ khí đơn lẻ hay kết hợp nhiều loại để đạt được mục đích làm "mềm" chiến trường. Thông thường, sử dụng nhiều đơn vị hoả lực cùng bắn vào một mục tiêu hoặc sử dụng mật độ bom đạn dày đặc kết hợp với bom đạn, tên lửa có điều khiển để tiêu diệt mục tiêu trọng yếu của đối phương.

c) Ảnh hưởng của kĩ thuật quân sự tới bảo đảm hậu cần

Số lượng tiêu hao cực lớn của chiến tranh kĩ thuật cao buộc phải xem xét lại phương thức bảo đảm hậu cần. Nguyên tắc chung bao giờ cũng là lượng cung ứng phải bằng hoặc lớn hơn lượng tiêu hao. Ngày nay, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi hệ thống bảo đảm phải có lực lượng vận chuyển tin cậy, cơ động cao, dự báo tiêu hao và quản lí vật tư phải tốt, nắm vững những hướng chủ yếu, vật tư trọng điểm, có biện pháp bảo đảm kịp thời. Nắm chắc lực lượng hậu cần dự bị, có biện pháp phòng chống tập kích đường không, các vũ khí tầm xa và các mũi thọc sâu, vu hồi của đối phương vào căn cứ hậu cần kĩ thuật.

II – KHẢ NĂNG ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CÓ SỬ DỤNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

Trên đây đã đề cập tác động của khoa học công nghệ đến tính chất, đặc điểm của cuộc chiến tranh hiện đại, tuy nhiên khả năng tận

dụng các lợi thế của cuộc chiến tranh kỹ thuật cao phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như : mục tiêu chiến tranh, kinh tế, chính trị, địa lý cụ thể. Thực tế, mọi vũ khí trang bị dù hiện đại đến đâu, trong những điều kiện và mối tương quan cụ thể đều có những nhược điểm bị đối phương khai thác để chống lại. Nhìn từ góc độ NTQS dựa trên sự mưu trí, sử dụng có hiệu quả vũ khí trang bị của mình, hạn chế những điểm mạnh, khai thác tốt những nhược điểm của vũ khí trang bị đối phương là chìa khoá để giành thắng lợi. Trong tương lai, nếu chiến tranh xảy ra, kẻ thù sẽ có sử dụng vũ khí công nghệ cao, chúng ta có khả năng đánh thắng chúng, nếu biết phát huy sức mạnh tổng hợp về chính trị tinh thần, kết hợp với kỹ thuật quân sự, nghệ thuật tác chiến, cách đánh, địa hình...

1. Khả năng về chính trị – tinh thần

Để đánh bại chiến tranh xâm lược với vũ khí công nghệ cao của kẻ thù, chúng ta phải biết phát huy cao độ nhân tố chính trị, tinh thần. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, quân dân ta có ưu thế tuyệt đối về chính trị – tinh thần so với các lực lượng chiến đấu của đối phương. Đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định đầu tiên trong cuộc độ sức thắng lợi của chúng ta trên các chiến trường, mặc dù điều kiện vật chất, trang bị vũ khí kỹ thuật của chúng ta thua kém địch nhiều lần.

Ngày nay tiềm lực chính trị – tinh thần của quân dân ta được phát triển cao, tiềm lực đó đang được huy động để thực hiện sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trước mắt, chống chiến lược DBHB về mặt chính trị – tư tưởng và quyết thắng các cuộc chiến tranh xâm lược dù ở quy mô nào của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta.

Chất lượng tiềm lực chính trị – tinh thần ngày nay biểu hiện ở sự thống nhất ý chí quyết tâm ngày càng cao của toàn quân, toàn dân

của cả hệ thống chính trị ở nước ta để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN, theo đường lối đổi mới của Đảng nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chất lượng chính trị – tinh thần ngày nay được tạo ra trên cơ sở sự thống nhất cao giữa lòng yêu nước với yêu CNXH của nhân dân ta, sự đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, sự xác lập quyền làm chủ của nhân dân và sự hoàn thiện dân nhà nước của dân, do dân, vì dân, sự kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh trong nước với sức mạnh thời đại, sức mạnh truyền thống với sức mạnh hiện tại của dân tộc...

Cùng với tiềm lực chính trị – tinh thần, chúng ta có nền, thể trận QPTD gắn kết với nền, thể trận ANND được chuẩn bị vững chắc sẽ củng cố thêm niềm tin, ý chí quyết tâm để quân dân ta dám đánh và đánh bại chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao của kẻ thù.

2. Khả năng về kĩ thuật quân sự

Trong thời bình, chúng ta triển khai các công việc mà khả năng chúng ta làm được như nghiên cứu lí luận và thực tiễn cách phòng chống vũ khí công nghệ cao. Huấn luyện nắm vững các thiết bị vũ khí, phương tiện phòng chống vũ khí công nghệ cao mà dự kiến địch có thể sử dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược. Tổ chức biên chế các đơn vị, binh chủng tác chiến điện tử lực lượng triển khai nhanh, phản ứng nhanh phù hợp với tình hình thực tế nước ta, để tăng nhanh chất lượng về củng cố và xây dựng LLVT trong tình hình mới.

Khi chiến tranh xảy ra chủ động kịp thời chống phá hệ thống tác chiến điện tử, chống phá các phương tiện C3I, C4I2, C4I2SR làm tê liệt ngay từ đầu việc triển khai vũ khí công nghệ cao của địch. Đồng

thời thực hiện chống phá trình sát điện tử của chúng, có thể theo hai hướng : hướng thụ động và hướng tích cực.

Hướng thụ động : Ngay trang các mục tiêu trên mặt đất, các biện pháp thụ động dựa trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ các chế độ làm biến dạng hình ảnh các mục tiêu ở dải sóng có thể bị trình sát, như vùng ánh sáng nhìn thấy hồng ngoại, sóng vô tuyến điện. Các phương tiện thông tin, rada, tên lửa... trong thời bình chỉ được làm việc theo một chế độ ở tần số được quy định nghiêm ngặt. Ngay cả trong thời bình phải dự trữ sẵn các kênh thông tin ít có khả năng gây nhiễu cho tình huống khi có chiến tranh.

Hướng tích cực : Tạo giả các hình ảnh về mục tiêu, biện pháp này được dùng rộng rãi trong hoặc ngay trước khi chiến sự nổ ra. Trong chiến tranh vùng Vịnh, chiến tranh ở Nam Tư người ta đã dùng nhiều mô hình xe tăng giả để đánh lừa đối phương. Trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước chúng ta đã làm nhiều trận địa cao xạ giả để che dấu trận địa thật, thậm chí tạo giả các hệ thống tên lửa, các phát bắn. Ngay từ đầu Đại chiến thế giới lần thứ II, để chống lại các trận ném bom ban đêm người ta đã dùng cách tạo giả cả thành phố, một nhà máy, một cái cầu để đánh lừa các máy ngắm rada đặt trên máy bay đối phương. Các phương tiện tạo giả hết sức đơn giản, dễ chế tạo nhưng lại có hiệu quả cao. Người ta ghép các tấm tôn thành các góc phản xạ, thậm chí có thể mạ thiếc lên màng pô-ti-len đem thổi phồng để tạo giả hình các góc phản xạ để nguy trang. Những tấm tôn có kích thước chỉ vài chục mét là có thể tạo ra các dấu hiệu trên rada như một cái cầu, một nhà máy. Ở những nơi khả năng công nghiệp chưa phát triển có thể người ta dùng chăn, màn thấm nước phủ lên mục tiêu cần bảo vệ cũng có hiệu quả, dĩ nhiên việc sử dụng phương tiện này đòi hỏi một sự hiểu biết tường tận về nguyên lí làm việc của rada. Kỹ thuật ngày càng tiến bộ, người ta làm ra các máy gây nhiễu cho các máy ngắm rada ném bom, tuy vậy phương thức nguy trang đơn giản bằng các góc phản xạ vẫn có hiệu quả lớn.

Một biện pháp khác được sử dụng để vô hiệu hoá hệ thống trinh sát của đối phương là phát các tin giả có chủ ý. Những biện pháp này thực hiện khá đơn giản nhưng hiệu quả cao. Trong chiến tranh chống Mĩ trước đây, đế quốc Mĩ đã xây dựng hàng rào điện tử Mác-na-ma-ra cắt ngang tuyến đường Trường Sơn, hồng cắt nguồn viện trợ từ hậu phương của ta. Đây thực sự là mô hình C3I đầu tiên được sử dụng trong chiến tranh. Hệ thống trinh sát được thực hiện bằng các xen xô điện tử dưới dạng các "cây nhiệt đới" kết hợp với các lực lượng thám báo cung cấp tin tức từ các đoàn xe, đội hình bộ đội hành quân cho một trung tâm thu nhận đặt trên máy bay trinh sát để báo về cho trung tâm ở mặt đất điều khiển hoả lực pháo binh, máy bay đến ném bom tiêu diệt các mục tiêu đã phát hiện. Tương kế tựu kế chúng ta đã tạo giả các âm thanh để nhử địch trút bom vào chỗ không có người. Giải pháp thông minh và hết sức đơn giản này đã góp phần làm vô hiệu hoá một hệ thống kĩ thuật hiện đại đắt tiền của kẻ thù.

Phát tin giả còn để nguy trạng ý định của ta, trong chiến tranh một hệ thống trinh sát điện tử được triển khai thu tin và định vị các máy thông tin dùng cho chỉ huy. Nhờ vậy địch có thể xác định hướng di chuyển của sở chỉ huy do đó phán đoán được ý định tác chiến của ta. Nằm được điều này trước khi tiến công vào Buôn Ma Thuột trong chiến dịch Tây Nguyên (xuân 1975) cùng với các biện pháp khác, chúng ta mở máy thông tin ở các hướng khác nhằm đánh lạc hướng Mĩ, Ngụy góp phần tạo ra bất ngờ lớn.

Chống vũ khí có điều khiển : Người ta thường sử dụng các phương tiện hiện đại gây nhiễu hoặc bắn ngăn chặn các tên lửa ngay trên đường bay của chúng, như việc Mĩ dùng tên lửa Patriot để chống lại các tên lửa đạn đạo Scud của Irắc trong chiến tranh vùng Vịnh. Tuy nhiên, nếu hiểu được nguyên lí làm việc của tên lửa, ta có thể chống lại chúng một cách có hiệu quả bằng các phương tiện không đòi hỏi trình độ công nghệ cao. Trong cuộc chiến đấu đánh trả không quân, hải quân Mĩ ra miền Bắc, quân dân ta đã kết hợp các loại phương

tiện, vũ khí hiện đại, thô sơ, sáng tạo nhiều biện pháp hiệu quả đánh bại uy lực các loại vũ khí công nghệ cao, hạn chế tối đa tổn thất do giặc Mĩ gây ra.

3. Khả năng về nghệ thuật tác chiến và cách đánh

Triệt để khai thác nhược điểm vũ khí trang bị của đối phương để có cách đánh phù hợp, đó là điều chúng ta có khả năng làm được, bởi vì không có một giải pháp kỹ thuật nào mà không thể không bị chống lại bằng một giải pháp khác ; hơn nữa mỗi loại vũ khí trang bị cũng chỉ phát huy hiệu quả trong một điều kiện xác định. Xe tăng trong tương lai có gắn các phương tiện hiện đại quan sát cơ động, là lực lượng đột kích mạnh rất có hiệu quả trong điều kiện địa hình không phức tạp, nhưng lại khó phát huy tác dụng ở địa hình rừng núi, đầm lầy, đó là chỗ yếu để ta có thể lợi dụng dụ lừa chúng vào nơi địa hình hiểm yếu tiêu diệt. Hoả lực phi pháo, các loại tên lửa chiến thuật sau này có thể gắn các đầu đạn hạt nhân, đầu tự dẫn, nhưng vẫn trở nên kém hiệu quả trước lối đánh bám sát, đánh xen kẽ của chúng ta. Máy bay trực thăng kể cả loại nằm trong hệ thống C3I, C4I2, C4I2SR là phương tiện cơ động cao, nhưng vẫn không thể đối phó có hiệu quả với thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp của ta. Lịch sử thế giới đã từng chứng kiến sức mạnh của đế quốc Nguyên Mông, giỏi tác chiến trên mình ngựa. Khi đến Việt Nam đội quân này bị thất bại, do chúng ta đã lợi dụng địa hình rừng núi cản bước tiến, kéo dài đội hình kỵ binh, chia cắt và đánh vào các đội quân tiếp vận của chúng. Trong cuộc kháng chiến chống mĩ xâm lược, quân đội Mĩ được trang bị vũ khí, kỹ thuật hiện đại như máy bay chiến lược B52, các máy gây nhiễu mạnh đủ sức chế áp toàn bộ thông tin chỉ huy các đài radar và điều khiển tên lửa của ta, nhưng chúng không phát huy được uy lực và bị thất bại bởi vì quân dân ta đã triệt để khai thác các mặt yếu của chúng, đồng thời phát huy tối đa các khả năng kỹ thuật, vũ khí trang bị của ta.

Ngày nay, trong hoạt động quân sự việc sử dụng vũ khí công nghệ cao phát triển, trở thành phổ biến, gây tâm lí bí quan, lo sợ như việc quảng cáo rầm rộ về kĩ thuật tàng hình, máy bay tàng hình dường như không có đối thủ. Nguyên lí tàng hình chỉ dựa trên cơ sở triệt tiêu sóng phản xạ từ máy bay, khả năng tàng hình chỉ đạt được ở một giải sóng và một số hướng nhất định. Khai thác điều này người ta đã đưa ra nhiều giải pháp chống lại máy bay tàng hình ; cũng giống như B52 trước đây, tưởng có thể dùng nhiều hoàn toàn để bịt mắt đối phương, nhưng nó cũng đã bị radar ta phát hiện và bắn rơi. Trong chiến tranh vùng Vịnh, máy bay tàng hình F117A đã bị Hải quân Anh phát hiện ở cự li 80-100 dặm. Điều này được lí giải là cơ chế tàng hình không phát huy được tác dụng ở hướng phía lưng và bụng, tín hiệu phản xạ từ các hướng này có thể phát hiện máy bay tàng hình, nghĩa là nếu ở điều kiện địa hình, khí hậu cụ thể và biết vận dụng kinh nghiệm trong các cuộc chiến tranh trước đây, chúng ta nhất định sẽ làm hạn chế đến mức thấp nhất hoạt động của mục đích tàng hình.

Như vậy, để có phương pháp tốt, cách đánh hay, đánh thắng vũ khí công nghệ cao của kẻ thù, chúng ta phải kết hợp chặt chẽ giữa trí thông minh, lòng dũng cảm của người Việt Nam với việc nghiêm túc học tập nghiên cứu nắm vững khoa học công nghệ mới, nhất là các loại vũ khí công nghệ cao để khoét sâu vào chỗ yếu, hạn chế tối đa chỗ mạnh của loại vũ khí này, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của ta, đánh bại chiến tranh vũ khí công nghệ cao khi kẻ thù sử dụng.

KẾT LUẬN

Ngày nay, xu thế khoa học công nghệ phát triển với tốc độ nhảy vọt, trong đó có khoa học công nghệ quân sự. Để đánh thắng vũ khí công nghệ cao của đối phương trong tương lai, cần nâng cao kiến thức trình độ khoa học công nghệ ngay từ trong thời bình và có

quan điểm đúng đắn về phòng tránh, đánh trả khi chiến tranh xảy ra. Sinh viên là lớp trí thức trẻ cần học tập, nghiên cứu nâng cao kiến thức quốc phòng, kiến thức khoa học công nghệ về quân sự nói riêng để góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng vững mạnh hoàn thành nghĩa vụ của người công dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

*
* *

C – TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Lên lớp tập trung.
- Thảo luận ở tổ hoặc lớp.
- Trao đổi sinh viên – sinh viên.

D – NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nội dung nghiên cứu

- Tác động thành tựu KHCN công nghệ hiện đại đến NTQS.
- Khả năng đánh thắng cuộc chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao.

2. Tài liệu tham khảo

– Bộ Quốc phòng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo dục quốc phòng (dùng trong các trường cao đẳng, đại học)* Tập 1, NXB QĐND, H. 1992, Tr. 100.

– *Quốc phòng an ninh*, NXB QĐND, H. 1998, Tr. 44.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Bài mở đầu</i> Giáo dục quốc phòng cho sinh viên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	5
<i>Bài 1</i> Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	20
<i>Bài 2</i> Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	42
<i>Bài 3</i> Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	60
<i>Bài 4</i> Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	74
<i>Bài 5</i> Phòng chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	89
<i>Bài 6</i> Nghệ thuật quân sự Việt Nam	106
<i>Bài 7</i> Kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng	126
<i>Bài 8</i> Công tác quốc phòng ở các Bộ, ngành, địa phương	141
<i>Bài 9</i> Xây dựng lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp	156
<i>bài 10</i> Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ	173
<i>Bài 11</i> Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	187
<i>Bài 12</i> Tác động của các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại trong quân sự	203
	223

GIÁO TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - TẬP MỘT

Mã số: 7X382T6 - DAI

In 2000 bản khổ 14,3 x 20,3 cm, tại Công ty Cổ phần In Phúc Yên.

Số xuất bản: 19 - 2006/CXB/318 - 2056/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2006.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

HEVOBCO

Địa chỉ : 25 Hàn Thuyên, Hà Nội



Giá: 15.200đ